

HỒ SƠ MỜI THẦU

(*Bản điều chỉnh*)

Số hiệu gói thầu: TDV 10
Tên gói thầu: Thuê dịch vụ CNTT về quản trị và vận hành hạ tầng CNTT cho hệ thống e-GP
Phát hành ngày: 26/5/2023

Tư vấn lập hồ sơ mời thầu
(nếu có)
[ghi tên, đóng dấu]

Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển
Hệ thống đấu thầu qua mạng quốc
gia
[ghi tên, đóng dấu]



TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thế Cường

TỪ NGỮ VIẾT TẮT

BDL	Bảng dữ liệu đấu thầu
CDNT	Chi dẫn nhà thầu
ĐKC	Điều kiện chung của hợp đồng
ĐKCT	Điều kiện cụ thể của hợp đồng
Hệ thống	Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia (https://muasamcong.mpi.gov.vn)
HSDT	Hồ sơ dự thầu
HSMT	Hồ sơ mời thầu
IDNES	Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Hệ thống đấu thầu qua mạng quốc gia
VND	đồng Việt Nam

Phần thứ nhất. THỦ TỤC ĐẤU THẦU
CHƯƠNG I. CHỈ DẪN NHÀ THẦU
A. TỔNG QUÁT

Mục 1. Nội dung đấu thầu

- 1.1. IDNES phát hành bộ HSMT này để lựa chọn nhà thầu thực hiện gói thầu cung cấp dịch vụ phi tư vấn được mô tả trong Phần thứ hai - Yêu cầu về phạm vi cung cấp.
- 1.2. Tên và thời gian thực hiện hợp đồng được quy định tại **BDL**.

Mục 2. Tư cách hợp lệ của nhà thầu và các hành vi bị cấm trong đấu thầu

2.1. Nhà thầu có tư cách hợp lệ khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

- a. Có đăng ký thành lập, hoạt động do cơ quan có thẩm quyền của nước mà nhà thầu đang hoạt động cấp;
- b. Hạch toán tài chính độc lập;
- c. Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật;
- d. Nhà thầu không có cổ phần hoặc vốn góp trên 20% của nhau khi cùng tham dự trong một gói thầu áp dụng hình thức đấu thầu hạn chế;
- e. Đã đăng ký trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. Đối với trường hợp các gói thầu có giá trị không quá 500 triệu đồng thì không bắt buộc Nhà thầu phải đăng ký trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;
- f. Nhà thầu tham dự thầu với nhà thầu thực hiện dịch vụ tư vấn cho gói thầu đó không có cổ phần hoặc vốn góp của nhau; không cùng có cổ phần hoặc vốn góp trên 20% của một tổ chức, cá nhân khác với từng bên;
- g. Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu;
- h. Có tên trong danh sách ngăn đối với trường hợp đã lựa chọn được danh sách ngắn; Các nhà thầu có tên trong danh sách ngắn không được liên danh với nhau để tham dự thầu.

2.2. Các hành vi bị cấm:

- a. Đưa, nhận, môi giới hối lộ.
- b. Lợi dụng chức vụ quyền hạn để can thiệp trái phép vào hoạt động đấu thầu.
- c. Thông thầu:
 - Thỏa thuận về việc rút khỏi việc dự thầu hoặc rút đơn dự thầu được nộp trước đó để một hoặc các bên tham gia thỏa thuận thắng thầu;
 - Thỏa thuận để một hoặc nhiều bên chuẩn bị HSDT cho các bên tham dự thầu để một

bên thắng thầu;

- Thỏa thuận về việc từ chối cung cấp hàng hóa, không ký hợp đồng thầu phụ hoặc các hình thức gây khó khăn khác cho các bên không tham gia thỏa thuận.

d. Gian lận: Cố ý trình bày sai hoặc làm sai lệch, cung cấp không trung thực thông tin, hồ sơ, tài liệu của một bên trong quá trình đấu thầu nhằm thu được lợi ích cho mình, làm sai lệch kết quả lựa chọn Nhà thầu hoặc nhằm trốn tránh nghĩa vụ.

e. Cản trở:

- Hủy hoại, lừa dối, thay đổi, che giấu chứng cứ hoặc báo cáo sai sự thật; đe dọa, quấy rối hoặc gợi ý đối với bất kỳ bên nào nhằm ngăn chặn việc làm rõ hành vi đưa, nhận, môi giới hối lộ, gian lận hoặc thông đồng đối với cơ quan có chức năng, thẩm quyền về giám sát, kiểm tra, thanh tra, kiểm toán;

- Các hành vi cản trở đối với nhà thầu, cơ quan có thẩm quyền về giám sát, kiểm tra, thanh tra, kiểm toán.

f. Không bảo đảm công bằng, minh bạch:

- Nhà thầu tham dự gói thầu hàng hóa, dịch vụ xây lắp do mình cung cấp dịch vụ tư vấn trước đó;

- Đứng tên tham dự thầu, chào hàng, đề xuất cung ứng đối với gói thầu trong thời hạn 12 tháng, kể từ khi thôi việc tại IDNES;

g. Tiết lộ những tài liệu, thông tin sau đây về quá trình lựa chọn Nhà thầu:

- Nội dung HSMT trước thời điểm phát hành;

- Nội dung HSĐT các ý kiến nhận xét, đánh giá đối với từng HSĐT trước khi công khai danh sách ngắn, kết quả lựa chọn Nhà thầu;

- Nội dung yêu cầu làm rõ HSĐT của IDNES và trả lời của Nhà thầu trong quá trình đánh giá HSĐT trước khi công khai kết quả lựa chọn Nhà thầu;

- Báo cáo của tổ chuyên gia, báo cáo của nhà thầu/nhà cung ứng dịch vụ tư vấn, báo cáo của đơn vị chuyên môn trong quá trình lựa chọn nhà thầu trước khi công khai kết quả lựa chọn Nhà thầu;

- Kết quả lựa chọn nhà thầu trước khi được công khai theo quy định;

- Các tài liệu khác trong quá trình lựa chọn nhà thầu được coi là tài liệu bảo mật theo quy định của IDNES.

h. Nhà thầu chuyển nhượng cho nhà thầu khác khác phần công việc thuộc gói thầu có giá trị từ 10% trở lên hoặc dưới 10% nhưng trên 50 tỷ đồng (sau khi trừ phần công việc thuộc

trách nhiệm của nhà thầu phụ) tính trên giá hợp đồng đã ký kết.

Mục 3. Nội dung của HSMT

3.1. HSMT gồm có các Phần 1, 2, 3 và cùng với tài liệu sửa đổi HSMT theo quy định tại Mục 5 CDNT (nếu có), trong đó cụ thể bao gồm các nội dung sau đây:

Phần thứ nhất. Thủ tục đấu thầu:

- Chương I. Chỉ dẫn nhà thầu;
- Chương II. Bảng dữ liệu đấu thầu;
- Chương III. Tiêu chuẩn đánh giá HSDT;
- Chương VI. Biểu mẫu dự thầu.

Phần thứ hai. Yêu cầu về phạm vi cung cấp:

- Chương V. Yêu cầu về phạm vi cung cấp.

Phần thứ ba. Điều kiện hợp đồng và Biểu mẫu hợp đồng:

- Chương VI. Điều kiện chung của hợp đồng;
- Chương VII. Điều kiện cụ thể của hợp đồng;
- Chương VIII. Biểu mẫu hợp đồng.

3.2. Thư mời thầu, thông báo mời thầu do IDNES phát hành hoặc cung cấp không phải là một phần của HSMT.

3.3. IDNES sẽ không chịu trách nhiệm về tính chính xác, hoàn chỉnh của HSMT, tài liệu giải thích làm rõ HSMT, biên bản hội nghị tiền đấu thầu (nếu có) hay các tài liệu sửa đổi HSMT theo quy định tại Mục 5 CDNT nếu các tài liệu này không được cung cấp bởi IDNES. Các tài liệu do nhà thầu nhận được nếu có mâu thuẫn về nội dung thì tài liệu do IDNES phát hành sẽ có ý nghĩa quyết định.

3.4. HSMT được phát hành bằng hình thức trực tuyến trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia (<https://muasamcong.mpi.gov.vn>).

3.5. Nhà thầu phải nghiên cứu mọi thông tin chỉ dẫn, biểu mẫu, yêu cầu về phạm vi cung cấp và các yêu cầu khác trong HSMT để chuẩn bị lập HSDT bao gồm tất cả thông tin hay tài liệu theo yêu cầu của HSMT.

Mục 4. Làm rõ HSMT

4.1. Trong trường hợp cần làm rõ HSMT, nhà thầu phải gửi đề nghị làm rõ đến IDNES thông qua Hệ thống trong thời gian theo quy định lại **BDL** để xem xét, xử lý. Trường hợp việc làm rõ dẫn đến phải sửa đổi HSMT thì IDNES phải tiến hành sửa đổi HSMT theo thủ tục quy định tại Mục 5 CDNT.

4.2. Nhà thầu cần thường xuyên cập nhật thông tin về sửa đổi, làm rõ E-HSMT trên Hệ thống để bảo đảm cho việc chuẩn bị HSDT phù hợp và đáp ứng với yêu cầu của HSMT.

Mục 5. Sửa đổi HSMT

5.1. Trường hợp sửa đổi HSMT thì bên mời thầu phải đăng tải quyết định sửa đổi HSMT và HSMT đã được sửa đổi cho phù hợp (file đính kèm)

5.2. Việc sửa đổi HSMT được thực hiện trong thời gian quy định tại **BDL**.

Mục 6. Chi phí dự thầu

Nhà thầu phải chịu mọi chi phí liên quan đến việc chuẩn bị và nộp HSDT. Trong mọi trường hợp, IDNES sẽ không phải chịu trách nhiệm về các chi phí liên quan đến việc tham dự thầu của nhà thầu.

Mục 7. Ngôn ngữ của HSDT

HSDT cũng như tất cả thư từ và tài liệu liên quan đến HSDT được trao đổi giữa nhà thầu với IDNES được viết bằng Tiếng Việt. Các tài liệu và tư liệu bổ trợ trong HSDT có thể được viết bằng ngôn ngữ khác, đồng thời kèm theo bản dịch sang ngôn ngữ của HSMT. Trường hợp thiếu bản dịch, nếu cần thiết, IDNES có thể yêu cầu nhà thầu gửi bổ sung.

Mục 8. Đồng tiền dự thầu và đồng tiền thanh toán

Đồng tiền dự thầu: Việt Nam đồng (VND).

Mục 9. Thành phần của HSDT

HSDT phải bao gồm các thành phần sau:

9.1. Đơn dự thầu theo quy định tại Mục 10 CDNT;

9.2. Thỏa thuận liên danh đối với trường hợp nhà thầu liên danh theo Mẫu số 03 Chương IV - Biểu mẫu dự thầu;

9.3. Bảo đảm dự thầu theo quy định tại Mục 15 CDNT;

9.4. Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của nhà thầu, của người ký đơn dự thầu theo quy định tại Mục 2 và Mục 16.1 CDNT;

9.5. Tài liệu chứng minh năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu theo quy định tại Mục 13 CDNT;

9.6. Đề xuất về kỹ thuật và các tài liệu chứng minh sự đáp ứng về kỹ thuật của dịch vụ theo quy định tại Mục 12 CDNT;

9.7. Đề xuất về giá và các bảng biểu được ghi đầy đủ thông tin theo quy định tại Mục 10 và Mục 11 CDNT;

9.8. Các nội dung khác theo quy định tại **BDL**.

Mục 10. Đơn dự thầu và các bảng biểu

Nhà thầu phải lập các bảng biểu tương ứng theo mẫu quy định tại Chương IV - Biểu mẫu dự thầu. Nhà thầu có thể sử dụng Đơn dự thầu theo mẫu quy định tại Chương IV hoặc Đơn dự thầu được trích xuất từ Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia (<https://muasamcong.mpi.gov.vn>);

Mục 11. Giá dự thầu và giảm giá

11.1. Giá dự thầu là giá do nhà thầu ghi trong đơn dự thầu, bao gồm toàn bộ các chi phí (chưa tính giảm giá) để thực hiện gói thầu theo yêu cầu quy định tại Phần thứ hai - Yêu cầu về phạm vi cung cấp.

11.2. Nhà thầu phải nộp HSDT cho toàn bộ công việc được yêu cầu trong HSMT và ghi đơn giá dự thầu, thành tiền cho tất cả các công việc nêu trong các cột “Danh mục dịch vụ”, “Mô tả dịch vụ” tại Bảng tổng hợp giá dự thầu theo mẫu tương ứng quy định tại Chương IV - Biểu mẫu dự thầu.

Trường hợp tại cột “đơn giá dự thầu” và cột “thành tiền” có dịch vụ mà nhà thầu không ghi giá trị hoặc ghi là “0” thì được coi là nhà thầu đã phân bổ giá của dịch vụ này vào các dịch vụ khác thuộc gói thầu, nhà thầu phải có trách nhiệm cung cấp dịch vụ theo đúng yêu cầu nêu trong HSMT và không được IDNES thanh toán trong quá trình thực hiện hợp đồng.

11.3. Trường hợp nhà thầu có đề xuất giảm giá thì có thể ghi trực tiếp vào đơn dự thầu hoặc đề xuất riêng trong thư giảm giá. Trường hợp giảm giá, nhà thầu phải nêu rõ nội dung và cách thức giảm giá vào các hạng mục cụ thể nêu trong cột “Danh mục dịch vụ”. Trường hợp không nêu rõ cách thức giảm giá thì được hiểu là giảm đều theo tỷ lệ cho tất cả hạng mục nêu trong cột “Danh mục dịch vụ”. Trường hợp có thư giảm giá thì thư giảm giá phải bảo đảm IDNES nhận được trước thời điểm đóng thầu.

11.4. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm để thực hiện hoàn thành các công việc theo đúng yêu cầu nêu trong HSMT, trường hợp nhà thầu có đơn giá bất thường, IDNES có thể yêu cầu nhà thầu làm rõ về cơ cấu đơn giá đó theo quy định tại Mục 21 CDNT. Giá dự thầu của nhà thầu phải bao gồm toàn bộ các khoản thuế, phí, lệ phí (nếu có) áp theo thuế suất, mức phí, lệ phí tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định. Trường hợp nhà thầu tuyên bố giá dự thầu không bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) thì HSDT của nhà thầu sẽ bị loại.

Mục 12. Tài liệu chứng minh sự đáp ứng về kỹ thuật

12.1. Để chứng minh sự đáp ứng của dịch vụ so với yêu cầu của HSMT, nhà thầu phải cung cấp các tài liệu là một phần của HSDT để chứng minh rằng các dịch vụ mà mình cung cấp

phù hợp với các yêu cầu và tiêu chuẩn kỹ thuật quy định tại Chương V Phần thứ hai - Yêu cầu về phạm vi cung cấp.

12.2. Các tiêu chuẩn về cung cấp dịch vụ chỉ mang tính mô tả mà không nhằm mục đích hạn chế nhà thầu. Nhà thầu có thể đưa ra các tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ khác với điều kiện chứng minh được với IDNES rằng những tiêu chuẩn thay thế này tương đương hoặc cao hơn so với những tiêu chuẩn quy định tại Chương V - Yêu cầu về phạm vi cung cấp.

Mục 13. Tài liệu chứng minh năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu

13.1. Nhà thầu phải ghi các thông tin cần thiết vào các Mẫu trong Chương IV - Biểu mẫu dự thầu để chứng minh năng lực và kinh nghiệm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Chương III - Tiêu chuẩn đánh giá HSDT. Nhà thầu phải chuẩn bị sẵn sàng các tài liệu gốc để phục vụ việc xác minh khi có yêu cầu của IDNES.

13.2. Các tài liệu để chứng minh năng lực thực hiện hợp đồng của nhà thầu nếu được công nhận quy định tại **BDL**.

Mục 14. Thời hạn có hiệu lực của HSDT

14.1. HSDT phải có hiệu lực không ngắn hơn thời hạn quy định tại **BDL**.

HSDT nào có thời hạn hiệu lực ngắn hơn quy định sẽ không được tiếp tục xem xét, đánh giá.

14.2. Trong trường hợp cần thiết, trước khi hết thời hạn hiệu lực của HSDT, IDNES có thể đề nghị các nhà thầu gia hạn hiệu lực của HSDT, đồng thời yêu cầu nhà thầu gia hạn tương ứng thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu (bằng thời gian có hiệu lực của HSDT sau khi gia hạn cộng thêm 30 ngày). Nếu nhà thầu không chấp nhận việc gia hạn hiệu lực của HSDT thì HSDT của nhà thầu không được xem xét tiếp và nhà thầu sẽ được nhận lại bảo đảm dự thầu. Nhà thầu chấp nhận đề nghị gia hạn không được phép thay đổi bất kỳ nội dung nào của HSDT.

Mục 15. Bảo đảm dự thầu

15.1. Khi tham dự thầu, nhà thầu phải thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu trước thời điểm ký hợp đồng theo hình thức thư bảo lãnh do ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành như quy định tại Mục 15.2 CDNT. Trường hợp sử dụng thư bảo lãnh thì thư bảo lãnh đó phải theo Mẫu số 04 Chương IV - Biểu mẫu dự thầu hoặc theo một hình thức khác tương tự nhưng phải bao gồm đầy đủ các nội dung cơ bản của bảo lãnh dự thầu. Trường hợp HSDT được gia hạn hiệu lực theo quy định tại Mục 14.2 CDNT thì hiệu lực của bảo đảm dự thầu cũng phải được gia hạn tương ứng.

Trường hợp liên danh thì phải thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu theo một trong hai cách

sau:

a. Từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện riêng rẽ bảo đảm dự thầu nhưng bảo đảm tổng giá trị không thấp hơn mức yêu cầu quy định tại Mục 15.2 CDNT; nếu bảo đảm dự thầu của một thành viên trong liên danh được xác định là không hợp lệ thì HSDT của liên danh đó sẽ không được xem xét, đánh giá tiếp. Nếu bất kỳ thành viên nào trong liên danh vi phạm quy định của pháp luật dẫn đến không được hoàn trả bảo đảm dự thầu theo quy định tại Mục 15.5 CDNT thì bảo đảm dự thầu của tất cả thành viên trong liên danh sẽ không được hoàn trả.

b. Các thành viên trong liên danh thỏa thuận để một thành viên chịu trách nhiệm thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu cho thành viên liên danh đó và cho thành viên khác trong liên danh. Trong trường hợp này, bảo đảm dự thầu có thể bao gồm tên của liên danh hoặc tên của thành viên chịu trách nhiệm thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu cho cả liên danh nhưng bảo đảm tổng giá trị không thấp hơn mức yêu cầu quy định tại Mục 15.2 CDNT. Nếu bất kỳ thành viên nào trong liên danh vi phạm quy định của pháp luật dẫn đến không được hoàn trả bảo đảm dự thầu theo quy định tại Mục 15.5 CDNT thì bảo đảm dự thầu sẽ không được hoàn trả.

15.2. Giá trị, đồng tiền và thời gian hiệu lực của bảo đảm dự thầu theo quy định tại **BDL**.

15.3. Bảo đảm dự thầu được coi là không hợp lệ khi thuộc một trong các trường hợp sau đây: có giá trị thấp hơn, thời gian hiệu lực ngắn hơn so với yêu cầu quy định tại Mục 15.2 CDNT, không đúng tên IDNES (đơn vị thụ hưởng), không phải là bản gốc và không có chữ ký hợp lệ hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho IDNES.

15.4. Nhà thầu không được lựa chọn sẽ được hoàn trả hoặc giải tỏa bảo đảm dự thầu trong thời hạn tối đa theo quy định tại **BDL**, kể từ ngày thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu. Đối với nhà thầu được lựa chọn, bảo đảm dự thầu được hoàn trả hoặc giải tỏa sau khi nhà thầu thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng.

15.5. Bảo đảm dự thầu không được hoàn trả trong các trường hợp sau đây:

a. Nhà thầu rút HSDT sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của HSDT;

b. Nhà thầu vi phạm pháp luật về đấu thầu dẫn đến phải hủy thầu theo quy định tại điểm c Mục 28.1 CDNT;

c. Nhà thầu không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Mục 33 CDNT;

d. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối tiến hành thương thảo hợp đồng trong thời hạn 5 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo mời đến thương thảo hợp đồng của IDNES, trừ trường hợp bất khả kháng;

e. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối tiến hành hoàn thiện, ký kết hợp đồng trong thời gian quy định tại Thông báo chấp thuận HSDT và trao hợp đồng của IDNES, trừ trường hợp bất khả kháng.

Mục 16. Quy cách HSDT và chữ ký trong HSDT

16.1. HSDT phải được đánh máy, đánh số trang theo thứ tự liên tục. Đơn dự thầu, thư giảm giá (nếu có), các văn bản bổ sung, làm rõ HSDT, Bảng giá và các biểu mẫu khác tại Chương IV - Biểu mẫu dự thầu phải được đại diện hợp pháp của nhà thầu hoặc người được ủy quyền hợp pháp ký tên và đóng dấu (nếu có), trường hợp ủy quyền phải có giấy ủy quyền theo Mẫu số 02 Chương IV - Biểu mẫu dự thầu hoặc bản chụp Điều lệ công ty, Quyết định thành lập chi nhánh được chứng thực hoặc các tài liệu khác chứng minh thẩm quyền của người được ủy quyền và được nộp cùng với HSDT.

16.2. Trường hợp là nhà thầu liên danh thì HSDT phải có chữ ký của đại diện hợp pháp của tất cả các thành viên liên danh hoặc thành viên đại diện nhà thầu liên danh theo thỏa thuận liên danh. Để bảo đảm tất cả các thành viên của liên danh đều bị ràng buộc về pháp lý, văn bản thỏa thuận liên danh phải có chữ ký của các đại diện hợp pháp của tất cả các thành viên trong liên danh.

16.3. Những chữ được ghi thêm, ghi chèn vào giữa các dòng, những chữ bị tẩy xóa hoặc viết đè lên sẽ chỉ được coi là hợp lệ nếu có chữ ký ở bên cạnh hoặc tại trang đó của người ký đơn dự thầu.

16.4. Nhà thầu nộp HSDT qua Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia (<https://muasamcong.mpi.gov.vn>). Nhà thầu chỉ nộp một bộ HSDT đối với một thông báo mời thầu khi tham gia đấu thầu qua mạng. Trường hợp liên danh, thành viên đứng đầu liên danh (đại diện liên danh) hoặc thành viên được phân công trong thỏa thuận liên danh nộp HSDT.

16.5. Nhà thầu nộp bản mềm HSDT (bản scan HSDT có đủ chữ ký, dấu (nếu có) của nhà thầu) thông qua Hệ thống không muộn hơn thời hạn quy định tại BDL, tiêu đề ghi rõ “[Số hiệu gói thầu]_[Tên nhà thầu]_Bản gốc HSDT”. Trường hợp sửa đổi, tiêu đề bản mềm HSDT sửa đổi phải ghi rõ “[Số hiệu gói thầu]_[Tên nhà thầu]_Bản sửa đổi HSDT”. Các HSDT sửa đổi được nộp thông qua Hệ thống sau thời điểm hết hạn nộp HSDT sẽ không được xem xét.

16.6. Nhà thầu được lựa chọn thực hiện gói thầu phải nộp 01 bản gốc HSDT cho IDNES trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được công văn mời thương thảo hợp đồng.

Mục 17. Thời điểm đóng thầu

17.1. Nhà thầu phải bảo đảm IDNES nhận được HSDT trước thời điểm đóng thầu. Thời điểm đóng thầu được quy định tại **BDL**. IDNES tiếp nhận HSDT của tất cả các nhà thầu nộp HSDT trước thời điểm đóng thầu thông qua Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia (<https://muasamcong.mpi.gov.vn>).

17.2. IDNES có thể gia hạn thời điểm đóng thầu bằng cách sửa đổi HSMT theo quy định tại Mục 5 CDNT. Khi gia hạn thời điểm đóng thầu, mọi trách nhiệm của IDNES và nhà thầu theo thời điểm đóng thầu trước đó sẽ được thay đổi theo thời điểm đóng thầu mới được gia hạn.

Mục 18. HSDT nộp muộn

IDNES sẽ không xem xét bất kỳ HSDT nào được nộp sau thời điểm đóng thầu. Bất kỳ HSDT nào mà IDNES nhận được sau thời điểm đóng thầu sẽ bị tuyên bố là HSDT nộp muộn và bị loại.

Mục 19. Rút, thay thế và sửa đổi HSDT

19.1. Sửa đổi, nộp lại HSDT: Trường hợp cần sửa đổi HSDT đã nộp, nhà thầu phải tiến hành rút HSDT đã nộp trước đó để sửa đổi cho phù hợp. Sau khi hoàn thiện HSDT, nhà thầu tiến hành nộp lại HSDT mới.

19.2. Rút HSDT: nhà thầu được rút HSDT trước thời điểm đóng thầu. Hệ thống thông báo cho nhà thầu tình trạng rút HSDT (thành công hay không thành công). Hệ thống ghi lại thông tin về thời gian rút HSDT của nhà thầu. Sau thời điểm đóng thầu, tất cả các HSDT nộp thành công trên Hệ thống đều được mở thầu để đánh giá.

19.3. Nhà thầu không được sửa đổi, thay thế hoặc rút HSDT sau thời điểm đóng thầu cho đến khi hết hạn hiệu lực của HSDT mà nhà thầu đã ghi trong đơn dự thầu hoặc đến khi hết hạn hiệu lực đã gia hạn của HSDT.

Mục 20. Bảo mật

20.1. Thông tin liên quan đến việc đánh giá HSDT và đề nghị trao hợp đồng phải được giữ bí mật và không được phép tiết lộ cho các nhà thầu hay bất kỳ người nào không có liên quan chính thức đến quá trình lựa chọn nhà thầu cho tới khi công khai kết quả lựa chọn nhà thầu. Trong mọi trường hợp không được tiết lộ thông tin trong HSDT của nhà thầu này cho nhà thầu khác.

20.2. Trừ trường hợp làm rõ HSDT theo quy định tại Mục 21 CDNT và thương thảo hợp đồng, nhà thầu không được phép tiếp xúc với IDNES về các vấn đề liên quan đến HSDT của mình và các vấn đề khác liên quan đến gói thầu trong suốt thời gian từ khi dừng nhận HSMT

cho đến khi công khai kết quả lựa chọn nhà thầu.

Mục 21. Làm rõ HSDT

21.1. Nhà thầu có trách nhiệm làm rõ HSDT theo yêu cầu của IDNES. Trường hợp HSDT của nhà thầu thiếu tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm thì IDNES yêu cầu nhà thầu làm rõ, bổ sung tài liệu để chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm. Đối với các nội dung đề xuất về kỹ thuật, tài chính nêu trong HSDT của nhà thầu, việc làm rõ phải bảo đảm nguyên tắc không làm thay đổi bản chất của nhà thầu tham dự thầu, không làm thay đổi nội dung cơ bản của HSDT đã nộp, không thay đổi giá dự thầu.

21.2. Nhà thầu không thể tự làm rõ HSDT sau thời điểm đóng thầu.

21.3. Việc làm rõ HSDT chỉ được thực hiện giữa IDNES và nhà thầu có HSDT cần phải làm rõ. Nội dung làm rõ HSDT được IDNES bảo quản như một phần của HSDT. Đối với các nội dung làm rõ ảnh hưởng trực tiếp đến việc đánh giá tư cách hợp lệ, năng lực, kinh nghiệm và yêu cầu về kỹ thuật, tài chính nếu quá thời hạn làm rõ mà nhà thầu không có văn bản làm rõ hoặc có văn bản làm rõ nhưng không đáp ứng được yêu cầu làm rõ của IDNES thì IDNES sẽ đánh giá HSDT của nhà thầu theo HSDT nộp trước thời điểm đóng thầu.

21.4. Trường hợp cần thiết, IDNES có thể gửi văn bản yêu cầu nhà thầu có khả năng trúng thầu đến làm việc trực tiếp với IDNES để làm rõ HSDT. Nội dung làm rõ HSDT phải được ghi cụ thể thành biên bản. Việc làm rõ HSDT trong trường hợp này phải bảo đảm tính khách quan, minh bạch.

Mục 22. Xác định tính đáp ứng của HSDT

22.1. IDNES sẽ xác định tính đáp ứng của HSDT dựa trên nội dung của HSDT theo quy định tại Mục 9 CDNT.

22.2. HSDT đáp ứng cơ bản là HSDT đáp ứng các yêu cầu nêu trong HSMT mà không có các sai khác, đặt điều kiện hoặc bỏ sót nội dung cơ bản. Trong đó, “sai khác” là các khác biệt so với yêu cầu nêu trong HSMT; “đặt điều kiện” là việc đặt ra các điều kiện có tính hạn chế hoặc thể hiện sự không chấp nhận hoàn toàn đối với các yêu cầu nêu trong HSMT; “bỏ sót nội dung” là việc nhà thầu không cung cấp được một phần hoặc toàn bộ thông tin hay tài liệu theo yêu cầu nêu trong HSMT. Sai khác, đặt điều kiện hoặc bỏ sót nội dung cơ bản nghĩa là những điểm trong HSDT mà:

a. Nếu được chấp nhận thì sẽ gây ảnh hưởng đáng kể đến phạm vi, chất lượng hay hiệu quả sử dụng của dịch vụ được quy định trong hợp đồng; gây hạn chế đáng kể và không thống nhất với HSMT đối với quyền hạn của IDNES hoặc nghĩa vụ của nhà thầu trong hợp đồng;

b. Nếu được sửa lại thì sẽ gây ảnh hưởng không công bằng đến vị thế cạnh tranh của nhà thầu khác có HSDT đáp ứng cơ bản yêu cầu nêu trong HSMT.

22.3. IDNES phải kiểm tra các khía cạnh kỹ thuật của HSDT theo Mục 13 CDNT và việc kiểm tra đề xuất kỹ thuật nhằm khẳng định rằng tất cả các yêu cầu nêu trong Phần thứ hai đã được đáp ứng và HSDT không có những sai khác, đặt điều kiện hay bỏ sót các nội dung cơ bản.

22.4. Nếu HSDT không đáp ứng cơ bản các yêu cầu nêu trong HSMT thì HSDT đó sẽ bị loại; không được phép sửa đổi các sai khác, đặt điều kiện hoặc bỏ sót nội dung cơ bản trong HSDT đó nhằm làm cho nó trở thành đáp ứng cơ bản HSMT.

Mục 23. Sai sót không nghiêm trọng

23.1. Với điều kiện HSDT đáp ứng cơ bản yêu cầu nêu trong HSMT thì IDNES có thể chấp nhận các sai sót mà không phải là những sai khác, đặt điều kiện hay bỏ sót nội dung cơ bản trong HSDT.

23.2. Với điều kiện HSDT đáp ứng cơ bản HSMT, IDNES có thể yêu cầu nhà thầu cung cấp các thông tin hoặc tài liệu cần thiết trong một thời hạn hợp lý để sửa chữa những sai sót không nghiêm trọng trong HSDT liên quan đến các yêu cầu về tài liệu. Yêu cầu cung cấp các thông tin và các tài liệu để khắc phục các sai sót này không được liên quan đến bất kỳ khía cạnh nào của giá dự thầu; nếu không đáp ứng yêu cầu nói trên của IDNES thì HSDT của nhà thầu có thể sẽ bị loại.

23.3. Với điều kiện HSDT đáp ứng cơ bản HSMT, IDNES sẽ điều chỉnh các sai sót không nghiêm trọng và có thể định lượng được liên quan đến giá dự thầu. Theo đó, giá dự thầu sẽ được điều chỉnh để phản ánh chi phí cho các hạng mục bị thiếu hoặc chưa đáp ứng yêu cầu; việc điều chỉnh này chỉ hoàn toàn nhằm mục đích so sánh các HSDT.

Mục 24. Đánh giá HSDT

24.1. Kiểm tra và đánh giá tính hợp lệ của HSDT:

- a. Việc kiểm tra và đánh giá tính hợp lệ của HSDT được thực hiện theo quy định tại Mục 1 Chương III - Tiêu chuẩn đánh giá HSDT;
- b. Nhà thầu có HSDT hợp lệ được xem xét, đánh giá tiếp về năng lực và kinh nghiệm.

24.2. Đánh giá về năng lực và kinh nghiệm:

- a. Việc đánh giá về năng lực và kinh nghiệm được thực hiện theo tiêu chuẩn đánh giá quy định tại Mục 2 Chương III - Tiêu chuẩn đánh giá HSDT;
- b. Nhà thầu có năng lực và kinh nghiệm đáp ứng yêu cầu được xem xét, đánh giá tiếp về

kỹ thuật.

24.3. Đánh giá về kỹ thuật và đánh giá về giá:

- a. Việc đánh giá về kỹ thuật được thực hiện theo tiêu chuẩn và phương pháp đánh giá quy định tại Mục 3 Chương III - Tiêu chuẩn đánh giá HSDT;
- b. Nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật được xem xét đánh giá tiếp về giá theo quy định tại Mục 4 Chương III - Tiêu chuẩn đánh giá HSDT.

24.4. Sau khi đánh giá về giá, IDNES lập danh sách xếp hạng nhà thầu theo quy định tại Mục 4 Chương III - Tiêu chuẩn đánh giá HSDT và trình IDNES phê duyệt. Nhà thầu xếp hạng thứ nhất được mời vào thương thảo hợp đồng.

Mục 25. Sửa lỗi và hiệu chỉnh sai lệch

25.1. Sửa lỗi là việc sửa lại những sai sót trong HSDT bao gồm lỗi số học và các lỗi khác được tiến hành theo nguyên tắc sau đây:

- a. Lỗi số học bao gồm những lỗi do thực hiện các phép tính cộng, trừ, nhân, chia không chính xác khi tính toán giá dự thầu. Trường hợp HSMT có yêu cầu phải phân tích đơn giá chi tiết thì phải lấy số liệu trong bảng phân tích đơn giá dự thầu chi tiết làm cơ sở cho việc sửa lỗi số học. Trường hợp không nhất quán giữa đơn giá và thành tiền thì lấy đơn giá làm cơ sở cho việc sửa lỗi; nếu phát hiện đơn giá có sự sai khác bất thường do lỗi hệ thập phân (10 lần, 100 lần, 1.000 lần) thì thành tiền là cơ sở cho việc sửa lỗi;

b. Các lỗi khác:

- Tại cột thành tiền đã được điền đầy đủ giá trị nhưng không có đơn giá tương ứng thì đơn giá được xác định bổ sung bằng cách chia thành tiền cho số lượng; khi có đơn giá nhưng cột thành tiền bỏ trống thì giá trị cột thành tiền sẽ được xác định bổ sung bằng cách nhân số lượng với đơn giá; nếu một nội dung nào đó có điền đơn giá và giá trị tại cột thành tiền nhưng bỏ trống số lượng thì số lượng bỏ trống được xác định bổ sung bằng cách chia giá trị tại cột thành tiền cho đơn giá của nội dung đó. Trường hợp số lượng được xác định bổ sung nêu trên khác với số lượng nêu trong HSMT thì giá trị sai khác đó là sai lệch về phạm vi cung cấp và được hiệu chỉnh theo quy định tại Mục này;

- Lỗi nhằm đơn vị tính: Sửa lại cho phù hợp với yêu cầu của HSMT;

- Trường hợp có khác biệt giữa những nội dung thuộc đề xuất kỹ thuật và nội dung thuộc đề xuất tài chính thì nội dung thuộc đề xuất kỹ thuật sẽ là cơ sở cho việc sửa lỗi.

25.2. Hiệu chỉnh các sai lệch

- a. Trường hợp có sai lệch về phạm vi công việc thì giá trị phần chào thiếu sẽ được cộng

thêm vào, giá trị phần chào thầu sẽ được trừ đi theo mức đơn giá tương ứng trong HSDT của nhà thầu có sai lệch;

Trường hợp trong HSDT của nhà thầu có sai lệch không có đơn giá thì lấy mức đơn giá chào cao nhất đối với nội dung này trong số các HSDT khác vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật để làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch; trường hợp trong HSDT của các nhà thầu vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật không có đơn giá thì lấy đơn giá trong dự toán làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch; trường hợp không có dự toán gói thầu thì căn cứ vào đơn giá hình thành giá gói thầu làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch;

Trường hợp chỉ có một nhà thầu duy nhất vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật thì tiến hành hiệu chỉnh sai lệch trên cơ sở lấy mức đơn giá tương ứng trong HSDT của nhà thầu này; trường hợp HSDT của nhà thầu không có đơn giá thì lấy mức đơn giá trong dự toán của gói thầu; trường hợp không có dự toán gói thầu thì căn cứ vào đơn giá hình thành giá gói thầu làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch;

b. Trường hợp nhà thầu có thư giảm giá, việc sửa lỗi và hiệu chỉnh sai lệch được thực hiện trên cơ sở giá dự thầu chưa trừ đi giá trị giảm giá. Tỷ lệ phần trăm (%) của sai lệch thiếu được xác định trên cơ sở so với giá dự thầu ghi trong đơn dự thầu;

c. Trường hợp nhà thầu có HSDT được hiệu chỉnh sai lệch xếp hạng thứ nhất được mời vào thương thảo hợp đồng, khi thương thảo hợp đồng phải lấy mức đơn giá chào thấp nhất trong số các HSDT khác vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật để thương thảo đối với phần sai lệch thiếu.

Sau khi sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch theo quy định, IDNES phải thông báo cho nhà thầu biết về việc sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch đối với HSDT của nhà thầu. Trong vòng 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo của IDNES, nhà thầu phải có văn bản thông báo cho IDNES về việc chấp thuận kết quả sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch theo thông báo của IDNES. Trường hợp nhà thầu không chấp thuận với kết quả sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch theo thông báo của IDNES thì HSDT của nhà thầu đó sẽ bị loại.

Mục 26. Thương thảo hợp đồng

26.1. Việc thương thảo hợp đồng phải dựa trên các cơ sở sau đây:

- a. Báo cáo đánh giá HSDT;
- b. HSDT và các tài liệu làm rõ HSDT (nếu có) của nhà thầu;
- c. HSMT.

26.2. Nguyên tắc thương thảo hợp đồng:

- a. Không tiến hành thương thảo đối với các nội dung nhà thầu đã chào thầu theo đúng yêu cầu của HSMT;
- b. Việc thương thảo hợp đồng không được làm thay đổi đơn giá dự thầu của nhà thầu sau khi sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch và trừ đi giá trị giảm giá (nếu có);
- c. Khi thương thảo hợp đồng đối với phần sai lệch thiếu, trường hợp trong HSDT của nhà thầu không có đơn giá tương ứng với phần sai lệch thì phải lấy mức đơn giá dự thầu thấp nhất trong số các HSDT của nhà thầu khác đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật hoặc lấy mức đơn giá trong dự toán được duyệt nếu chỉ có duy nhất nhà thầu này vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật để làm cơ sở thương thảo đối với sai lệch thiếu đó.

26.3. Nội dung thương thảo hợp đồng:

- a. Thương thảo về những nội dung chưa đủ chi tiết, chưa rõ hoặc chưa phù hợp, thống nhất giữa HSMT và HSDT, giữa các nội dung khác nhau trong HSDT có thể dẫn đến các phát sinh, tranh chấp hoặc ảnh hưởng đến trách nhiệm của các bên trong quá trình thực hiện hợp đồng;
- b. Thương thảo về các sai lệch do nhà thầu đã phát hiện và đề xuất trong HSDT (nếu có);
- c. Thương thảo về các vấn đề phát sinh trong quá trình lựa chọn nhà thầu (nếu có) nhằm mục tiêu hoàn thiện các nội dung chi tiết của gói thầu;
- d. Thương thảo về các nội dung cần thiết khác.

26.4. Trong quá trình thương thảo hợp đồng, các bên tham gia thương thảo tiến hành hoàn thiện dự thảo văn bản hợp đồng; điều kiện cụ thể của hợp đồng, phụ lục hợp đồng gồm danh mục chi tiết về phạm vi cung cấp, bảng giá, tiến độ cung cấp.

26.5. Trường hợp thương thảo không thành công, IDNES xem xét, quyết định mời nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào thương thảo; trường hợp thương thảo với các nhà thầu xếp hạng tiếp theo không thành công thì IDNES xem xét, quyết định hủy thầu theo quy định tại điểm a Mục 28.1 CDNT.

Mục 27. Điều kiện xét duyệt trúng thầu

Nhà thầu được xem xét, đề nghị trúng thầu khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

- 27.1. Có HSDT hợp lệ theo quy định tại Mục 1 Chương III - Tiêu chuẩn đánh giá HSDT;
- 27.2. Có năng lực và kinh nghiệm đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Mục 2 Chương III - Tiêu chuẩn đánh giá HSDT;
- 27.3. Có đề xuất về kỹ thuật đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Mục 3 Chương III - Tiêu chuẩn đánh giá HSDT;

27.4. Nhà thầu có giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất (trường hợp áp dụng phương pháp giá thấp nhất) hoặc nhà thầu có giá đánh giá thấp nhất được xếp hạng thứ nhất (trường hợp áp dụng phương pháp giá đánh giá).

27.5. Có giá đề nghị trúng thầu (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) không vượt giá gói thầu được phê duyệt. Trường hợp dự toán của gói thầu được phê duyệt thấp hơn hoặc cao hơn giá gói thầu được phê duyệt thì dự toán này sẽ thay thế giá gói thầu để làm cơ sở xét duyệt trúng thầu.

Mục 28. Hủy thầu

28.1. IDNES sẽ thông báo hủy thầu trong trường hợp sau đây:

- a. Tất cả HSDT không đáp ứng được các yêu cầu nêu trong HSMT;
- b. Thay đổi mục tiêu, phạm vi đầu tư đã ghi trong HSMT;
- c. Có bằng chứng về việc đưa, nhận, môi giới hối lộ, thông thầu, gian lận, lợi dụng chức vụ, quyền hạn để can thiệp trái pháp luật vào hoạt động đấu thầu dẫn đến làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu.

28.2. Tổ chức, cá nhân vi phạm quy định pháp luật về đấu thầu dẫn đến hủy thầu (theo quy định tại điểm c Mục 28.1 CDNT) phải đền bù chi phí cho các bên liên quan và bị xử lý theo quy định của pháp luật.

28.3. Trường hợp hủy thầu theo quy định tại Mục 28.1 CDNT, trong thời hạn 20 ngày IDNES phải hoàn trả hoặc giải tỏa bảo đảm dự thầu cho các nhà thầu dự thầu, trừ trường hợp nhà thầu vi phạm quy định tại điểm c Mục 28.1 CDNT.

Mục 29. Thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu

29.1. Trong thời hạn quy định tại **BDL**, IDNES phải đăng tải trên cổng thông tin điện tử của IDNES kết quả lựa chọn nhà thầu.

29.2. Trường hợp hủy thầu theo quy định tại điểm a Mục 28.1 CDNT, trong văn bản thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu phải nêu rõ lý do hủy thầu.

29.3. Trường hợp nhà thầu trúng thầu không đến hoàn thiện, ký kết hợp đồng hoặc không nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo thời hạn nêu trong thông báo chấp thuận HSDT và trao hợp đồng thì nhà thầu sẽ bị loại và không được nhận lại bảo đảm dự thầu theo quy định tại điểm e Mục 15.5 CDNT.

Mục 30. Thay đổi khối lượng dịch vụ

Vào thời điểm trao hợp đồng, căn cứ vào quy mô, tính chất của gói thầu dịch vụ phi tư vấn,

IDNES có quyền tăng hoặc giảm khối lượng dịch vụ nêu trong Chương V Phần thứ 2 - Yêu cầu về phạm vi cung cấp với điều kiện sự thay đổi đó không vượt quá tỷ lệ quy định tại **BDL** và không có bất kỳ thay đổi nào về đơn giá hay các điều kiện, điều khoản khác của HSDT và HSMT.

Mục 31. Điều kiện ký kết hợp đồng

31.1. Tại thời điểm ký kết hợp đồng, HSDT của nhà thầu được lựa chọn còn hiệu lực.

31.2. Tại thời điểm ký kết hợp đồng, nhà thầu được lựa chọn phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về năng lực kỹ thuật, tài chính để thực hiện gói thầu. Trường hợp thực tế nhà thầu không còn đáp ứng cơ bản yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm theo quy định nêu trong HSMT thì IDNES sẽ từ chối ký kết hợp đồng với nhà thầu. Khi đó, IDNES sẽ hủy quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu, thông báo chấp thuận HSDT và trao hợp đồng trước đó và mời nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào thương thảo hợp đồng.

31.3. Hợp đồng ký kết sử dụng mẫu hợp đồng quy định tại HSMT hoặc một mẫu khác được IDNES chấp thuận.

Chương II. BẢNG DỮ LIỆU ĐẦU THẦU

CDNT 1.2	<p>- Tên gói thầu: Thuê dịch vụ CNTT về quản trị và vận hành hạ tầng CNTT cho hệ thống e- GP;</p> <p>- Thời gian thực hiện hợp đồng dịch vụ là: 60 tháng được tính từ ngày các Bên ký Biên bản xác nhận bắt đầu dịch vụ;</p> <p>- Nội dung công việc: Quản trị và vận hành hạ tầng CNTT cho hệ thống e-GP tại Trung tâm chính DC, Trung tâm dự phòng DRC và Trung tâm Vận hành và Hỗ trợ (60 tháng).</p>
CDNT 4.1	Thời gian nhà thầu gửi văn bản làm rõ HSMT là: 05 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu.
CDNT 5.2	<p>Tài liệu sửa đổi HSMT sẽ được IDNES đăng tải trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia (https://muasamcong.mpi.gov.vn) trước ngày có thời điểm đóng thầu tối thiểu 03 (ba) ngày.</p> <p>Trường hợp thời gian gửi văn bản sửa đổi HSMT không đáp ứng theo quy định thì IDNES thực hiện gia hạn thời điểm đóng thầu tương ứng.</p>
CDNT 9.8	<p>Nhà thầu phải nộp cùng với HSDT các tài liệu sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bản sao công chứng thực giấy đăng ký kinh doanh; Quyết định thành lập doanh nghiệp hoặc các loại giấy tờ tương đương với những giấy tờ đã nêu; - Bản sao có chứng thực giấy đăng ký thuế; - Báo cáo tài chính đã được kiểm toán (áp dụng với từng loại hình doanh nghiệp, tuân thủ quy định luật kiểm toán và các văn bản pháp luật liên quan) trong 03 năm gần đây (2020, 2021, 2022) và tài liệu chứng minh nhà thầu đã kê khai quyết toán thuế tương ứng;
CDNT 13.2	<p>Các tài liệu để chứng minh năng lực thực hiện hợp đồng nếu được công nhận trúng thầu bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bản sao công chứng các Hợp đồng tương tự theo yêu cầu tại Chương III của HSMT, gồm: Hợp đồng và các Phụ lục kèm theo Hợp đồng, Biên bản thanh lý hợp đồng đối với hợp đồng đã thực hiện hoặc là Biên bản xác nhận hoàn thành phần lớn hợp đồng đối với hợp đồng đang thực hiện; - Các văn bằng, chứng chỉ và tài liệu chứng minh năng lực kinh nghiệm của Nhà thầu và của Nhân sự đã kê khai tại mẫu số 14, 15, 16 Chương IV của HSMT; - Cam kết của Nhà thầu về việc phần mềm có bản quyền hoặc Giấy chứng nhận bản quyền sử dụng phần mềm từ nhà sản xuất hoặc tương đương, được nhà thầu giao bản sao cho Chủ đầu tư trong trường hợp Nhà thầu được lựa chọn thực hiện hợp đồng; - Bảng tuyên bố đáp ứng toàn bộ dịch vụ chào thầu theo yêu cầu kỹ thuật tại Chương V của HSMT;
CDNT 14.1	Thời hạn hiệu lực của HSDT là: ≥ 45 ngày, kể từ ngày có thời điểm đóng thầu.
CDNT 15.2	<p>Nội dung bảo đảm dự thầu:</p> <p>- Giá trị và đồng tiền bảo đảm dự thầu: 290.000.000 VND (Bằng chữ: Hai</p>

	<p>trăm chín mươi triệu đồng./.)</p> <p>- Thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu: ≥ 75 ngày, kể từ ngày có thời điểm đóng thầu.</p>
CDNT 15.4	Nhà thầu không được lựa chọn sẽ được hoàn trả hoặc giải tỏa bảo đảm dự thầu trong thời hạn tối đa là 20 ngày, kể từ ngày thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu.
CDNT 17.1	Thời điểm đóng thầu là: 17 giờ 00 phút ngày 31/05/2023.
CDNT 29.1	Trong vòng 10 ngày kể từ ngày phê duyệt kết quả lựa chọn Nhà thầu, IDNES phải đăng tải trên cổng thông tin điện tử của IDNES kết quả lựa chọn nhà thầu.
CDNT 30	Tỷ lệ tăng hoặc giảm khối lượng tối đa là: 15%.

Chương III. TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ HSDT

Mục 1. Kiểm tra và đánh giá tính hợp lệ của HSDT

1.1. Kiểm tra HSDT:

Kiểm tra các thành phần của bản gốc HSDT, bao gồm hồ sơ về hành chính, pháp lý, hồ sơ về năng lực và kinh nghiệm, đề xuất về kỹ thuật của nhà thầu theo yêu cầu của HSMT, trong đó có: đơn dự thầu, thỏa thuận liên danh (nếu có), giấy ủy quyền ký đơn dự thầu (nếu có); bảo đảm dự thầu; tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ; tài liệu chứng minh năng lực và kinh nghiệm; đề xuất về kỹ thuật; đề xuất về giá và các thành phần khác thuộc HSDT theo quy định tại Mục 9 CDNT;

1.2. Đánh giá tính hợp lệ của HSDT:

HSDT của nhà thầu được đánh giá là hợp lệ khi đáp ứng đầy đủ các nội dung sau đây:

- a. Có đơn dự thầu được đại diện hợp pháp của nhà thầu ký tên, đóng dấu (nếu có) theo yêu cầu của HSMT. Đối với nhà thầu liên danh, đơn dự thầu phải do đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký tên, đóng dấu (nếu có) hoặc thành viên đứng đầu liên danh thay mặt liên danh ký đơn dự thầu theo thỏa thuận trong văn bản thỏa thuận liên danh;
- b. Thời gian thực hiện gói thầu nêu trong đơn dự thầu phải phù hợp với đề xuất về kỹ thuật đồng thời đáp ứng thời gian theo yêu cầu của HSMT;
- c. Giá dự thầu ghi trong đơn dự thầu phải cụ thể, cố định bằng số, bằng chữ và phải phù hợp với tổng giá dự thầu ghi trong bảng tổng hợp giá dự thầu, không đề xuất các giá dự thầu khác nhau hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho IDNES;
- d. Thời hạn hiệu lực của HSDT đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Mục 14.1 CDNT;
- e. Có bảo đảm dự thầu không vi phạm một trong các trường hợp quy định tại Mục 15.3 CDNT. Đối với trường hợp quy định bảo đảm dự thầu theo hình thức nộp thư bảo lãnh thì thư bảo lãnh phải được đại diện hợp pháp của tổ chức tín dụng hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam ký tên với giá trị và thời hạn hiệu lực, tên của IDNES (đơn vị thụ hưởng) theo quy định tại Mục 15.2 CDNT;
- f. Không có tên trong hai hoặc nhiều HSDT với tư cách là nhà thầu chính (nhà thầu độc lập hoặc thành viên trong liên danh) đối với cùng một gói thầu;
- g. Có thỏa thuận liên danh được đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký tên, đóng dấu (nếu có) và trong thỏa thuận liên danh phải nêu rõ nội dung công việc cụ thể và ước tính giá trị tương ứng mà từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện theo Mẫu số 03 Chương IV - Biểu mẫu dự thầu;

h. Nhà thầu bảo đảm tư cách hợp lệ theo quy định tại Mục 2 CDNT.

i. Nhà thầu có HSDT hợp lệ được xem xét, đánh giá tiếp về năng lực và kinh nghiệm. Nhà thầu có HSDT không hợp lệ thì sẽ bị loại và không được xem xét đánh giá các nội dung tiếp theo.

Mục 2. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm

2.1. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm

Đối với nhà thầu liên danh thì năng lực, kinh nghiệm được xác định bằng tổng năng lực, kinh nghiệm của các thành viên liên danh song phải bảo đảm từng thành viên liên danh đáp ứng năng lực, kinh nghiệm đối với phần việc mà thành viên đó đảm nhận trong liên danh (trừ tiêu chí doanh thu theo hướng dẫn nêu tại Bảng tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm); nếu bất kỳ thành viên nào trong liên danh không đáp ứng về năng lực, kinh nghiệm thì nhà thầu liên danh được đánh giá là không đáp ứng yêu cầu.

Năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu phụ sẽ không được xem xét khi đánh giá HSDT của nhà thầu chính. Bản thân nhà thầu chính phải đáp ứng các tiêu chí về năng lực và kinh nghiệm (không xét đến năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu phụ).

Nhà thầu được đánh giá là đạt về năng lực và kinh nghiệm khi đáp ứng các tiêu chuẩn quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Mục này. Nhà thầu không đạt yêu cầu về năng lực và kinh nghiệm thì HSDT sẽ bị loại và không được xem xét đánh giá các nội dung tiếp theo.

Việc đánh giá về năng lực và kinh nghiệm được thực hiện theo Bảng tiêu chuẩn dưới đây:

BẢNG TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ VỀ NĂNG LỰC VÀ KINH NGHIỆM

Các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm			Các yêu cầu cần tuân thủ				Tài liệu cần nộp
TT	Mô tả	Yêu cầu	Nhà thầu độc lập	Nhà thầu liên danh			
				Tổng các thành viên liên danh	Từng thành viên liên danh	Tối thiểu một thành viên liên danh	
1	Lịch sử không hoàn thành hợp đồng	Từ ngày 01 tháng 01 năm 2020 đến thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có hợp đồng không hoàn thành ⁽¹⁾ .	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Mẫu số 08
2	Năng lực tài chính						
2.1	Doanh thu bình quân	Doanh thu bình quân hàng năm tối thiểu là	Phải thỏa mãn yêu	Phải thỏa	Không áp dụng	Không áp dụng	Mẫu số 10

	hàng năm từ hoạt động cung cấp dịch vụ ⁽²⁾	2.940.000.000 VND (<i>Bằng chữ: Hai tỷ, chín trăm bốn mươi triệu đồng./.</i>), tính từ ngày 01 tháng 01 năm 2020 trong vòng 03 năm trở lại đây. Doanh thu hàng năm được tính bằng tổng các khoản thanh toán cho các hợp đồng cung cấp dịch vụ mà nhà thầu nhận được trong năm đó.	cầu này	mãn yêu cầu này			
3	Kinh nghiệm cụ thể trong thực hiện hợp đồng tương tự	Số lượng tối thiểu các hợp đồng tương tự ⁽³⁾ về cung cấp dịch vụ quản trị và/hoặc vận hành hạ tầng CNTT mà nhà thầu đã hoàn thành toàn bộ hoặc hoàn thành phần lớn ⁽⁴⁾ với tư cách là nhà thầu chính (độc lập hoặc thành viên liên danh) hoặc nhà thầu phụ ⁽⁵⁾ trong khoảng thời gian kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2020 đến thời điểm đóng thầu: (i) số lượng hợp đồng là 02 (hai), mỗi hợp đồng có giá trị tối thiểu là: 1.400.000.000 VND (<i>Bằng chữ: Một tỷ, bốn trăm triệu đồng./.</i>) hoặc (ii) số lượng hợp đồng khác 02, trong đó có ít nhất có 01 hợp đồng có giá trị tối thiểu là 1.400.000.000 VND (<i>Bằng chữ: Một tỷ, bốn trăm triệu đồng./.</i>) và tổng giá trị tất cả các hợp đồng \geq 2.800.000.000 VND (<i>Bằng chữ: Hai tỷ, tám trăm triệu đồng./.</i>).	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu (tương ứng với phần công việc đảm nhận)	Không áp dụng	Mẫu số 13

Ghi chú:

(1) Hợp đồng không hoàn thành bao gồm:

- Hợp đồng bị IDNES kết luận nhà thầu không hoàn thành và nhà thầu không phản đối;
- Hợp đồng bị IDNES kết luận nhà thầu không hoàn thành, không được nhà thầu chấp thuận nhưng đã được trọng tài hoặc tòa án kết luận theo hướng bất lợi cho nhà thầu.

(2) Doanh thu:

Nhà thầu phải nộp tài liệu chứng minh về doanh thu như: Báo cáo tài chính hoặc xác nhận

thanh toán của Chủ đầu tư đối với những hợp đồng đã thực hiện hoặc tờ khai nộp thuế hoặc các tài liệu hợp pháp khác. Trong trường hợp Hệ thống chưa cập nhật thông tin về số liệu tài chính, nhà thầu cần cung cấp tài liệu thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu để đối chiếu trong quá trình thương thảo.

(3) Hợp đồng tương tự là hợp đồng có tính chất tương tự với gói thầu đang xét.

- Đối với hợp đồng tương tự do nhà thầu cung cấp có tính chất công việc lặp lại theo chu kỳ qua các năm dẫn đến thời gian thực hiện hợp đồng kéo dài thì quy mô hợp đồng tương tự được xác định bằng 70% giá trị của phần công việc tính theo 01 chu kỳ (01 năm) mà không tính theo tổng giá trị gói thầu qua các năm.

(4) Hoàn thành phần lớn nghĩa là hoàn thành ít nhất 80% khối lượng công việc của hợp đồng.

(5) Với các hợp đồng mà nhà thầu đã tham gia với tư cách là thành viên liên danh hoặc nhà thầu phụ thì chỉ tính giá trị phần việc do nhà thầu thực hiện.

Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

Sử dụng tiêu chí đạt, không đạt để xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật.

3.1. Đánh giá theo phương pháp đạt, không đạt:

Nội dung đánh giá		Sử dụng tiêu chí đạt, không đạt
1. Phạm vi dịch vụ	Nhà thầu cung cấp đầy đủ các dịch vụ theo yêu cầu tại Mục 1, Phần II, Chương V của HSMT.	Đạt
	Nhà thầu không cung cấp đủ các dịch vụ theo yêu cầu tại Mục 1, Phần II, Chương V của HSMT.	Không đạt
2. Kế hoạch triển khai	Nhà thầu phải có kế hoạch triển khai với nội dung công việc cụ thể theo yêu cầu tại mục 1, Phần II, Chương V của HSMT.	Đạt
	Nhà thầu phải không có kế hoạch triển khai với nội dung công việc cụ thể theo yêu cầu tại mục 1, Phần II, Chương V của HSMT.	Không đạt
3. Yêu cầu chứng chỉ của Nhà thầu	Nhà thầu có giấy chứng nhận ISO/IEC 27001:2013 còn hiệu lực	Đạt
	Nhà thầu không có giấy chứng nhận ISO/IEC 27001:2013	Không đạt
	Nhà thầu có giấy chứng nhận tiêu chuẩn ISO 9001:2015 về Tiêu chuẩn về vận hành, quản lý chất lượng còn hiệu lực	Đạt
	Nhà thầu không có giấy chứng nhận tiêu chuẩn ISO 9001:2015 về Tiêu chuẩn về vận hành, quản lý chất lượng	Không đạt
	Nhà thầu phải có nhân sự có chứng chỉ ITIL Expert hoặc Nhà thầu có chứng nhận quốc tế về cung cấp dịch vụ Managed Services.	Đạt

	<i>(Nhân sự của Nhà thầu phải có hợp đồng dài hạn, không phải nhân sự thuê ngoài và chứng minh bằng hợp đồng lao động).</i>	
	Nhà thầu không có nhân sự có chứng chỉ ITIL Expert và Nhà thầu không có chứng nhận quốc tế về cung cấp dịch vụ Managed Services. <i>(Nhân sự của Nhà thầu không có hợp đồng dài hạn hoặc là nhân sự thuê ngoài và không chứng minh được bằng hợp đồng lao động)</i>	Không đạt
4. Kinh nghiệm, năng lực của nhà thầu	Nhà thầu có tối thiểu 05 năm hoạt động trong lĩnh vực CNTT	Đạt
	Nhà thầu không đủ 05 năm hoạt động trong lĩnh vực CNTT	Không đạt
	Nhà thầu đã thực hiện quản trị và/hoặc vận hành hạ tầng CNTT ít nhất cho 02 hệ thống cho các cơ quan Bộ/Ban/Ngành của nhà nước	Đạt
	Nhà thầu đã thực hiện quản trị và/hoặc vận hành hạ tầng CNTT dưới 02 hệ thống cho các cơ quan Bộ/Ban/Ngành của nhà nước	Không đạt
5. Yêu cầu kỹ thuật		
5.1. Yêu cầu về dịch vụ quản trị và vận hành hạ tầng CNTT cho Hệ thống e-GP	Nhà thầu có cam kết đáp ứng các yêu cầu về dịch vụ quản trị và vận hành hạ tầng CNTT cho hệ thống e-GP theo yêu cầu tại nội dung A1 và B1, mục 2, Phần II, Chương V của HSMT.	Đạt
	Nhà thầu không có cam kết đáp ứng các yêu cầu về dịch vụ quản trị và vận hành hạ tầng CNTT cho hệ thống e-GP theo yêu cầu tại nội dung A1 và B1, mục 2, Phần II, Chương V của HSMT.	Không đạt
5.2. Yêu cầu phần mềm giám sát hạ tầng CNTT	Phần mềm do Nhà thầu đề xuất đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật tại nội dung A2 và B2, mục 2, Phần II, Chương V của HSMT.	Đạt
	Phần mềm do Nhà thầu đề xuất không đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật tại nội dung A2 và B2, mục 2, Phần II, Chương V của HSMT.	Không đạt
6. Nhân sự yêu cầu		
6.1. Quản trị dự án	Nhân sự tại vị trí quản trị dự án do nhà thầu chào đáp ứng các yêu cầu theo mục 3.2, Phần II, Chương V của HSMT.	Đạt
	Nhân sự tại vị trí quản trị dự án do nhà thầu chào không đáp ứng các yêu cầu theo mục 3.2, Phần II, Chương V của HSMT.	Không đạt
6.2. Quản trị vận hành hệ thống mạng	Nhân sự tại vị trí quản trị vận hành hệ thống mạng do nhà thầu chào đáp ứng các yêu cầu theo mục 3.2, Phần II, Chương V của HSMT.	Đạt

	Nhân sự tại vị trí quản trị vận hành hệ thống mạng do nhà thầu chào không đáp ứng các yêu cầu theo mục 3.2, Phần II, Chương V của HSMT.	Không đạt
6.3. Quản trị vận hành thiết bị bảo mật	Nhân sự tại vị trí quản trị vận hành thiết bị bảo mật do nhà thầu chào đáp ứng các yêu cầu theo mục 3.2, Phần II, Chương V của HSMT.	Đạt
	Nhân sự tại vị trí quản trị vận hành thiết bị bảo mật do nhà thầu chào không đáp ứng các yêu cầu theo mục 3.2, Phần II, Chương V của HSMT.	Không đạt
6.4. Quản trị vận hành hệ thống máy chủ	Nhân sự tại vị trí quản trị vận hành hệ thống máy chủ do nhà thầu chào đáp ứng các yêu cầu theo mục 3.2, Phần II, Chương V của HSMT.	Đạt
	Nhân sự tại vị trí quản trị vận hành hệ thống máy chủ do nhà thầu chào không đáp ứng các yêu cầu theo mục 3.2, Phần II, Chương V của HSMT.	Không đạt
6.5. Quản trị vận hành hệ thống lưu trữ & sao lưu dữ liệu	Nhân sự tại vị trí quản trị vận hành hệ thống lưu trữ & sao lưu dữ liệu do nhà thầu chào đáp ứng các yêu cầu theo mục 3.2, Phần II, Chương V của HSMT.	Đạt
	Nhân sự tại vị trí quản trị vận hành hệ thống lưu trữ & sao lưu dữ liệu do nhà thầu chào không đáp ứng các yêu cầu theo mục 3.2, Phần II, Chương V của HSMT.	Không đạt
6.6. Giám sát vận hành hạ tầng hệ thống	Nhân sự tại vị trí giám sát vận hành hạ tầng hệ thống do nhà thầu chào đáp ứng các yêu cầu theo mục 3.2, Phần II, Chương V của HSMT.	Đạt
	Nhân sự tại vị trí giám sát vận hành hạ tầng hệ thống do nhà thầu chào không đáp ứng các yêu cầu theo mục 3.2, Phần II, Chương V của HSMT.	Không đạt
6.7. Nhân sự triển khai cài đặt, tích hợp Phần mềm giám sát hạ tầng CNTT cho Hệ thống e-GP	Nhân sự tại vị trí triển khai cài đặt, tích hợp phần mềm do nhà thầu chào đáp ứng các yêu cầu theo mục 3.2, Phần II, Chương V của HSMT.	Đạt
	Nhân sự tại vị trí triển khai cài đặt, tích hợp phần mềm do nhà thầu chào không đáp ứng các yêu cầu theo mục 3.2, Phần II, Chương V của HSMT.	Không đạt
7. Yêu cầu về bảo mật thông tin	Nhà thầu có cam kết về bảo mật thông tin trước, trong và sau khi thực hiện hợp đồng đáp ứng yêu cầu tại mục 4, Phần 2, Chương V của HSMT	Đạt
	Nhà thầu không có cam kết về bảo mật thông tin trước, trong và sau khi thực hiện hợp đồng đáp ứng yêu cầu tại mục 4, Phần 2, Chương V của HSMT	Không đạt
8. Yêu cầu báo cáo, đánh giá	Nhà thầu có cam kết thực hiện báo cáo, đánh giá định kỳ trong thời gian thực hiện hợp đồng đáp ứng yêu cầu tại mục 5, Phần II, Chương V của HSMT	Đạt

	Nhà thầu không có cam kết thực hiện báo cáo, đánh giá định kỳ trong thời gian thực hiện hợp đồng đáp ứng yêu cầu tại mục 5, Phần II, Chương V của HSMT	Không đạt
9. Giải pháp và phương pháp luận	Nhà thầu có phương pháp luận đầy đủ chi tiết thể hiện quy trình, giải pháp chứng minh khả năng đáp ứng việc quản trị và vận hành hạ tầng CNTT cho hệ thống e-GP tại Trung tâm chính DC, Trung tâm dự phòng DRC và Trung tâm vận hành và hỗ trợ.	Đạt
	Nhà thầu không có phương pháp luận đầy đủ chi tiết thể hiện quy trình, giải pháp chứng minh khả năng đáp ứng việc quản trị và vận hành hạ tầng CNTT cho hệ thống e-GP tại Trung tâm chính DC, Trung tâm dự phòng DRC và Trung tâm vận hành và hỗ trợ.	Không đạt
10. Yêu cầu khác	Nhà thầu có cam kết đáp ứng các yêu cầu tại mục 6, Phần II, Chương V của HSMT	Đạt
	Nhà thầu không có cam kết đáp ứng các yêu cầu tại mục 6, Phần II, Chương V của HSMT	Không đạt
Kết luận ⁽¹⁾		_____

(1): HSDT được kết luận là “Đạt” khi có tất cả các nội dung cơ bản theo yêu cầu của HSMT đều được đánh giá là “Đạt”. HSDT được kết luận là “Không đạt” khi có ít nhất một nội dung được đánh giá là “Không đạt” và không được xem xét, đánh giá bước tiếp theo.

Mục 4. Tiêu chuẩn đánh giá về giá

4.1. Phương pháp giá thấp nhất:

Cách xác định giá thấp nhất như sau:

1. Xác định giá dự thầu;
2. Sửa lỗi (thực hiện theo quy định tại phần Ghi chú (1));
3. Hiệu chỉnh sai lệch (thực hiện theo quy định tại phần Ghi chú (2));
4. Xác định giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có);
5. Xếp hạng nhà thầu:

HSDT có giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.

Ghi chú:

(1) Sửa lỗi:

Với điều kiện HSDT đáp ứng căn bản HSMT, việc sửa lỗi số học và các lỗi khác được tiến hành theo nguyên tắc sau đây:

a) Lỗi số học bao gồm những lỗi do thực hiện các phép tính cộng, trừ, nhân, chia không chính xác khi tính toán giá dự thầu. Trường hợp không nhất quán giữa đơn giá và thành tiền thì lấy đơn giá làm cơ sở cho việc sửa lỗi; nếu phát hiện đơn giá dự thầu có sự sai khác bất thường do lỗi hệ thập phân (10 lần, 100 lần, 1.000 lần) thì thành tiền là cơ sở cho việc sửa lỗi. Trường hợp tại cột “đơn giá” và cột “thành tiền” nhà thầu không ghi giá trị hoặc ghi là “0” thì được coi là nhà thầu đã phân bổ giá của công việc này vào các công việc khác thuộc gói thầu, nhà thầu phải có trách nhiệm thực hiện hoàn thành các công việc này theo đúng yêu cầu nêu trong

HSMT và không được Chủ đầu tư thanh toán trong quá trình thực hiện hợp đồng.

b) Các lỗi khác:

- Tại cột thành tiền đã được ghi đầy đủ giá trị nhưng không có đơn giá dự thầu tương ứng thì đơn giá dự thầu được xác định bổ sung bằng cách chia thành tiền cho số lượng; khi có đơn giá dự thầu nhưng cột thành tiền bỏ trống thì giá trị cột thành tiền sẽ được xác định bổ sung bằng cách nhân số lượng với đơn giá dự thầu; nếu một nội dung nào đó có ghi đơn giá dự thầu và giá trị tại cột thành tiền nhưng bỏ trống số lượng thì số lượng bỏ trống được xác định bổ sung bằng cách chia giá trị tại cột thành tiền cho đơn giá dự thầu của nội dung đó. Trường hợp số lượng được xác định bổ sung nêu trên khác với số lượng nêu trong HSMT thì giá trị sai khác đó là sai lệch về phạm vi cung cấp và được hiệu chỉnh theo quy định tại Bước 3;
- Lỗi nhầm đơn vị tính: sửa lại cho phù hợp với yêu cầu nêu trong HSMT;
- Lỗi nhầm đơn vị: sử dụng dấu "," (dấu phẩy) thay cho dấu "." (dấu chấm) và ngược lại thì được sửa lại cho phù hợp theo cách viết của Việt Nam. Khi IDNES cho rằng dấu phẩy hoặc dấu chấm trong đơn giá dự thầu rõ ràng đã bị đặt sai chỗ thì trong trường hợp này thành tiền của hạng mục sẽ có ý nghĩa quyết định và đơn giá dự thầu sẽ được sửa lại;
- Nếu có sai sót khi cộng các khoản tiền để ra tổng số tiền thì sẽ sửa lại tổng số tiền theo các khoản tiền;
- Nếu có sự khác biệt giữa con số và chữ viết thì lấy chữ viết làm cơ sở pháp lý cho việc sửa lỗi. Nếu chữ viết sai thì lấy con số sau khi sửa lỗi theo quy định tại Mục này làm cơ sở pháp lý.

(2) Hiệu chỉnh sai lệch:

a) Trường hợp có sai lệch về phạm vi cung cấp thì giá trị phần chào thiếu sẽ được cộng thêm vào, giá trị phần chào thừa sẽ được trừ đi theo mức đơn giá dự thầu tương ứng trong HSDT của nhà thầu có sai lệch;

Trường hợp có sai lệch thiếu (thiếu hạng mục công việc so với yêu cầu về phạm vi cung cấp) mà không có đơn giá tương ứng trong HSDT của nhà thầu có sai lệch thì thực hiện hiệu chỉnh sai lệch như sau:

Lấy mức đơn giá dự thầu cao nhất đối với hạng mục công việc mà nhà thầu chào thiếu trong số các HSDT khác vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật để làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch; trường hợp trong HSDT của các nhà thầu vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật không có đơn giá dự thầu của công việc này thì lấy đơn giá trong dự toán được duyệt của gói thầu làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch; trường hợp không có dự toán gói thầu thì căn cứ vào đơn giá hình thành giá gói thầu làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch.

Trường hợp chỉ có một nhà thầu duy nhất vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật thì tiến hành hiệu chỉnh sai lệch trên cơ sở lấy mức đơn giá dự thầu tương ứng trong HSDT của nhà thầu này; trường hợp HSDT của nhà thầu không có đơn giá dự thầu tương ứng thì lấy mức đơn giá trong dự toán của gói thầu được duyệt làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch; trường hợp không có dự toán gói thầu thì căn cứ vào đơn giá hình thành giá gói thầu làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch.

b) Trường hợp nhà thầu có thư giảm giá, việc sửa lỗi và hiệu chỉnh sai lệch được thực hiện trên cơ sở giá dự thầu chưa trừ đi giá trị giảm giá. Tỷ lệ phần trăm (%) của sai lệch thiếu được xác định trên cơ sở so với giá dự thầu ghi trong đơn dự thầu.

Chương IV. BIỂU MẪU DỰ THẦU

STT	Nội dung	Mẫu	Ghi chú
1	Đơn dự thầu	Mẫu số 1(a)	Áp dụng trong trường hợp nhà thầu có đề xuất giảm giá trong thư giảm giá
		Mẫu số 1(b)	Áp dụng trong trường hợp nhà thầu có đề xuất giảm giá trong đơn dự thầu
2	Giấy ủy quyền	Mẫu số 2	Chỉ áp dụng trong trường hợp đại diện theo pháp luật của nhà thầu có ủy quyền trong đấu thầu
3	Thỏa thuận liên danh	Mẫu số 3	Chỉ áp dụng trong trường hợp nhà thầu liên danh tham dự thầu
4	Bảo lãnh dự thầu	Mẫu số 4(a)	Áp dụng trong trường hợp nhà thầu độc lập thực hiện bảo đảm dự thầu theo hình thức bảo lãnh của ngân hàng
		Mẫu số 4(b)	Áp dụng trong trường hợp nhà thầu liên danh thực hiện bảo đảm dự thầu theo hình thức bảo lãnh của ngân hàng
5	Bảng tổng hợp giá dự thầu	Mẫu số 5(a)	Áp dụng đối với hợp đồng trọn gói
6	Bản kê khai thông tin về nhà thầu	Mẫu số 6(a)	
	Bản kê khai thông tin về thành viên của nhà thầu liên danh	Mẫu số 6(b)	Chỉ áp dụng trong trường hợp nhà thầu liên danh tham dự thầu
7	Danh sách các công ty đảm nhận phần công việc của gói thầu	Mẫu số 7	Chỉ áp dụng trong trường hợp nhà thầu tham dự thầu là công ty mẹ
8	Hợp đồng không hoàn thành trong quá khứ	Mẫu số 8	
9	Tình hình tài chính trước đây của nhà thầu	Mẫu số 9	
10	Doanh thu bình quân hàng năm	Mẫu số 10	
11	Hợp đồng tương tự do nhà thầu thực hiện	Mẫu số 13	
12	Bảng đề xuất nhân sự chủ chốt	Mẫu số 14	
13	Bản lý lịch chuyên môn của nhân sự chủ chốt	Mẫu số 15	
14	Bản kinh nghiệm chuyên	Mẫu số 16	

	môn		
15	Giải pháp và phương pháp luận tổng quát do nhà thầu đề xuất để thực hiện dịch vụ	Mẫu số 17	

ĐƠN DỰ THẦU⁽¹⁾

(áp dụng trong trường hợp nhà thầu không có đề xuất giảm giá hoặc có đề xuất giảm giá trong thư giảm giá riêng)

Ngày: *[ghi ngày tháng năm ký đơn dự thầu]*

Tên gói thầu: *[ghi tên gói thầu theo thông báo mời thầu]*

Kính gửi: *[ghi đầy đủ và chính xác tên của Bên mời thầu]*

Sau khi nghiên cứu hồ sơ mời thầu và văn bản sửa đổi hồ sơ mời thầu số ___*[ghi số của văn bản sửa đổi (nếu có)]* mà chúng tôi đã nhận được, chúng tôi, ___*[ghi tên nhà thầu]*, cam kết thực hiện gói thầu ___*[ghi tên gói thầu]* theo đúng yêu cầu nêu trong hồ sơ mời thầu với tổng số tiền là ___*[ghi giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền dự thầu]*⁽²⁾ cùng với Bảng tổng hợp giá dự thầu kèm theo.

Thời gian thực hiện hợp đồng là ___*[ghi thời gian thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu của gói thầu]*⁽³⁾.

Chúng tôi cam kết:

1. Chỉ tham gia trong một hồ sơ dự thầu này với tư cách là nhà thầu chính.
2. Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật.
3. Không vi phạm quy định về bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu, không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu.
4. Không thực hiện các hành vi tham nhũng, hối lộ, thông thầu, cản trở và các hành vi vi phạm quy định khác của pháp luật khi tham dự gói thầu này.
5. Thông tin liên hệ:

Địa chỉ email: _____

Đại diện: Ông/Bà _____

Số điện thoại: _____

6. Những thông tin kê khai trong hồ sơ dự thầu là trung thực.

Hồ sơ dự thầu này có hiệu lực trong thời gian ___⁽⁴⁾ngày, kể từ ngày ___ tháng ___ năm ___⁽⁵⁾.

Đại diện hợp pháp của nhà thầu ⁽⁶⁾
[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Nhà thầu lưu ý, đơn dự thầu phải được ghi đầy đủ và chính xác các thông tin về tên của Bên mời thầu, nhà thầu, thời gian có hiệu lực của HSDT, được đại diện hợp pháp của nhà thầu ký tên, đóng dấu.

(2) Giá dự thầu ghi trong đơn dự thầu phải cụ thể, cố định bằng số, bằng chữ và phải phù hợp, logic với tổng giá dự thầu ghi trong Bảng tổng hợp giá dự thầu, không đề xuất các giá dự thầu khác nhau hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư, Bên mời thầu.

(3) Thời gian thực hiện hợp đồng nêu trong đơn dự thầu phải phù hợp với đề xuất về kỹ thuật

nêu trong HSDT.

(4) Thời gian có hiệu lực của HSDT được tính kể từ ngày có thời điểm đóng thầu đến ngày cuối cùng có hiệu lực theo quy định trong HSMT. Từ thời điểm đóng thầu đến hết 24 giờ của ngày đóng thầu được tính là 01 ngày.

(5) Ghi ngày đóng thầu theo quy định tại Mục 17.1 CDNT.

(6) Trường hợp đại diện theo pháp luật của nhà thầu ủy quyền cho cấp dưới ký đơn dự thầu thì phải gửi kèm theo Giấy ủy quyền theo Mẫu số 02 Chương này; trường hợp tại điều lệ công ty hoặc tại các tài liệu khác liên quan có phân công trách nhiệm cho cấp dưới ký đơn dự thầu thì phải gửi kèm theo các văn bản này (không cần lập Giấy ủy quyền theo Mẫu số 02 Chương này). Trường hợp nhà thầu là liên danh thì phải do đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký, trừ trường hợp trong văn bản thỏa thuận liên danh theo Mẫu số 03 Chương này có quy định các thành viên trong liên danh thỏa thuận cho thành viên đứng đầu liên danh ký đơn dự thầu. Trường hợp từng thành viên liên danh có ủy quyền thì thực hiện như đối với nhà thầu độc lập. Nếu nhà thầu trúng thầu, trước khi ký kết hợp đồng, nhà thầu phải trình Chủ đầu tư bản chụp được chứng thực các văn bản này. Trường hợp phát hiện thông tin kê khai ban đầu là không chính xác thì nhà thầu bị coi là vi phạm hành vi bị cấm trong đấu thầu quy định tại Mục 2 CDNT.

ĐƠN DỰ THẦU⁽¹⁾

(áp dụng trong trường hợp nhà thầu có đề xuất giảm giá trong đơn dự thầu)

Ngày: *[ghi ngày tháng năm ký đơn dự thầu]*

Tên gói thầu: *[ghi tên gói thầu theo thông báo mời thầu]*

Kính gửi: *[ghi đầy đủ và chính xác tên của Bên mời thầu]*

Sau khi nghiên cứu hồ sơ mời thầu và văn bản sửa đổi hồ sơ mời thầu số ___*[ghi số của văn bản sửa đổi (nếu có)]* mà chúng tôi đã nhận được, chúng tôi, ___*[ghi tên nhà thầu]*, cam kết thực hiện gói thầu ___*[ghi tên gói thầu]* theo đúng yêu cầu nêu trong hồ sơ mời thầu với tổng số tiền là ___*[ghi giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền dự thầu]⁽²⁾* cùng với Bảng tổng hợp giá dự kèm theo.

Ngoài ra, chúng tôi tự nguyện giảm giá dự thầu với số tiền giảm giá là: ___*[ghi giá trị giảm giá bằng số, bằng chữ và đồng tiền]*.

Giá dự thầu sau khi trừ đi giá trị giảm giá là: ___*[ghi giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền]⁽³⁾*

Thời gian thực hiện hợp đồng là ___*[ghi thời gian thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu của gói thầu]⁽⁴⁾*.

Chúng tôi cam kết:

1. Chỉ tham gia trong một hồ sơ dự thầu này với tư cách là nhà thầu chính.
2. Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật.
3. Không vi phạm quy định về bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu.
4. Không thực hiện các hành vi tham nhũng, hối lộ, thông thầu, cản trở và các hành vi vi phạm quy định khác của pháp luật khi tham dự gói thầu này.
5. Những thông tin kê khai trong hồ sơ dự thầu là trung thực.

Hồ sơ dự thầu này có hiệu lực trong thời gian ___⁽⁵⁾ ngày, kể từ ngày ___ tháng ___ năm ___⁽⁶⁾.

Đại diện hợp pháp của nhà thầu⁽⁷⁾
[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Nhà thầu lưu ý, đơn dự thầu phải được ghi đầy đủ và chính xác các thông tin về tên của Bên mời thầu, nhà thầu, thời gian có hiệu lực của HSDT, được đại diện hợp pháp của nhà thầu ký tên, đóng dấu.

(2) Giá dự thầu ghi trong đơn dự thầu phải cụ thể, cố định bằng số, bằng chữ và phải phù hợp, logic với tổng giá dự thầu ghi trong Bảng tổng hợp giá dự thầu, không đề xuất các giá dự thầu khác nhau hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư, Bên mời thầu.

(3) Ghi rõ giảm giá cho toàn bộ gói thầu hay giảm giá cho một hoặc nhiều công việc, hạng mục nào đó (nêu rõ công việc, hạng mục được giảm giá).

(4) Thời gian thực hiện hợp đồng nêu trong đơn dự thầu phải phù hợp với đề xuất về kỹ thuật nêu trong HSDT.

(5) Thời gian có hiệu lực của HSDT được tính kể từ ngày có thời điểm đóng thầu đến ngày cuối cùng có hiệu lực theo quy định trong HSMT. Từ thời điểm đóng thầu đến hết 24 giờ của ngày đóng thầu được tính là 01 ngày.

(6) Ghi ngày đóng thầu theo quy định tại Mục 17.1 CDNT.

(7) Trường hợp đại diện theo pháp luật của nhà thầu ủy quyền cho cấp dưới ký đơn dự thầu thì phải gửi kèm theo Giấy ủy quyền theo Mẫu số 02 Chương này; trường hợp tại điều lệ công ty hoặc tại các tài liệu khác liên quan có phân công trách nhiệm cho cấp dưới ký đơn dự thầu thì phải gửi kèm theo các văn bản này (không cần lập Giấy ủy quyền theo Mẫu số 02 Chương này). Trường hợp nhà thầu là liên danh thì phải do đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký, trừ trường hợp trong văn bản thỏa thuận liên danh theo Mẫu số 03 Chương này có quy định các thành viên trong liên danh thỏa thuận cho thành viên đứng đầu liên danh ký đơn dự thầu. Trường hợp từng thành viên liên danh có ủy quyền thì thực hiện như đối với nhà thầu độc lập. Nếu nhà thầu trúng thầu, trước khi ký kết hợp đồng, nhà thầu phải trình Chủ đầu tư bản chụp được chứng thực các văn bản này. Trường hợp phát hiện thông tin kê khai ban đầu là không chính xác thì nhà thầu bị coi là vi phạm hành vi bị cấm trong đấu thầu quy định tại Mục 2 CDNT.

GIẤY ỦY QUYỀN⁽¹⁾

Hôm nay, ngày ___ tháng ___ năm ____, tại _____

Tôi là ___ [ghi tên, số CMND hoặc số hộ chiếu, chức danh của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu], là người đại diện theo pháp luật của _____ [ghi tên nhà thầu] có địa chỉ tại _____ [ghi địa chỉ của nhà thầu] bằng văn bản này ủy quyền cho ___ [ghi tên, số CMND hoặc số hộ chiếu, chức danh của người được ủy quyền] thực hiện các công việc sau đây trong quá trình tham dự thầu gói thầu ___ [ghi tên gói thầu] do ___ [ghi tên Bên mời thầu] tổ chức:

[-Ký đơn dự thầu;

- Ký thỏa thuận liên danh (nếu có);

- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với Bên mời thầu trong quá trình tham gia đấu thầu, kể cả văn bản đề nghị làm rõ hồ sơ mời thầu và văn bản giải trình, làm rõ hồ sơ dự thầu hoặc văn bản đề nghị rút hồ sơ dự thầu, sửa đổi, thay thế hồ sơ dự thầu;

- Tham gia quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;

- Ký đơn kiến nghị trong trường hợp nhà thầu có kiến nghị;

- Ký kết hợp đồng với Chủ đầu tư nếu được lựa chọn.]⁽²⁾

Người được ủy quyền nêu trên chỉ thực hiện các công việc trong phạm vi ủy quyền với tư cách là đại diện hợp pháp của ___ [ghi tên nhà thầu]. ___ [ghi tên người đại diện theo pháp luật của nhà thầu] chịu trách nhiệm hoàn toàn về những công việc do ___ [ghi tên người được ủy quyền] thực hiện trong phạm vi ủy quyền.

Giấy ủy quyền có hiệu lực kể từ ngày ___ đến ngày ___⁽³⁾. Giấy ủy quyền này được lập thành ___ bản có giá trị pháp lý như nhau, người ủy quyền giữ ___ bản, người được ủy quyền giữ ___ bản, Bên mời thầu giữ ___ bản.

Người được ủy quyền

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Người ủy quyền

[ghi tên người đại diện theo pháp luật của nhà thầu, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Trường hợp ủy quyền thì bản gốc giấy ủy quyền phải được gửi cho Bên mời thầu cùng với đơn dự thầu theo quy định tại Mục 17.1 CDNT. Việc ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu cho cấp phó, cấp dưới, giám đốc chi nhánh, người đứng đầu văn phòng đại diện của nhà thầu để thay mặt cho người đại diện theo pháp luật của nhà thầu thực hiện một hoặc các nội dung công việc nêu trên đây. Việc sử dụng con dấu trong trường hợp được ủy quyền có thể là dấu của nhà thầu hoặc dấu của đơn vị mà cá nhân liên quan được ủy quyền. Người được ủy quyền không được tiếp tục ủy quyền cho người khác.

(2) Phạm vi ủy quyền bao gồm một hoặc nhiều công việc nêu trên.

(3) Ghi ngày có hiệu lực và ngày hết hiệu lực của giấy ủy quyền phù hợp với quá trình tham gia đấu thầu.

THỎA THUẬN LIÊN DANH⁽¹⁾

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Gói thầu: _____ [ghi tên gói thầu]

Căn cứ hồ sơ mời thầu gói thầu _____ [ghi tên gói thầu] ngày ____ tháng ____ năm ____ [ngày được ghi trên HSMT];

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký thỏa thuận liên danh, gồm có:

Tên thành viên liên danh _____ [ghi tên từng thành viên liên danh]

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Fax: _____

E-mail: _____

Tài khoản: _____

Mã số thuế: _____

Giấy ủy quyền số _____ ngày ____ tháng ____ năm ____ (trường hợp được ủy quyền).

Các bên (sau đây gọi là thành viên) thống nhất ký kết thỏa thuận liên danh với các nội dung sau:

Điều 1. Nguyên tắc chung

1. Các thành viên tự nguyện hình thành liên danh để tham dự thầu gói thầu _____ [ghi tên gói thầu].

2. Các thành viên thống nhất tên gọi của liên danh cho mọi giao dịch liên quan đến gói thầu này là: _____ [ghi tên của liên danh theo thỏa thuận].

3. Các thành viên cam kết không thành viên nào được tự ý tham gia độc lập hoặc liên danh với thành viên khác để tham gia gói thầu này. Trường hợp trúng thầu, không thành viên nào có quyền từ chối thực hiện các trách nhiệm và nghĩa vụ đã quy định trong hợp đồng. Trường hợp thành viên của liên danh từ chối hoàn thành trách nhiệm riêng của mình như đã thỏa thuận thì thành viên đó bị xử lý như sau:

- Bồi thường thiệt hại cho các bên trong liên danh;
- Bồi thường thiệt hại cho Chủ đầu tư theo quy định nêu trong hợp đồng;
- Hình thức xử lý khác _____ [ghi rõ hình thức xử lý khác].

Điều 2. Phân công trách nhiệm

Các thành viên thống nhất phân công trách nhiệm để thực hiện gói thầu _____ [ghi tên gói thầu] đối với từng thành viên như sau:

1. Thành viên đứng đầu liên danh:

Các bên nhất trí phân công cho _____ [ghi tên một bên] làm thành viên đứng đầu liên danh, đại

diện cho liên danh trong những phần việc sau⁽²⁾:

[-Ký đơn dự thầu;

- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với Bên mời thầu trong quá trình tham dự thầu, kể cả văn bản đề nghị làm rõ HSMT và văn bản giải trình, làm rõ HSDT hoặc văn bản đề nghị rút HSDT, sửa đổi, thay thế HSDT;

- Thực hiện bảo đảm dự thầu cho cả liên danh;

- Thực hiện nguồn lực tài chính cho cả liên danh;

- Tham gia quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;

- Ký đơn kiến nghị trong trường hợp nhà thầu có kiến nghị;

- Các công việc khác trừ việc ký kết hợp đồng ___[ghi rõ nội dung các công việc khác (nếu có)].

2. Các thành viên trong liên danh thỏa thuận phân công trách nhiệm thực hiện công việc theo bảng dưới đây⁽³⁾:

STT	Tên	Nội dung công việc đảm nhận	Tỷ lệ % so với tổng giá dự thầu
1	Tên thành viên đứng đầu liên danh	- ___ - ___	- ___% - ___%
2	Tên thành viên thứ 2	- ___ - ___	- ___% - ___%
....
Tổng cộng		Toàn bộ công việc của gói thầu	100%

Điều 3. Hiệu lực của thỏa thuận liên danh

1. Thỏa thuận liên danh có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Thỏa thuận liên danh chấm dứt hiệu lực trong các trường hợp sau:

- Các bên hoàn thành trách nhiệm, nghĩa vụ của mình và tiến hành thanh lý hợp đồng;

- Các bên cùng thỏa thuận chấm dứt;

- Nhà thầu liên danh không trúng thầu;

- Hủy thầu gói thầu ___[ghi tên gói thầu] theo thông báo của Bên mời thầu.

Thỏa thuận liên danh được lập thành _____ bản, mỗi bên giữ _____ bản, các bản thỏa thuận có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN ĐỨNG ĐẦU LIÊN DANH

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN LIÊN DANH

[ghi tên từng thành viên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu, nội dung thỏa thuận liên danh theo mẫu này có thể

được sửa đổi bổ sung cho phù hợp,

(2) Phạm vi ủy quyền bao gồm một hoặc nhiều công việc nêu trên.

(3) Nhà thầu phải ghi rõ nội dung công việc cụ thể và ước tính giá trị tương ứng mà từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện, trách nhiệm chung, trách nhiệm của từng thành viên, kể cả thành viên đứng đầu liên danh.

BẢO LÃNH DỰ THẦU⁽¹⁾

(áp dụng đối với nhà thầu độc lập)

Bên thụ hưởng: ___[ghi tên và địa chỉ của Bên mời thầu]

Ngày phát hành bảo lãnh: ___[ghi ngày phát hành bảo lãnh]

BẢO LÃNH DỰ THẦU số: ___[ghi số trích yếu của Bảo lãnh dự thầu]

Bên bảo lãnh: ___[ghi tên và địa chỉ nơi phát hành, nếu những thông tin này chưa được thể hiện ở phần tiêu đề trên giấy in]

Chúng tôi được thông báo rằng [ghi tên nhà thầu] (sau đây gọi là "Bên yêu cầu bảo lãnh") sẽ tham dự thầu để thực hiện gói thầu [ghi tên gói thầu] theo thông báo mời thầu số [ghi số trích yếu của thông báo mời thầu].

Chúng tôi cam kết với Bên thụ hưởng rằng chúng tôi bảo lãnh cho nhà thầu tham dự thầu gói thầu này bằng một khoản tiền là ___[ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng].

Bảo lãnh này có hiệu lực trong ___⁽²⁾ ngày, kể từ ngày ___ tháng ___ năm ___⁽³⁾.

Theo yêu cầu của Bên yêu cầu bảo lãnh, chúng tôi, với tư cách là Bên bảo lãnh, cam kết chắc chắn sẽ thanh toán cho Bên thụ hưởng một khoản tiền hay các khoản tiền không vượt quá tổng số tiền là [ghi bằng chữ] [ghi bằng số] khi nhận được văn bản thông báo nhà thầu vi phạm từ Bên thụ hưởng trong đó nêu rõ:

1. Nhà thầu rút hồ sơ dự thầu sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của hồ sơ dự thầu;
2. Nhà thầu vi phạm pháp luật hoặc quy định trong HSMT dẫn đến phải hủy thầu theo quy định tại điểm c Mục 28.1 - Chi dẫn nhà thầu của hồ sơ mời thầu;
3. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối tiến hành thương thảo hợp đồng trong thời hạn 5 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo mời đến thương thảo hợp đồng của Bên mời thầu, trừ trường hợp bất khả kháng;
4. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối tiến hành hoàn thiện hợp đồng trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo trúng thầu của Bên mời thầu hoặc đã hoàn thiện hợp đồng nhưng từ chối ký hợp đồng, trừ trường hợp bất khả kháng;

Nếu Bên yêu cầu bảo lãnh được lựa chọn: bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi Bên yêu cầu bảo lãnh ký kết hợp đồng và nộp Bảo lãnh thực hiện hợp đồng cho Bên thụ hưởng theo thỏa thuận trong hợp đồng đó.

Nếu Bên yêu cầu bảo lãnh không được lựa chọn: bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi chúng tôi nhận được bản chụp văn bản thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu từ Bên thụ hưởng gửi cho Bên yêu cầu bảo lãnh; trong vòng _____ ngày sau khi hết thời hạn hiệu lực của hồ sơ dự thầu.

Bất cứ yêu cầu bồi thường nào theo bảo lãnh này đều phải được gửi đến văn phòng chúng tôi trước hoặc trong ngày đó.

Đại diện hợp pháp của ngân hàng

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

- (1) Áp dụng trong trường hợp biện pháp bảo đảm dự thầu là thư bảo lãnh của tổ chức tín dụng hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam.
- (2) Ghi theo quy định tại Mục 15.2 **BDL**.
- (3) Ghi ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định tại Mục 17.1 **BDL**.

BẢO LÃNH DỰ THẦU⁽¹⁾

(áp dụng đối với nhà thầu liên danh)

Bên thụ hưởng: ___[ghi tên và địa chỉ của Bên mời thầu]

Ngày phát hành bảo lãnh: ___[ghi ngày phát hành bảo lãnh]

BẢO LÃNH DỰ THẦU SỐ: ___[ghi số trích yếu của Bảo lãnh dự thầu]

Bên bảo lãnh: ___[ghi tên và địa chỉ nơi phát hành, nếu những thông tin này chưa được thể hiện ở phần tiêu đề trên giấy in]

Chúng tôi được thông báo rằng [ghi tên nhà thầu]⁽²⁾ (sau đây gọi là "Bên yêu cầu bảo lãnh") sẽ tham dự thầu để thực hiện gói thầu [ghi tên gói thầu] theo thông báo mời thầu số [ghi số trích yếu của thông báo mời thầu].

Chúng tôi cam kết với Bên thụ hưởng rằng chúng tôi bảo lãnh cho nhà thầu tham dự thầu gói thầu này bằng một khoản tiền là ___[ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng].

Bảo lãnh này có hiệu lực trong ___⁽³⁾ ngày, kể từ ngày ___ tháng ___ năm⁽⁴⁾.

Theo yêu cầu của Bên yêu cầu bảo lãnh, chúng tôi, với tư cách là Bên bảo lãnh, cam kết chắc chắn sẽ thanh toán cho Bên thụ hưởng một khoản tiền hay các khoản tiền không vượt quá tổng số tiền là [ghi bằng chữ] [ghi bằng số] khi nhận được văn bản thông báo nhà thầu vi phạm từ Bên thụ hưởng trong đó nêu rõ:

1. Nhà thầu rút hồ sơ dự thầu sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của hồ sơ dự thầu;
2. Nhà thầu vi phạm pháp luật hoặc quy định tại HSMT dẫn đến phải hủy thầu theo quy định tại điểm c Mục 28.1 - Chỉ dẫn nhà thầu của hồ sơ mời thầu;
3. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối tiến hành thương thảo hợp đồng trong thời hạn 5 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo mời đến thương thảo hợp đồng của Bên mời thầu, trừ trường hợp bất khả kháng;
4. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối tiến hành hoàn thiện hợp đồng trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo trúng thầu của Bên mời thầu hoặc đã hoàn thiện hợp đồng nhưng từ chối ký hợp đồng, trừ trường hợp bất khả kháng;

Nếu bất kỳ thành viên nào trong liên danh ___[ghi đầy đủ tên của nhà thầu liên danh] vi phạm quy định của pháp luật dẫn đến không được hoàn trả bảo đảm dự thầu theo quy định tại Mục 15.5 - Chỉ dẫn nhà thầu của hồ sơ mời thầu thì bảo đảm dự thầu của tất cả thành viên trong liên danh sẽ không được hoàn trả

Nếu Bên yêu cầu bảo lãnh được lựa chọn: bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi Bên yêu cầu bảo lãnh ký kết hợp đồng và nộp Bảo lãnh thực hiện hợp đồng cho Bên thụ hưởng theo thỏa thuận trong hợp đồng đó.

Nếu Bên yêu cầu bảo lãnh không được lựa chọn: bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi chúng tôi nhận được bản chụp văn bản thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu từ Bên thụ hưởng gửi cho Bên yêu cầu bảo lãnh; trong vòng _____ ngày sau khi hết thời hạn hiệu lực của hồ sơ dự thầu.

Bất cứ yêu cầu bồi thường nào theo bảo lãnh này đều phải được gửi đến văn phòng chúng tôi trước hoặc trong ngày đó.

Đại diện hợp pháp của ngân hàng
[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Áp dụng trong trường hợp biện pháp bảo đảm dự thầu là thư bảo lãnh của tổ chức tín dụng hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam. Khuyến khích các ngân hàng sử dụng theo Mẫu này, trường hợp sử dụng theo mẫu khác mà vi phạm một trong các quy định như: có giá trị thấp hơn, thời gian hiệu lực ngắn hơn so với yêu cầu quy định tại Mục 15.2 CDNT, không đúng tên Bên mời thầu (đơn vị thụ hưởng), không phải là bản gốc và không có chữ ký hợp lệ hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho Bên mời thầu thì bảo lãnh dự thầu trong trường hợp này được coi là không hợp lệ.

(2) Tên nhà thầu có thể là một trong các trường hợp sau đây:

- Tên của cả nhà thầu liên danh, ví dụ nhà thầu liên danh A + B tham dự thầu thì tên nhà thầu ghi là “Nhà thầu liên danh A + B”;

- Tên của thành viên chịu trách nhiệm thực hiện bảo lãnh dự thầu cho cả liên danh hoặc cho thành viên khác trong liên danh, ví dụ nhà thầu liên danh A + B + C tham dự thầu, trường hợp trong thỏa thuận liên danh phân công cho nhà thầu A thực hiện bảo đảm dự thầu cho cả liên danh thì tên nhà thầu ghi là “nhà thầu A (thay mặt cho nhà thầu liên danh A + B + C)”, trường hợp trong thỏa thuận liên danh phân công nhà thầu B thực hiện bảo đảm dự thầu cho nhà thầu B và C thì tên nhà thầu ghi là “Nhà thầu B (thay mặt cho nhà thầu B và C)”;

- Tên của thành viên liên danh thực hiện riêng rẽ bảo lãnh dự thầu.

(3) Ghi theo quy định tại Mục 15.2 **BDL**.

(4) Ghi ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định tại Mục 17.1 **BDL**.

BẢNG TỔNG HỢP GIÁ DỰ THẦU*(áp dụng đối với hợp đồng trọn gói)*

Danh mục dịch vụ	Mô tả dịch vụ	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền (Cột 4x5)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
<i>Hoạt động 1</i>					M1
<i>Hoạt động 2</i>					M2
<i>Hoạt động n</i>	...				Mn
Tổng cộng giá dự thầu đã bao gồm dự phòng, thuế, phí, lệ phí (nếu có) <i>(kết chuyển sang đơn dự thầu, trang số ...)</i>					M=M1+M2+...+Mn

Đại diện hợp pháp của nhà thầu*[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]*

Ghi chú:

Các cột (1), (2), (3), (4): Bên mời thầu ghi phù hợp với các nội dung công việc theo quy định tại Chương V Phần thứ hai - Yêu cầu về phạm vi cung cấp.

Các cột (5), (6): do nhà thầu chào. Nhà thầu ghi đơn giá dự thầu và thành tiền của từng công việc cụ thể. Giá dự thầu của nhà thầu phải bao gồm chi phí dự phòng và đã bao gồm các chi phí thuế, phí, lệ phí (nếu có). Nhà thầu phải chịu trách nhiệm tìm hiểu, tính toán và chào đầy đủ các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có) theo thuế suất, mức phí, lệ phí tại thời điểm _____ ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định. Trường hợp nhà thầu tuyên bố giá dự thầu không bao gồm thuế, phí, lệ phí thì HSDT của nhà thầu sẽ bị loại.

Không tách riêng phần chi phí dự phòng mà nhà thầu đã phân bổ trong giá dự thầu để xem xét, đánh giá trong quá trình đánh giá hồ sơ dự thầu về tài chính, thương mại.

BẢN KÊ KHAI THÔNG TIN VỀ NHÀ THẦU

Ngày: _____

Số hiệu và tên gói thầu: _____

Tên nhà thầu: <i>[ghi tên nhà thầu]</i>	
<i>Trong trường hợp liên danh, ghi tên của từng thành viên trong liên danh</i>	
Nơi nhà thầu đăng ký kinh doanh, hoạt động: <i>[ghi tên tỉnh/thành phố nơi đăng ký kinh doanh, hoạt động]</i>	
Năm thành lập công ty:	
Địa chỉ hợp pháp của nhà thầu <i>[tại nơi đăng ký]</i> :	
Thông tin về đại diện hợp pháp của nhà thầu Tên: _____ Địa chỉ: _____ Số điện thoại/fax: _____ Địa chỉ email: _____	
1. Kèm theo là bản chụp một trong các tài liệu sau đây: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, quyết định thành lập hoặc tài liệu có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền của nước mà nhà thầu đang hoạt động cấp. 2. Trình bày sơ đồ tổ chức của nhà thầu.	

BẢN KÊ KHAI THÔNG TIN VỀ THÀNH VIÊN CỦA NHÀ THẦU LIÊN DANH⁽¹⁾

Ngày: _____

Số hiệu và tên gói thầu: _____

Tên nhà thầu liên danh:
Tên thành viên của nhà thầu liên danh:
Quốc gia nơi đăng ký công ty của thành viên liên danh:
Năm thành lập công ty của thành viên liên danh:
Địa chỉ hợp pháp của thành viên liên danh tại quốc gia đăng ký:
Thông tin về đại diện hợp pháp của thành viên liên danh Tên: _____ Địa chỉ: _____ Số điện thoại/fax: _____ Địa chỉ e-mail: _____
1. Kèm theo là bản chụp một trong các tài liệu sau đây: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, quyết định thành lập hoặc tài liệu có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền của nước mà nhà thầu đang hoạt động cấp. 2. Trình bày sơ đồ tổ chức.

Ghi chú:

(1) Trường hợp nhà thầu liên danh thì từng thành viên của nhà thầu liên danh phải kê khai theo Mẫu này.

DANH SÁCH CÁC CÔNG TY ĐẢM NHẬN PHẦN CÔNG VIỆC CỦA GÓI THẦU⁽¹⁾

STT	Tên công ty con, công ty thành viên ⁽²⁾	Công việc đảm nhận trong gói thầu ⁽³⁾	Giá trị % so với giá dự thầu ⁽⁴⁾	Ghi chú
1				
2				
3				
4				
5				
...				

Ghi chú:

(1) Trường hợp nhà thầu tham dự thầu là công ty mẹ (ví dụ như Tổng công ty) thì nhà thầu phải kê khai cụ thể phần công việc dành cho các công ty con, công ty thành viên. Việc đánh giá kinh nghiệm, năng lực của nhà thầu căn cứ vào giá trị, khối lượng do công ty mẹ, công ty con, công ty thành viên đảm nhận trong gói thầu và đã được kê khai trong HSDT. Trường hợp nhà thầu tham dự thầu không phải là công ty mẹ thì không áp dụng Mẫu này.

(2) Ghi cụ thể tên công ty con, công ty thành viên.

(3) Ghi cụ thể phần công việc đảm nhận của công ty con, công ty thành viên.

(4) Ghi cụ thể giá trị % công việc của công ty con, công ty thành viên đảm nhận so với giá dự thầu.

HỢP ĐỒNG KHÔNG HOÀN THÀNH TRONG QUÁ KHỨ⁽¹⁾

Tên nhà thầu: _____

Ngày: _____

Tên thành viên của nhà thầu liên danh (nếu có): _____

<p>Các hợp đồng không hoàn thành trong quá khứ theo Chương III - Tiêu chuẩn đánh giá HSDT</p>			
<p><input type="checkbox"/> Không có hợp đồng nào đã ký nhưng không thực hiện kể từ ngày 01 tháng 01 năm ___[ghi năm] theo quy định tại tiêu chí đánh giá 1 trong Bảng tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm Mục 2 Chương III - Tiêu chuẩn đánh giá HSDT.</p>			
<p><input type="checkbox"/> Có hợp đồng đã ký nhưng không hoàn thành tính từ ngày 01 tháng 01 năm ___[ghi năm] theo quy định tại tiêu chí đánh giá 1 trong Bảng tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm Mục 2 Chương III - Tiêu chuẩn đánh giá HSDT.</p>			
Năm	Phần việc hợp đồng không hoàn thành	Mô tả hợp đồng	Tổng giá trị hợp đồng (giá trị hiện tại, đơn vị tiền tệ, tỷ giá hối đoái, giá trị tương đương bằng VND)
		<p>Mô tả hợp đồng: Tên Chủ đầu tư: Địa chỉ: Nguyên nhân không hoàn thành hợp đồng:</p>	

Ghi chú:

(1) Nhà thầu phải kê khai chính xác, trung thực các hợp đồng không hoàn thành trong quá khứ; nếu Bên mời thầu phát hiện bất cứ nhà thầu nào có hợp đồng không hoàn thành trong quá khứ mà không kê khai thì được coi là hành vi “gian lận” và HSDT sẽ bị loại. Trường hợp nhà thầu liên danh thì từng thành viên của nhà thầu liên danh phải kê khai theo Mẫu này.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH TRƯỚC ĐÂY CỦA NHÀ THẦU⁽¹⁾

Tên nhà thầu: _____

Ngày: _____

Tên thành viên của nhà thầu liên danh (nếu có): _____

Số liệu tài chính cho 3 năm gần nhất ⁽²⁾ [VND]		
Năm 1:	Năm 2:	Năm 3:

Thông tin từ Bảng cân đối kế toán

Tổng tài sản			
Tổng nợ			
Giá trị tài sản ròng			
Tài sản ngắn hạn			
Nợ ngắn hạn			
Vốn lưu động			

Thông tin từ Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tổng doanh thu			
Lợi nhuận trước thuế			
Lợi nhuận sau thuế			

Đính kèm là bản sao các báo cáo tài chính⁽³⁾ (các bảng cân đối kế toán bao gồm tất cả thuyết minh có liên quan, các báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh) cho ba năm gần nhất và tuân thủ các điều kiện sau:

1. Phản ánh tình hình tài chính của nhà thầu hoặc thành viên liên danh (nếu là nhà thầu liên danh) mà không phải tình hình tài chính của một chủ thể liên kết như công ty mẹ hoặc công ty con hoặc công ty liên kết với nhà thầu hoặc thành viên liên danh.
2. Các báo cáo tài chính phải hoàn chỉnh, đầy đủ nội dung theo quy định.
3. Các báo cáo tài chính phải tương ứng với các kỳ kế toán đã hoàn thành, kèm theo là bản chụp được chứng thực một trong các tài liệu sau đây:
 - Biên bản kiểm tra quyết toán thuế;
 - Tờ khai tự quyết toán thuế (thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập doanh nghiệp) có xác nhận của cơ quan thuế về thời điểm đã nộp tờ khai;
 - Tài liệu chứng minh việc nhà thầu đã kê khai quyết toán thuế điện tử;
 - Văn bản xác nhận của cơ quan quản lý thuế (xác nhận số nộp cả năm) về việc thực hiện nghĩa vụ nộp thuế;
 - Báo cáo kiểm toán (nếu có);
 - Các tài liệu khác.

Ghi chú:

(1) Trường hợp nhà thầu liên danh thì từng thành viên của nhà thầu liên danh phải kê khai theo Mẫu này.

(2) Khoảng thời gian được nêu ở đây cần giống khoảng thời gian được quy định, tại Bảng tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm thuộc Mục 2 Chương III - Tiêu chuẩn đánh giá HSDT, nếu là khác 03 năm thì các cột tại bảng trên cần được thay đổi cho phù hợp.

(3) Báo cáo tài chính đã được kiểm toán đối với nhà thầu là đối tượng phải thực hiện kiểm toán theo quy định của pháp luật về kiểm toán. Trường hợp nhà thầu là đối tượng không phải thực hiện kiểm toán theo quy định của pháp luật về kiểm toán thì không phải nộp báo cáo tài chính đã được kiểm toán.

DOANH THU BÌNH QUÂN HÀNG NĂM⁽¹⁾

Từng nhà thầu hoặc thành viên liên danh phải ghi vào Mẫu này.

Thông tin được cung cấp phải là doanh thu hàng năm từ hoạt động cung cấp dịch vụ của nhà thầu hoặc của từng thành viên liên danh trong từng năm đối với công việc đang thực hiện hoặc đã hoàn thành trên cơ sở các khoản tiền theo hóa đơn xuất cho nhà thầu hoặc cho từng thành viên liên danh.

Số liệu doanh thu hàng năm của nhà thầu trong ___ năm gần nhất²	
Năm	Số tiền (VND)
Doanh thu bình quân hàng năm của nhà thầu⁽³⁾	

Ghi chú:

(1) Trường hợp nhà thầu liên danh thì từng thành viên của nhà thầu liên danh phải ghi vào Mẫu này.

(2) Bên mời thầu cần ghi thời hạn được mô tả tại Bảng tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm thuộc Mục 2 Chương III - Tiêu chuẩn đánh giá HSDT.

(3) Để xác định doanh thu bình quân hàng năm, nhà thầu sẽ chia tổng doanh thu của các năm cho số năm dựa trên thông tin đã được cung cấp.

HỢP ĐỒNG TƯƠNG TỰ DO NHÀ THẦU THỰC HIỆN⁽¹⁾

____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Tên nhà thầu: ____ *[ghi tên đầy đủ của nhà thầu]*

Thông tin về từng hợp đồng, mỗi hợp đồng cần bảo đảm các thông tin sau đây:

Tên và số hợp đồng	<i>[ghi tên đầy đủ của hợp đồng, số ký hiệu]</i>		
Ngày ký hợp đồng	<i>[ghi ngày, tháng, năm]</i>		
Ngày hoàn thành	<i>[ghi ngày, tháng, năm]</i>		
Giá hợp đồng	<i>[ghi tổng giá hợp đồng bằng số tiền và đồng tiền đã ký]</i>		Tương đương ____ VND
Trong trường hợp là thành viên trong liên danh, ghi giá trị phần hợp đồng mà nhà thầu đảm nhiệm	<i>[ghi phần trăm giá hợp đồng trong tổng giá hợp đồng]</i>	<i>[ghi số tiền và đồng tiền đã ký]</i>	Tương đương ____ VND
Tên dự án:	<i>[ghi tên đầy đủ của dự án có hợp đồng đang kê khai]</i>		
Tên Chủ đầu tư:	<i>[ghi tên đầy đủ của Chủ đầu tư trong hợp đồng đang kê khai]</i>		
Địa chỉ:	<i>[ghi đầy đủ địa chỉ hiện tại của Chủ đầu tư]</i>		
Điện thoại/fax:	<i>[ghi số điện thoại, số fax kể cả mã quốc gia, mã vùng, địa chỉ e-mail]</i>		
E-mail:			
Mô tả tính chất tương tự theo quy định tại Mục 2 Chương III - Tiêu chuẩn đánh giá HSDT⁽²⁾.			
1. Loại dịch vụ	<i>[ghi thông tin phù hợp]</i>		
2. Về quy mô thực hiện	<i>[ghi quy mô theo hợp đồng]</i>		
3. Các đặc tính khác	<i>[ghi các đặc tính khác nếu cần thiết]</i>		

Nhà thầu phải gửi kèm theo bản chụp các văn bản, tài liệu liên quan đến các hợp đồng đó (xác nhận của Chủ đầu tư về hợp đồng đã hoàn thành theo các nội dung liên quan trong bảng trên bằng tài liệu chứng minh bao gồm: hợp đồng, biên bản nghiệm thu, thanh lý, quyết toán hợp đồng...).

Ghi chú:

(1) Trong trường hợp liên danh, từng thành viên trong liên danh kê khai theo Mẫu này.

(2) Nhà thầu chỉ kê khai nội dung tương tự với yêu cầu của gói thầu.

BẢNG ĐỀ XUẤT NHÂN SỰ CHỦ CHỐT

- Đối với từng vị trí công việc quy định tại Mẫu này thì nhà thầu phải kê khai các thông tin chi tiết theo Mẫu số 15 và Mẫu số 16 Chương này.

- Nhà thầu phải kê khai những nhân sự chủ chốt có năng lực phù hợp đáp ứng các yêu cầu quy định tại Phần thứ hai, Chương V và có thể sẵn sàng huy động cho gói thầu; không được kê khai những nhân sự đã huy động cho gói thầu khác có thời gian làm việc trùng với thời gian thực hiện gói thầu này. Trường hợp kê khai không trung thực thì nhà thầu sẽ bị đánh giá là gian lận.

1	Vị trí công việc: <i>[ghi cụ thể vị trí công việc đảm nhận trong gói thầu]</i>
	Tên: <i>[ghi tên nhân sự chủ chốt]</i>
2	Vị trí công việc: <i>[ghi cụ thể vị trí công việc đảm nhận trong gói thầu]</i>
	Tên: <i>[ghi tên nhân sự chủ chốt]</i>
3	Vị trí công việc
	Tên
4	Vị trí công việc
	Tên
5	Vị trí công việc
	Tên
....	Vị trí công việc
	Tên

BẢN LÝ LỊCH CHUYÊN MÔN CỦA NHÂN SỰ CHỦ CHỐT

Nhà thầu phải cung cấp tất cả các thông tin được yêu cầu dưới đây và phải gửi kèm theo bản chụp được chứng thực các văn bằng, chứng chỉ và tài liệu khác có liên quan.

Thông tin các dự án, công việc đã triển khai của nhân sự tham gia được kê khai tại Bản lý lịch chuyên môn của nhân sự. Các nhân sự phải chịu trách nhiệm về tính chính xác của thông tin và Bên mời thầu sẽ yêu cầu tài liệu chứng minh bổ sung nếu cần.

Vị trí		
Thông tin nhân sự	Tên	Ngày, tháng, năm sinh:
	Trình độ chuyên môn	
Công việc hiện tại	Tên của người sử dụng lao động	
	Địa chỉ của người sử dụng lao động	
	Điện thoại	Người liên lạc (trưởng phòng / cán bộ phụ trách nhân sự)
	Fax	E-mail
	Chức danh	Số năm làm việc cho người sử dụng lao động hiện tại

BẢN KINH NGHIỆM CHUYÊN MÔN

Tóm tắt kinh nghiệm chuyên môn theo trình tự thời gian từ hiện tại trở về trước. Nêu rõ các kinh nghiệm chuyên môn và kinh nghiệm quản lý cụ thể liên quan đến gói thầu.

Từ	Đến	Công ty / Dự án / Chức vụ / Kinh nghiệm chuyên môn và quản lý có liên quan

**GIẢI PHÁP VÀ PHƯƠNG PHÁP LUẬN TỔNG QUÁT DO NHÀ THẦU ĐỀ
XUẤT ĐỂ THỰC HIỆN DỊCH VỤ PHI TƯ VẤN**

Nhà thầu chuẩn bị đề xuất giải pháp, phương pháp luận tổng quát thực hiện dịch vụ theo các nội dung quy định tại Chương V - Yêu cầu về phạm vi cung cấp, gồm các phần như sau:

- 1. Giải pháp và phương pháp luận;*
- 2. Kế hoạch công tác;*

Phần thứ hai. YÊU CẦU VỀ PHẠM VI CUNG CẤP

Chương V. YÊU CẦU VỀ PHẠM VI CUNG CẤP

I. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ DỰ ÁN, HỆ THỐNG EGP VÀ GÓI THẦU

- **Tên dự án:** Ứng dụng thương mại điện tử trong mua sắm Chính phủ theo hình thức đối tác công tư (PPP).

- **Tên gói thầu:** Thuê dịch vụ CNTT về quản trị và vận hành hạ tầng CNTT cho Hệ thống e-GP.

- **Chủ đầu tư:** Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Hệ thống Đấu thầu qua mạng quốc gia (IDNES)

- **Mục tiêu đầu tư:** Quản trị, vận hành hạ tầng CNTT hệ thống e-GP, xử lý sự cố nhằm nâng cao chất lượng cung cấp các dịch vụ của hệ thống đấu thầu qua mạng quốc gia.

1. Thông tin chung về dự án

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã và đang xây dựng một Hệ thống Ứng dụng thương mại điện tử trong mua sắm chính phủ e-GP ("Hệ thống e-GP") trong khuôn khổ Kế hoạch tổng thể phát triển thương mại điện tử giai đoạn 2016-2025 và Chương trình Quốc gia về ứng dụng công nghệ thông tin trong các cơ quan nhà nước giai đoạn 2016-2025, nhằm triển khai đấu thầu điện tử trên toàn quốc.
- Hệ thống e-GP được triển khai thông qua hình thức đối tác công tư (PPP). Công ty TNHH Hệ thống thông tin FPT được chọn làm Nhà đầu tư và Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển hệ thống Đấu thầu qua mạng quốc gia (IDNES) là doanh nghiệp dự án được thành lập để thực hiện Dự án. IDNES thực hiện lựa chọn nhà thầu theo Quy chế lựa chọn nhà thầu của Công ty để thực hiện mua sắm các hạng mục nhằm xây dựng, vận hành hệ thống đấu thầu qua mạng.
- Hệ thống ứng dụng gồm 11 hệ thống thành phần, bao gồm: Cổng thông tin (Portal); Quản lý người dùng (User Management); Hỗ trợ người dùng (Call Center); Đấu thầu điện tử (e-Bidding), Mua sắm điện tử (e-Shopping Mall), Quản lý hợp đồng qua mạng (e-Contract), Thanh toán điện tử (e-Payment); Danh mục sản phẩm (Item list); Văn bản điện tử (e-Document); Quản lý năng lực nhà cung cấp (Supplier's Performance Management); Bảo lãnh điện tử (e-Guarantee) cũng như các dịch vụ giá trị gia tăng trên hệ thống.

2. Thông tin chung về Hệ thống e-GP

Hệ thống eGP bao gồm Trung tâm chính (DC), Trung tâm dự phòng (DRC), Trung tâm vận hành và hỗ trợ. Hạ tầng trung tâm DC và DRC được thuê từ nhà cung cấp dịch vụ hạ tầng trung tâm dữ liệu và đặt tại Hà Nội, khoảng cách tối thiểu giữa DC và DRC là 30 Km. Trung tâm vận hành và hỗ trợ đặt tại Trụ sở của doanh nghiệp dự án (địa chỉ hiện tại: tầng 8, tòa nhà VIT, số 519 Kim Mã, Ba Đình, Hà Nội).

- Trung tâm chính (DC) là môi trường hạ tầng kỹ thuật chính để các ứng dụng của hệ thống e-GP chạy trên đó. Trung tâm chính bao gồm hệ thống mạng, máy chủ web, máy chủ ứng dụng, máy chủ cơ sở dữ liệu, hệ thống lưu trữ, hệ thống sao lưu, hệ thống bảo mật, hệ thống quản lý và giám sát. Ở mức tổng quan, kiến trúc trung tâm chính (DC) được chia thành các vùng. Mỗi vùng/lớp bao gồm nhiều khối với các chức năng nhiệm vụ khác nhau, cụ thể:

- **Vùng dịch vụ AntiDDoS:** Là dịch vụ dùng để phân tích và loại bỏ các lưu lượng (traffic) độc hại bao gồm DDoS, các lỗ hổng đã biết và bị khai thác. Hệ thống chủ động phát hiện ngay lập tức và tự động đưa ra các hình thức ngăn chặn phù hợp khi gặp phải các cuộc tấn công mạng bằng nhiều hình thức khác nhau giúp website.
- **Vùng mạng biên (Internet/WAN):** Kết nối Internet cung cấp các dịch vụ của hệ thống e-GP cho Bộ phận quản lý PPA, Bên mời thầu, Nhà thầu, Ngân hàng, Hiệp hội, Cơ quan cấp giấy chứng nhận, Bộ Tài Chính, Tổng Cục Thuế, tổ chức cấp CA (PKI). Kết nối WAN cung cấp kết nối giữa hai trung tâm dữ liệu, kết nối đến Trung tâm Vận hành, khai thác e-GP /Trung tâm hỗ trợ khách hàng. Gồm:
 - Vùng mạng VPN: Được sử dụng để người dùng ngoài Internet kết nối VPN vào trong hệ thống.
 - Vùng mạng External: Được sử dụng để các nối các đơn vị bộ ban ngành khác.
- **Vùng mạng Core:** Gồm các thiết bị chuyển mạch, tường lửa làm nhiệm vụ liên kết chính các phân vùng mạng khác trong hệ thống. Đồng thời nó cũng làm nhiệm vụ bảo mật giữa các phân vùng với nhau
- **Vùng DMZ:** Vùng mạng này bao gồm các thiết bị Tường lửa ứng dụng web, thiết bị Cân bằng tải ứng dụng, nhằm giúp tăng cường khả năng chuyển giao ứng dụng đến người dùng đầu cuối, tăng cường khả năng truyền thông giữa các lớp ứng dụng. Để kiểm soát truy cập từ ngoài Internet vào hệ thống bên trong của e-GP. Mọi luồng dữ liệu đi qua tường lửa được kiểm soát theo chính sách bảo mật định sẵn.
- **Vùng mạng quản trị:** Chứa các máy tính dùng để quản trị hệ thống. Vùng mạng này bao gồm: Server Management (Quản lý hạ tầng) cài đặt một tập hợp các công cụ quản trị và giám sát toàn bộ các thiết bị mạng, bảo mật, máy chủ và lưu trữ trong DC/DRC
- **Vùng mạng quản trị thiết bị hệ thống:** Được dùng để quản trị các thiết bị mạng, thiết bị máy chủ có trong hệ thống.
- **Vùng máy chủ ứng dụng (Server Farm/APP):** Gồm các khối sau:
 - Server Application: Bao gồm các máy chủ cài đặt ứng dụng xử lý dữ liệu đầu vào từ lớp web.
 - Server Training, DEV, UAT: Bao gồm máy chủ dùng trong môi trường phát triển, đào tạo và kiểm thử.
- **Vùng máy chủ cơ sở dữ liệu:** Là vùng mạng riêng chứa Cơ sở dữ liệu của hệ thống bao gồm:
 - Server Database: Bao gồm các máy chủ cài đặt phần mềm cơ sở dữ liệu.
 - Vùng lưu trữ: Gồm các máy chủ backup và hệ thống mạng lưu trữ SAN, băng từ tape có chức năng đồng bộ, lưu trữ dữ liệu của hệ thống.
- **Vùng mạng nội bộ:** Hệ thống không áp dụng vùng mạng này
- **Vùng mạng không dây:** Hệ thống không áp dụng vùng mạng này

- Trung tâm dự phòng (DRC) là trung tâm dùng để làm dự phòng cho Trung tâm chính (DC) khi có sự cố thảm họa xảy ra đối với Trung tâm chính. Trung tâm dự phòng có kiến trúc tổng thể tương tự như trung tâm chính nhưng có phần cứng ít hơn, cấu hình kỹ thuật thấp hơn và không có hệ thống máy chủ cho môi trường phát triển.
- Trung Tâm vận hành và hỗ trợ là Trung tâm vận hành được kết nối đến trung tâm chính qua đường WAN để có thể giám sát theo dõi, vận hành hệ thống.
 - Danh mục các thiết bị hạ tầng của hệ thống cần thuê quản trị và vận hành:

STT	Tên thiết bị	Số lượng			
		Môi trường sản xuất	Môi trường dự phòng	TT vận hành	Tổng cộng
1	Hệ thống mạng				
1.1	Thiết bị chuyên mạch lõi	2		4	6
1.2	Thiết bị chuyên mạch vùng máy chủ	2	1		3
1.3	Thiết bị định tuyến	2	1	1	4
1.4	Thiết bị cân bằng tải	2			2
2	Thiết bị bảo mật				
2.1	Tường lửa lớp 1	2	1		3
2.2	Tường lửa lớp 2	2			2
2.3	Tường lửa ứng dụng	2			2
2.4	FortiMail	1			1
2.5	PAM				
3	Hệ thống máy chủ				
3.1	Máy chủ vật lý	17	3		20
3.2	Máy chủ ảo hóa	42	25		67
4	Hệ thống lưu trữ & sao lưu dữ liệu				
4.1	SAN storage	1	1		2
4.2	SAN Switch	2	1		3
4.3	Máy chủ Backup	1			1
4.4	Tape	1			1

Bảng 1. Danh mục chi tiết thiết bị sử dụng trong Hệ thống (có thể bổ sung trong tương lai):

A TRUNG TÂM DỮ LIỆU CHÍNH DC						
I Thiết bị mạng						
STT	Tên thiết bị	Chủng loại	Đơn vị	Số lượng	Vị trí triển khai	Mục đích sử dụng
1	Core Switch	Cisco Catalyst Switch 9500	Bộ	2	Vùng mạng core	Chuyển mạch trung tâm đảm bảo tốc độ vận chuyển dữ liệu và liên kết với các lớp mạng.

2	Switch - phân hệ Servers	Cisco Nexus Switch 93108TC-FX	Bộ	3	Vùng máy chủ nội bộ	Thiết bị định tuyến vùng máy chủ nội bộ
3	Internet/WAN Router 1	Cisco ASR1001-X	Bộ	1	Vùng mạng biên	Thiết bị định tuyến có chức năng kết nối ra internet
4	Internet/WAN Router 2	Cisco ISR 4431	Bộ	1	Vùng mạng biên	Thiết bị định tuyến có chức năng kết nối mạng WAN
5	Load Balancer	Citrix Application Delivery Controller 8905	Bộ	2	Vùng DMZ	Thiết bị cân bằng tải vùng mạng DMZ
II	Thiết bị bảo mật			6		
3	Tường lửa ứng dụng web	Imperva X6520	Bộ	2	Vùng mạng biên	Thiết bị tường lửa ứng dụng web
1	Firewall lớp 1	Fortigate FG-1101E	Bộ	2	Vùng mạng biên	Thiết bị tường lửa được thiết lập để quản lý, kiểm soát truy cập vào/ra giữa hệ thống với mạng Internet, mạng WAN
2	Firewall lớp 2	Checkpoint 6600 Appliance-Base	Bộ	2	Vùng mạng core	Thiết bị tường lửa được thiết lập để quản lý, kiểm soát truy cập giữa các vùng mạng trong DC
III	Máy chủ			17		
1	DMZ servers	HPE ProLiant DL360 Gen10	Bộ	3	Vùng máy chủ APP1	Máy chủ cung cấp dịch vụ vùng APP1
2	App, Support servers	HPE ProLiant DL360 Gen10	Bộ	7	Vùng máy chủ nội bộ	Máy chủ cung cấp dịch vụ vùng APP
3	DB servers	HPE ProLiant DL360 Gen10	Bộ	2	Vùng máy chủ nội bộ	Máy chủ cơ sở dữ liệu

					bộ	
4	Management servers	HPE ProLiant DL360 Gen10	Bộ	1	Vùng máy chủ nội bộ	Máy chủ vùng quản trị
5	Dev, UAT, Training server	HPE ProLiant DL360 Gen10	Bộ	3	Vùng máy chủ nội bộ	Máy chủ vùng dev, uat, đào tạo.
6	Backup server	HPE ProLiant DL360 Gen10	Bộ	1	Vùng máy chủ nội bộ	Máy chủ backup
IV	Thiết bị lưu trữ			5		
7	SAN storage	HPE Primera C650	Bộ	1	Vùng máy chủ nội bộ	Thiết bị lưu trữ DC
8	SAN Switch	HPE SN3600B	Bộ	2	Vùng máy chủ nội bộ	Thiết bị định tuyến cho thiết bị lưu trữ SAN Storage.
9	Tape Library	HPE StoreEver MSL2024	Bộ	1	Vùng máy chủ nội bộ	Tape backup phục vụ sao lưu của hệ thống
10	Email Server	Fortimail 400E	Bộ	1	Vùng máy chủ nội bộ	Email server phục vụ gửi email
B	TRUNG TÂM DỮ LIỆU DỰ PHÒNG DRC					
I	Thiết bị mạng, bảo mật			3		
1	Switch - Phân hệ Servers	Cisco Nexus Switch 93108TC-FX	Bộ	1	Vùng mạng Core	Thiết bị tường lửa được thiết lập để quản lý, kiểm soát truy cập giữa các vùng mạng trong DRC
2	Internet/WAN Router	Cisco ISR 4321	Bộ	1	Vùng mạng biên	Thiết bị định tuyến có chức năng kết nối ra internet, mạng WAN

3	Firewall	Fortigate 1000D	Bộ	1	Vùng mạng Core	Thiết bị tường lửa được thiết lập để quản lý, kiểm soát truy cập vào/ra giữa hệ thống với mạng Internet, bảo vệ hệ thống từ các tấn công bên ngoài Internet và giữa các vùng trong DRC
II		Máy chủ		3		
1	DB servers DRC	HPE ProLiant DL360 Gen10	Bộ	1	Vùng máy chủ nội bộ	Máy chủ ứng dụng
2	DMZ, App, Support servers DRC	HPE ProLiant DL360 Gen10	Bộ	2	Vùng DMZ	Máy chủ vùng DMZ và hỗ trợ
III		Thiết bị lưu trữ		2		
3	SAN storage DRC	HPE Primera 600 2-way Storage Base	Bộ	1	Vùng máy chủ nội bộ	Thiết bị lưu trữ DRC
4	SAN Switch DRC	HPE SN3600B	Bộ	1	Vùng máy chủ nội bộ	Thiết bị định tuyến cho thiết bị lưu trữ SAN Storage.
C		TRUNG TÂM VẬN HÀNH VÀ HỖ TRỢ				
1	Switch - Phân hệ Văn phòng (users), Đào tạo	Cisco Catalyst 2960X-48TS	Bộ	2	Vận hành	
2	Switch - (Users phân hệ NOC)	Cisco Catalyst 2960X-24TS	Bộ	2	Vận hành	
3	Internet/WAN Router	Cisco ISR 4321	Bộ	1	Vận hành	

Bảng 2. Danh mục máy chủ ảo sử dụng trong Hệ thống (có thể bổ sung trong tương lai):

STT	Máy chủ/Ứng dụng cài đặt/Vùng mạng/HĐH	Tên dịch vụ	Mục đích sử dụng
Trung tâm DC			
1.	DC_APP1_01/Liferay/APP1/Re	PO	Cài đặt ứng dụng portal

	dhat 8.4		
2.	DC_APP1_02/Liferay/APP1/Redhat 8.4	PO	Cài đặt ứng dụng portal
3.	DC_APP1_03/Liferay/APP1/Redhat 8.4	PO	Cài đặt ứng dụng portal
4.	DC_APP1_04/PO/APP1/Redhat 8.4	PO	Cài đặt app Portal
5.	DC_APP1_05/ UM1 - register service/ APP1/Redhat 8.4	UM register	Cài đặt dịch vụ đăng ký tài khoản người dùng của hệ thống.
6.	DC_APP1_05/ UM2 - register service/ APP1/Redhat 8.4	UM register	Cài đặt dịch vụ đăng ký tài khoản người dùng của hệ thống.
7.	DC_APP1_06/ESB/APP1/Redhat 8.4	ESB	Cài đặt ứng dụng ESB
8.	DC_APP1_06/ESB/APP2/Redhat 8.4	ESB	Cài đặt ứng dụng ESB
9.	DC_APP1_07/CDN/APP1/Redhat 8.4	Portal-CDN	Cài đặt dịch vụ CDN cho Portal
10.	DC_APP1_07/CDN/APP2/Redhat 8.4	Portal-CDN	Cài đặt dịch vụ CDN cho Portal
11.	DC_APP_01/Ansiable, dns, haproxy/APP1/Redhat 8.4	Bootstrap	Cài đặt file cấu hình, dns, haproxy để cài đặt platform OKD
12.	DC_APP_01/Ansiable, dns, haproxy/APP2/Redhat 8.4	Bootstrap	Cài đặt file cấu hình, dns, haproxy để cài đặt platform OKD
13.	DC_APP_01/OKD/APP/Fedora CoreOs	Controlle r node	Cài đặt phần mềm OKD
14.	DC_APP_02/OKD/APP/Fedora CoreOs	Controlle r node	Cài đặt phần mềm OKD
15.	DC_APP_03/OKD/APP/Fedora CoreOs	Controlle r node	Cài đặt phần mềm OKD
16.	DC_APP_04/OKD/APP/Fedora CoreOs	Controlle r node	Cài đặt phần mềm OKD
17.	DC_APP_05/OKD/APP/Fedora CoreOs	Compute node	Cài đặt phần mềm OKD
18.	DC_APP_06/OKD/APP/Fedora CoreOs	Compute node	Cài đặt phần mềm OKD
19.	DC_APP_07/OKD/APP/Fedora CoreOs	Compute node	Cài đặt phần mềm OKD
20.	DC_APP_08/OKD/APP/Fedora	Compute	Cài đặt phần mềm OKD

	CoreOs	node	
21.	DC_APP_09/OKD/APP/Fedora CoreOs	Compute node	Cài đặt phần mềm OKD
22.	DC_APP_10/OKD/APP/Fedora CoreOs	Compute node	Cài đặt phần mềm OKD
23.	DC_APP_11/OKD/APP/Fedora CoreOs	Compute node	Cài đặt phần mềm OKD
24.	DC_APP_12/OKD/APP/Fedora CoreOs	Compute node	Cài đặt phần mềm OKD
25.	DC_APP_13/OKD/APP/Fedora CoreOs	Compute node	Cài đặt phần mềm OKD
26.	DC_APP_14/OKD/APP/Fedora CoreOs	Compute node	Cài đặt phần mềm OKD
27.	DC_APP_20/Hikati/APP/Redhat 8.4	Heketi service	Cài đặt phần mềm Hikati cho OKD
28.	DC_APP_21/Hikati/APP/Redhat 8.4	Heketi service	Cài đặt phần mềm Hikati cho OKD
29.	DC_APP_22/Hikati/APP/Redhat 8.4	Heketi service	Cài đặt phần mềm Hikati cho OKD
30.	DC_APP_25/Proxy API/APP/Redhat 8.4	Proxy service	Cài đặt ứng dụng upload/download file
31.	DC_APP_26/Proxy API/APP/Redhat 8.4	Proxy service	Cài đặt ứng dụng upload/download file
32.	DC_APP_40/SBC App/ Infra Services/Ubuntu 18	Call Center – App	Ứng dụng BE của CallCenter
33.	DC_APP_41/3CX App/ Infra Services/Debian 9	Call Center – App	Ứng dụng BE của CallCenter
34.	DC_APP_42/Chat App/ Infra Services/Ubuntu 18	Call Center – App	Ứng dụng BE của CallCenter
35.	DC_APP_43/Jodget App/ Infra Services/Ubuntu 18	Call Center – App	Ứng dụng BE của CallCenter
36.	DC_APP_44/CC App/ Infra Services/Ubuntu 18	Call Center – App	Ứng dụng BE của CallCenter
37.	DC_APP_45/CC Recording/ Infra Services/Ubuntu 18	Call Center - Recording	Ứng dụng ghi âm của CallCenter
38.	DC_APP_46/CC CRM/ Infra Services/Redhat 8.4	Call Center – CRM	Ứng dụng Quản lý khách hàng
39.	DC_APP_47/CC DB/ Infra Services/Ubuntu 18	Call Center - DB	Cài đặt DB cho CallCenter

40.	DC_APP_49/SH chat/ Infra Services/Redhat 8.4	Call Center – CRM	Ứng dụng dịch vụ Chat của Portal.
41.	DC_DB_01/Oracle+MongoDB/DB/Redhat 8.4	DB	Cài đặt Oracle và MongoDB cho Hệ thống
42.	DC_DB_02/Oracle+MongoDB/DB/Redhat 8.4	DB	Cài đặt Oracle và MongoDB cho Hệ thống
Trung tâm DRC			
43.	DRC_APP1_01/Liferay/APP1/Redhat 8.4	PO	Cài đặt ứng dụng portal
44.	DRC_APP1_05/ UM1 - register service/ APP1/Redhat 8.4	UM register	Cài đặt dịch vụ đăng ký tài khoản người dùng của hệ thống.
45.	DRC_APP1_06/ESB/APP1/Redhat 8.4	ESB	Cài đặt ứng dụng ESB
46.	DRC_APP1_07/CDN/APP1/Redhat 8.4	Portal-CDN	Cài đặt dịch vụ CDN cho Portal
47.	DRC_APP_01/Ansiable, dns, haproxy/APP1/Redhat 8.4	Bootstrap	Cài đặt file cấu hình, dns, haproxy để cài đặt platform OKD
48.	DRC_APP_02/OKD/APP/Fedora CoreOs	Controller node	Cài đặt phần mềm OKD
49.	DRC_APP_03/OKD/APP/Fedora CoreOs	Controller node	Cài đặt phần mềm OKD
50.	DRC_APP_04/OKD/APP/Fedora CoreOs	Controller node	Cài đặt phần mềm OKD
51.	DRC_APP_05/OKD/APP/Fedora CoreOs	Compute node	Cài đặt phần mềm OKD
52.	DRC_APP_06/OKD/APP/Fedora CoreOs	Compute node	Cài đặt phần mềm OKD
53.	DRC_APP_20/Hikati/APP/Redhat 8.4	Heketi service	Cài đặt phần mềm Hikati cho OKD
54.	DRC_APP_21/Hikati/APP/Redhat 8.4	Heketi service	Cài đặt phần mềm Hikati cho OKD
55.	DRC_APP_22/Hikati/APP/Redhat 8.4	Heketi service	Cài đặt phần mềm Hikati cho OKD
56.	DRC_APP_25/Proxy API/APP/Redhat 8.4	Proxy service	Cài đặt ứng dụng upload/download file
57.	DRC_APP_26/Proxy API/APP/Redhat 8.4	Proxy service	Cài đặt ứng dụng upload/download file
58.	DRC_APP_40/SBC App/ Infra Services/Ubuntu 18	Call Center – App	Ứng dụng BE của CallCenter
59.	DRC_APP_41/3CX App/ Infra Services/Debian 9	Call Center –	Ứng dụng BE của CallCenter

		App	
60.	DRC_APP_42/Chat App/ Infra Services/Ubuntu 18	Call Center – App	Ứng dụng BE của CallCenter
61.	DRC_APP_43/Jodget App/ Infra Services/Ubuntu 18	Call Center – App	Ứng dụng BE của CallCenter
62.	DRC_APP_44/CC App/ Infra Services/Ubuntu 18	Call Center – App	Ứng dụng BE của CallCenter
63.	DRC_APP_45/CC Recording/ Infra Services/Ubuntu 18	Call Center - Recordin g	Ứng dụng ghi âm của CallCenter
64.	DRC_APP_46/CC CRM/ Infra Services/Redhat 8.4	Call Center – CRM	Ứng dụng Quản lý khách hàng
65.	DRC_APP_47/CC DB/ Infra Services/Ubuntu 18	Call Center - DB	Cài đặt DB cho CallCenter
66.	DRC_APP_49/SH chat/ Infra Services/Redhat 8.4	Call Center – CRM	Ứng dụng dịch vụ Chat của Portal.
67.	DRC_DB_01/Oracle+MongoDB/DB/Redhat 8.4	DB	Cài đặt Oracle và MongoDB cho Hệ thống

3. Mục đích tuyển chọn nhà thầu

Theo cam kết giữa Doanh nghiệp dự án IDNES và cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc Hệ thống e-GP phải được hoạt động ổn định 24 giờ/ngày và 365 ngày/năm mà không bị gián đoạn;

Căn cứ trên hiện trạng nhân sự vận hành của IDNES cũng như nhu cầu cần phải quản trị và vận hành hệ thống hạ tầng tại Trung tâm chính DC, Trung tâm dự phòng DRC và Trung tâm vận hành và hỗ trợ để đảm bảo yêu cầu đã cam kết với Cơ quan nhà nước có thẩm quyền, IDNES có nhu cầu thuê dịch vụ CNTT về quản trị và vận hành hạ tầng CNTT nhằm) nhằm:

- Phát hiện, cảnh báo sớm các rủi ro về thiếu hụt tài nguyên, để ngăn ngừa các rủi ro trong quá trình khai thác, lưu trữ, chia sẻ và luân chuyển thông tin, nâng cao chất lượng hệ thống và tăng cường tính sẵn sàng đồng thời duy trì hệ thống ổn định, có độ tin cậy cao;

- Tổng hợp nhanh chóng các cảnh báo và giúp đội ngũ vận hành nhanh chóng đưa ra các quyết định, hành động để ngăn chặn sớm các nguy cơ xảy ra sự cố trên hệ thống mạng trong hệ thống e-GP.

- Đánh giá, báo cáo tình trạng hoạt động của hệ thống hàng quý;

- Kiểm tra tình trạng hoạt động hệ thống hàng ngày.

Cụ thể các nội dung cần yêu cầu từ đơn vị cung cấp dịch vụ như sau:

- i) Đề xuất và cho thuê phần mềm giám sát hạ tầng CNTT cho hệ thống e-GP;

- ii) Nhân sự giám sát, quản trị và vận hành hệ thống và vận hành, xử lý sự cố thiết bị mạng (Switch, Router, Load Balancer); thiết bị bảo mật (Firewall, Web

Application Firewall, FortiMail); hệ thống máy chủ (Server Hardware, VM); hệ thống lưu trữ & sao lưu dữ liệu (SAN Storage, SAN Switch, Backup Server, Tape.

II. PHẠM VI DỊCH VỤ, YÊU CẦU KỸ THUẬT

1. Phạm vi dịch vụ và tiến độ thực hiện

STT	Dịch vụ	Mô tả dịch vụ	Địa điểm thực hiện dịch vụ	Tiến độ cung cấp dịch vụ (ngày)
1	Thuê Phần mềm giám sát hạ tầng CNTT cho Hệ thống e-GP (60 tháng)	Nhà được được yêu cầu đề xuất và cho thuê phần mềm giám sát hạ tầng CNTT cho hệ thống e-GP để giám sát các thiết bị tại Trung tâm chính DC, Trung tâm dự phòng DRC và Trung tâm Vận hành và Hỗ trợ theo danh mục thiết bị yêu cầu.	Hà Nội	M0+20 (bắt đầu tính thời gian thuê phần mềm)
2	Cài đặt, tích hợp Phần mềm giám sát hạ tầng CNTT với Hệ thống e-GP (20 ngày)	Nhà thầu được yêu cầu triển khai cài đặt phần mềm tại Trung tâm chính DC, cấu hình giám sát các thiết bị hạ tầng CNTT của hệ thống e-GP tại Trung tâm chính DC, Trung tâm dự phòng DRC và Trung tâm Vận hành và Hỗ trợ.	Tại văn phòng IDNES	M0+20
3	Nhân sự giám sát, quản trị, vận hành hệ thống và xử lý sự cố hạ tầng Hệ thống e-GP (60 tháng)	Thực hiện quản trị và vận hành các thiết bị hạ tầng CNTT cho hệ thống e-GP tại Trung tâm chính DC, Trung tâm dự phòng DRC và Trung tâm Vận hành và Hỗ trợ.	Theo yêu cầu của IDNES	M0+20 (nhân sự bắt đầu thực hiện dịch vụ)

* M0: là ngày hợp đồng có hiệu lực;

* Tiến độ thực hiện được hiểu là thời điểm hai bên tiến hành nghiệm thu và ký biên bản xác nhận bắt đầu dịch vụ. Tiến độ thực hiện không được vượt quá số ngày quy định trên.

2. Yêu cầu về kỹ thuật

A	YÊU CẦU CHUNG VỀ DỊCH VỤ
1	Yêu cầu về dịch vụ quản trị và vận hành hạ tầng CNTT cho Hệ thống e-GP
	<ul style="list-style-type: none"> - Quản trị và vận hành 24/7 toàn bộ máy chủ, thiết bị của hệ thống e-GP tại DC, DRC và tại Trung tâm Vận hành và Hỗ trợ (được liệt kê trong mục 2, phần I) . - Tối ưu cảnh báo, thiết kế màn hình hiển thị trên phần mềm giám sát hạ tầng CNTT mà nhà thầu đề xuất sử dụng cho IDNES và các phần mềm có sẵn của hãng trên thiết bị hiện tại của IDNES; - Thu thập, phân tích đầy đủ các thông tin từ log thiết bị; - Phối hợp bảo hành thiết bị với hãng; - Sẵn sàng lực lượng chuyên gia để phối hợp ứng phó sự cố hạ tầng khi xảy ra; - Định kỳ hoặc đột xuất báo cáo về tình hình hoạt động của các thiết bị của hệ thống e-GP theo yêu cầu; - Thực hiện phân tích nguyên nhân điều tra chuyên sâu khi có sự cố về thiết bị hạ tầng; - Thời gian cung cấp dịch vụ: Tối thiểu 60 tháng được tính từ ngày các Bên ký Biên bản xác nhận bắt đầu dịch vụ; - Địa điểm làm việc: Theo yêu cầu của IDNES.
2	Nhà thầu được yêu cầu đề xuất và cho thuê phần mềm giám sát hạ tầng CNTT cho hệ thống e-GP để giám sát các thiết bị tại Trung tâm chính DC, Trung tâm dự phòng DRC và Trung tâm Vận hành và Hỗ trợ. Phần mềm được đề xuất phải đáp ứng các yêu cầu cơ bản sau:
	<ul style="list-style-type: none"> - Không giới hạn nguồn giám sát và băng thông giám sát; - Chức năng phân tích lưu lượng mạng; - Có giao diện cấu hình quản lý tài nguyên giám sát; - Giám sát tài nguyên lưu trữ tối đa 300 đĩa; - Hỗ trợ tối thiểu 1 trong 4 loại cơ sở dữ liệu giành cho môi trường ảo hóa sau: SQL Server, MySQL, Oracle SE hoặc PosstgreSQL. - Có khả năng giám sát hệ thống hạ tầng CNTT: thiết bị mạng/bảo mật, máy chủ, phần mềm hệ thống, website URL... - Giải pháp đảm bảo tối ưu hiệu năng xử lý của sản phẩm và dễ dàng mở rộng/nâng cấp trong tương lai thông qua nâng cấp license phần mềm, hoặc cài đặt thêm các engine giám sát mà không cần thay thế phần cứng. - Sản phẩm phải nằm trong nhóm leaders dành cho Network Performance Monitoring and Diagnostics theo đánh giá mới nhất của của các tổ chức uy tín trên thế giới như Gartner (M). Có đánh giá của một số tổ chức khác (Radicati, Forester, IDC,...) là một lợi thế (O). - Có thể giám sát được tối thiểu các thiết bị mạng (Cisco Catalyst Switch, Cisco Nexus Switch, Cisco Router, Citrix Load Balancer), thiết bị bảo mật (Tường lửa ứng dụng web Imperva, Firewall Fortigate, Firewall Checkpoint), máy chủ (HPE, DELL) và các loại hệ điều hành (Window server, Redhat Linux, CentOS); - Khả năng tích hợp gửi cảnh báo qua email, sms;

	<ul style="list-style-type: none"> - Có khả năng tích hợp vào các hệ thống giám sát tập trung khác; - Kiến trúc triển khai mềm dẻo, dễ dàng mở rộng theo quy mô của hệ thống; - Khả năng lưu trữ và tìm kiếm phạm vi rộng, theo hướng phục vụ tối đa cho việc điều tra số, xử lý sự cố; - Dashboard & Report: Cung cấp sẵn các biểu đồ, báo cáo phổ biến; Cho phép người dùng định nghĩa báo cáo từ các biểu đồ có sẵn; Gửi báo cáo định kỳ qua Email; Báo cáo trích xuất ra file; - Có khả năng tùy biến Dashboard & Report theo yêu cầu. - Bản quyền phần mềm vĩnh viễn và hỗ trợ kỹ thuật của hãng tối thiểu 1 năm. - Yêu cầu về triển khai phần mềm: <ul style="list-style-type: none"> • Phần mềm nhà thầu đề xuất phải được cài đặt tại Trung tâm dữ liệu DC (On Premise) của IDNES, triển khai trên nền tảng máy chủ ảo hóa hệ thống e-GP; • Cấu hình giám sát tình trạng hoạt động tất cả các máy chủ, thiết bị mạng, bảo mật theo phạm vi danh mục thiết bị ở mục 2, phần I (<i>các Bảng danh mục thiết bị sử dụng trong Hệ thống (có thể bổ sung trong tương lai); bảng danh mục máy chủ ảo sử dụng trong Hệ thống (có thể bổ sung trong tương lai); bảng danh mục các ứng dụng/dịch vụ cung cấp bởi Hệ thống (có thể bổ sung trong tương lai)</i>). <p>- Yêu cầu cụ thể tại mục 2 phần B.</p>
B	YÊU CẦU CỤ THỂ
1	Yêu cầu về dịch vụ quản trị và vận hành hạ tầng CNTT cho Hệ thống e-GP
1.1	Yêu cầu về nội dung dịch vụ
1.1.1	Cài đặt và tích hợp Phần mềm giám sát hạ tầng CNTT
	<ul style="list-style-type: none"> - Khảo sát hiện trạng hệ thống e-GP tại Trung tâm dữ liệu chính DC, Trung tâm dữ liệu dự phòng DRC với số lượng quy định tại mục 2, phần I (<i>các Bảng danh mục thiết bị sử dụng trong Hệ thống (có thể bổ sung trong tương lai); bảng danh mục máy chủ ảo sử dụng trong Hệ thống (có thể bổ sung trong tương lai); bảng danh mục các ứng dụng/dịch vụ cung cấp bởi Hệ thống (có thể bổ sung trong tương lai)</i>). - Triển khai và chuẩn bị các công cụ, phần mềm phục vụ việc quản trị và vận hành; - Thực hiện cài đặt, cấu hình phần mềm, bao gồm: <ul style="list-style-type: none"> • Cài đặt, cấu hình giám sát máy chủ, thiết bị mạng và bảo mật trên phần mềm giám sát hạ tầng CNTT; • Cấu hình giám sát thiết bị hạ tầng, máy chủ vào phần mềm giám sát hạ tầng CNTT; • Tối ưu cảnh báo; thiết kế màn hình hiển thị trên phần mềm giám sát hạ tầng CNTT mà nhà thầu đề xuất sử dụng cho IDNES và các phần mềm có sẵn của hãng trên thiết bị hiện tại của IDNES; • Cấu hình hiển thị đầy đủ, chính xác thông tin trên phần mềm giám sát hạ tầng CNTT.

	<ul style="list-style-type: none"> • Màn hình giám sát máy chủ phải đảm bảo hiển thị tối thiểu các thông tin sau: <ul style="list-style-type: none"> ○ CPU: Utilization, Available Core Count ○ Memory: Utilization, Total Size, Usage, Free Size ○ Disks: Total I/O, Reads, Writes, Read Bytes, Write Bytes ○ File System: Utilization, Total size, Usage, Free Size, Top File system Name ○ Network Interface: Rx Traffic, Tx Traffic, Rx Traffic Packet, Tx Traffic Packet ○ Process: Processes, Active Processes, Sleep Processes ○ Network Session: Total Count, ESTABLISHED, LISTEN, TIME_WAIT ○ Configuration: Name, Hostname, IP, OS, Agent Status, Serial Number ○ Availability: Độ sẵn sàng của máy chủ theo (live/6 hr/24 hr/week/month/year): Up/Down/Unknown ○ Alarm: Level, start time, duration, device name/IP, content. - Trong quá trình triển khai, nhà thầu phải đảm bảo không gây ảnh hưởng hoặc làm gián đoạn tới hoạt động nghiệp vụ của Hệ thống e-GP (trường hợp cần thiết thì thực hiện cấu hình ngoài giờ hành chính, trong ngày nghỉ) và phải được sự đồng ý của IDNES. 																																							
	<ul style="list-style-type: none"> - Thời gian thực hiện công việc triển khai cài đặt, tích hợp hệ thống phải diễn ra tối đa không quá 20 ngày, tính từ thời điểm hai bên ký kết hợp đồng và hoàn thành các thủ tục đảm bảo bí mật, an toàn thông tin. - Phạm vi giám sát phải đảm bảo bao phủ đủ tất cả các thiết bị mạng, máy chủ, bảo mật tại Trung tâm dữ liệu chính DC, Trung tâm dữ liệu dự phòng DRC và trung tâm Vận hành và Hỗ trợ của IDNES. 																																							
1.1.2	<i>Quản trị và vận hành hạ tầng CNTT</i>																																							
	<ul style="list-style-type: none"> - Hàng ngày thực hiện kiểm tra thiết bị, máy chủ, báo cáo tình trạng hoạt động thiết bị. Danh sách thiết bị có thể được thay đổi và cập nhật theo thực tế vận hành. <table border="1" data-bbox="339 1541 1449 2074"> <thead> <tr> <th>STT</th> <th>Tên thiết bị</th> <th>Tổng cộng</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>1</td> <td>Hệ thống mạng</td> <td></td> </tr> <tr> <td>1.1</td> <td>Thiết bị chuyển mạch lõi</td> <td>6</td> </tr> <tr> <td>1.2</td> <td>Thiết bị chuyển mạch vùng máy chủ</td> <td>3</td> </tr> <tr> <td>1.3</td> <td>Thiết bị định tuyến</td> <td>4</td> </tr> <tr> <td>1.4</td> <td>Thiết bị cân bằng tải</td> <td>2</td> </tr> <tr> <td>2</td> <td>Thiết bị bảo mật</td> <td></td> </tr> <tr> <td>2.1</td> <td>Tường lửa lớp 1</td> <td>3</td> </tr> <tr> <td>2.2</td> <td>Tường lửa lớp 2</td> <td>2</td> </tr> <tr> <td>2.3</td> <td>Tường lửa ứng dụng</td> <td>2</td> </tr> <tr> <td>2.4</td> <td>FortiMail</td> <td>1</td> </tr> <tr> <td>2.5</td> <td>PAM</td> <td></td> </tr> <tr> <td>3</td> <td>Hệ thống máy chủ</td> <td></td> </tr> </tbody> </table>	STT	Tên thiết bị	Tổng cộng	1	Hệ thống mạng		1.1	Thiết bị chuyển mạch lõi	6	1.2	Thiết bị chuyển mạch vùng máy chủ	3	1.3	Thiết bị định tuyến	4	1.4	Thiết bị cân bằng tải	2	2	Thiết bị bảo mật		2.1	Tường lửa lớp 1	3	2.2	Tường lửa lớp 2	2	2.3	Tường lửa ứng dụng	2	2.4	FortiMail	1	2.5	PAM		3	Hệ thống máy chủ	
STT	Tên thiết bị	Tổng cộng																																						
1	Hệ thống mạng																																							
1.1	Thiết bị chuyển mạch lõi	6																																						
1.2	Thiết bị chuyển mạch vùng máy chủ	3																																						
1.3	Thiết bị định tuyến	4																																						
1.4	Thiết bị cân bằng tải	2																																						
2	Thiết bị bảo mật																																							
2.1	Tường lửa lớp 1	3																																						
2.2	Tường lửa lớp 2	2																																						
2.3	Tường lửa ứng dụng	2																																						
2.4	FortiMail	1																																						
2.5	PAM																																							
3	Hệ thống máy chủ																																							

3.1	Máy chủ vật lý	20
3.2	Máy chủ ảo hóa	67
4	Hệ thống lưu trữ & sao lưu dữ liệu	
4.1	SAN storage	2
4.2	SAN Switch	3
4.3	Máy chủ Backup	1
4.4	Tape	1

- Kiểm tra toàn bộ các máy chủ, thiết bị mạng, thiết bị bảo mật, thiết bị lưu trữ, email server hệ thống (2 lần/8 tiếng) theo thời gian yêu cầu làm việc của hệ thống e-GP;

(1) Hệ thống mạng (Switch, Router, Load Balancer);

(2) Thiết bị bảo mật (Firewall, Web Application Firewall, FortiMail);

(3) Hệ thống máy chủ (Server Hardware, VM);

(4) Hệ thống lưu trữ & sao lưu dữ liệu (SAN Storage, SAN Switch, Backup Server, Tape).

- Báo cáo:

- Báo cáo định kỳ hàng Tuần, hàng Tháng, hàng Quý tình hình giám sát và xử lý sự cố hạ tầng;
- Báo cáo về kết quả phân tích và xử lý các sự cố (nếu có).
- Báo cáo đột xuất sự cố hạ tầng theo yêu cầu của IDNES.

- Xử lý và phối hợp xử lý sự cố hạ tầng:

- Các thiết bị phải đảm bảo hoạt động liên tục đáp ứng yêu cầu vận hành thiết bị CNTT của hệ thống e-GP. Trường hợp phát sinh các gián đoạn do các thiết bị gây ra, thời gian gián đoạn tối đa 80 giờ/1 năm và mỗi lần gián đoạn không quá 4 giờ (Áp dụng với các hệ thống có độ dự phòng cao, có tính năng HA).
- Loại trừ các trường hợp thiết bị hỏng hóc cả cụm HA, phải bảo hành thay thế, sửa chữa hoặc trong cụm dự phòng không đảm bảo hiệu năng làm việc liên tục.

1.2 Yêu cầu về cam kết chất lượng dịch vụ (SLA)

- Trong suốt quá trình thực hiện cung cấp dịch vụ, nhà thầu phải có trách nhiệm đáp ứng các yêu cầu về thời gian và khả năng đáp ứng dịch vụ như sau:

Mức độ nghiêm trọng	Mô tả	Dự kiến thời gian phản hồi và giải quyết sự cố
Mức độ nghiêm trọng 1	là sự cố nghiêm trọng vô hiệu hóa toàn bộ Hệ Thống e-GP hoặc ảnh hưởng tiêu cực tới tất cả người dùng và không có giải pháp thay thế nào	<p>Tìm hiểu nguyên nhân: trong vòng 2 giờ</p> <p>Giải quyết sự cố trong vòng 4 giờ kể từ khi phát sinh sự cố</p>

	Mức độ nghiêm trọng 2	là lỗi ảnh hưởng đến một chức năng nghiệp vụ đơn lẻ và không thể thực hiện các giao dịch và không có giải pháp thay thế	<p>Tìm hiểu nguyên nhân: trong vòng 2 giờ</p> <p>Giải quyết sự cố trong vòng 12 giờ kể từ khi phát sinh sự cố</p>
	Mức độ nghiêm trọng 3	là khi mà Hệ Thống e-GP có thể sử dụng nhưng không cung cấp chức năng theo cách thuận tiện nhất hoặc lỗi ảnh hưởng đến hiệu năng vận hành của một chức năng nghiệp vụ đơn lẻ	Không muộn hơn 2 tuần kể từ thời điểm sự cố xảy ra
	Mức độ nghiêm trọng 4	vấn đề nhỏ hoặc là lỗi tài liệu	Không muộn hơn 2 tuần kể từ thời điểm sự cố xảy ra
1.3	<i>Đảm bảo an toàn thông tin thiết bị, máy chủ</i>		
	<ul style="list-style-type: none"> - Căn cứ thông tin về các lỗ hổng bảo mật từ các hãng bảo mật, từ các cơ quan nhà nước có thẩm quyền, từ kết quả của dịch vụ đánh giá ATTT của IDNES hoặc nhà thầu do IDNES thuê; - Căn cứ nhật ký giám sát, quản trị và vận hành hệ thống của IDNES; - Căn cứ báo cáo kiểm tra định kỳ (3 tháng/1 lần) của nhà thầu có ghi nhận sự tồn tại của các lỗ hổng mức nghiêm trọng). - Lập kế hoạch thực hiện cập nhật, vá các lỗ hổng bảo mật khi được sự đồng ý của IDNES. <ul style="list-style-type: none"> • Đảm bảo thiết bị, máy chủ phải liên tục được cập nhật các phiên bản, các bản vá an toàn bảo mật. • Đảm bảo các thiết bị không tồn tại các lỗ hổng bảo mật (ở mức nghiêm trọng) quá 01 tuần kể từ khi 02 bên thống nhất với nhau danh mục và kế hoạch lỗ hổng bảo mật cần phải vá. 		
1.4	<i>Yêu cầu của việc tối ưu, hiệu chỉnh thông tin của phần mềm</i>		
	<p>Trong thời gian thực hiện hợp đồng dịch vụ nếu hệ thống e-GP của IDNES thuộc phạm vi quản trị và vận hành có sự thay đổi về số lượng thiết bị (do thay thế hạ tầng mới hoặc bổ sung, nâng cấp,...). Nhà thầu được yêu cầu thực hiện đánh giá lại hệ thống giám sát, bổ sung vào danh sách các thiết bị hệ thống cần theo dõi (nếu có), thiết lập các ngưỡng cảnh báo theo yêu điều kiện vận hành thực tế.</p>		
1.5	<i>Phối hợp bảo hành thiết bị với hãng</i>		
	<ul style="list-style-type: none"> - Khi có sự cố về phần cứng thiết bị của các hãng còn bảo hành, thực hiện phối hợp với IDNES và hãng: <ul style="list-style-type: none"> • Kiểm tra thiết bị khi có sự cố phần cứng; • Phối hợp với hãng thu thập, phân tích log thiết bị; • Phối hợp với hãng tháo lắp thiết bị cần sửa chữa, bảo hành; 		

	<ul style="list-style-type: none"> • Vận chuyển và bàn giao thiết bị gửi - nhận với trung tâm bảo hành (nếu có); • Khôi phục hiện trạng cấu hình sau bảo hành; • Nhà thầu phối hợp bảo hành với hãng đảm bảo SLA theo gói bảo hành thiết bị; <p>- Các chi phí cho việc vận chuyển thiết bị gửi - nhận bảo hành (nếu có) do nhà thầu chịu chi phí và nằm trong chi phí dịch vụ trọn gói của nhà thầu.</p>
1.6	<i>Yêu cầu về xây dựng quy trình phối hợp quản trị và vận hành</i>
	<p>- Nhà thầu phải bàn giao cho IDNES phương án triển khai trong vòng 20 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực và phải được IDNES chấp thuận. Nội dung của phương án triển khai bao gồm nhưng không giới hạn các nội dung sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Kế hoạch bố trí nhân sự và phân công nhiệm vụ cho từng vị trí nhân sự; • Kế hoạch triển khai chi tiết và tiến độ thực hiện; • Quy trình vận hành và phối hợp nội bộ và với các đơn vị liên quan của IDNES và Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền (Cục Quản lý đầu thầu, Bộ Kế hoạch và đầu tư) và các bên liên quan khác; • Quy trình quản lý chất lượng và giám sát nội bộ; • ... <p>- Về quy trình vận hành cơ bản phải đảm bảo 03 nhóm quy trình: quy trình quản lý, vận hành hệ thống và quy trình giám sát, xử lý sự cố;</p> <p>- Về đội ngũ vận hành phải đảm bảo: nhóm giám sát và vận hành hệ thống (theo dõi và cảnh báo); nhóm quản trị dự án; nhóm quản trị hệ thống (xử lý sự cố, điều tra và phân tích): Các nhóm nhân sự được phân chia phù hợp để đảm bảo thực hiện các khâu: Phân tích cảnh báo, Tiếp nhận và xử lý sự cố, phối hợp ứng cứu, phối hợp xử lý sự cố và tối ưu hệ thống.</p>
1.7	<i>Yêu cầu công việc quản trị và vận hành hạ tầng CNTT:</i> Tham chiếu phụ lục 01. Các công việc được yêu cầu bao gồm nhưng không hạn chế tại phụ lục 01.
1.8	<i>Phương án quản lý, chuyển giao cho IDNES</i>
	IDNES thuê dịch vụ quản trị và vận hành hạ tầng CNTT cho hệ thống e-GP trong thời gian 60 tháng (Tính từ thời điểm nghiệm thu hệ thống để đưa vào sử dụng hai bên ký Biên bản nghiệm thu triển khai cài đặt, tích hợp đến khi kết thúc thời gian thuê dịch vụ). Sau thời gian thuê nếu IDNES không tiếp tục sử dụng dịch vụ của nhà thầu thì các tài sản hình thành trong quá trình cung cấp dịch vụ (tài liệu, phần mềm...) sẽ bàn giao trả lại cho IDNES.
2	<i>Yêu cầu kỹ thuật về phần mềm giám sát hạ tầng CNTT</i>
2.1	<i>Quản lý vận hành</i>
	<p>- Cho phép quản lý vận hành đáp ứng các yêu cầu sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Cho phép thiết lập, thay đổi, áp dụng và hoàn tác sự thay đổi trong cấu hình hệ thống, cấu hình quản trị từ xa, cấu hình tài khoản xác thực và phân quyền người dùng, cấu hình cảnh báo, ngưỡng cảnh báo;

	<ul style="list-style-type: none"> • Có giao diện cho phép tìm kiếm dữ liệu bằng từ khóa để xem lại; • Có giao diện xem thông tin được giám sát cả lịch sử và hiện tại. <p>- Cho phép xem thời gian hệ thống chạy tính từ lần khởi động gần nhất.</p>
2.2	<i>Quản trị từ xa</i>
	<p>- Cho phép quản trị từ xa an toàn đáp ứng các yêu cầu sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Sử dụng giao thức có mã hóa như TLS hoặc tương đương; • Tự động đăng xuất tài khoản và hủy bỏ phiên kết nối quản trị từ xa khi hết thời gian duy trì phiên kết nối.
2.3	<i>Quản lý xác thực và phân quyền</i>
	<p>- Cho phép quản lý cấu hình tài khoản xác thực và phân quyền người dùng đáp ứng các yêu cầu sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Hỗ trợ phương thức xác thực bằng tài khoản - mật khẩu, trong đó, quản trị viên có thể thiết lập và thay đổi được độ phức tạp của mật khẩu; • Hỗ trợ phân nhóm tài khoản tối thiểu theo 02 nhóm là quản trị viên và người dùng thường với những quyền hạn cụ thể đối với từng nhóm.
2.4	<i>Quản lý nguồn giám sát</i>
	<p>- Cho phép quản lý nguồn tài nguyên giám sát bao gồm các thao tác sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Thêm nguồn giám sát mới; • Tinh chỉnh nguồn giám sát; • Tìm kiếm nguồn giám sát; • Xóa nguồn giám sát; • Kích hoạt/vô hiệu hóa nguồn giám sát;
2.5	<i>Quản lý đối tượng được giám sát</i>
	<p>- Cho phép quản lý đối tượng được giám sát đáp ứng các yêu cầu sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Cho phép quản lý đối tượng được giám sát theo các nhóm được định nghĩa bởi quản trị viên hoặc mặt định; • Cho phép quản lý đối tượng được giám sát trên màn hình quản trị tập trung.
2.6	<i>Khả năng cung cấp</i>
	<ul style="list-style-type: none"> - Cho phép phân tích theo Hop, cung cấp giám sát về Performance, lưu lượng, và cấu hình của thiết bị và ứng dụng. - Có khả năng phân tích tìm nguyên nhân gốc (Root Cause) của sự cố trên mạng. Giúp nhanh chóng xử lý, khắc phục sự cố, giảm thời gian downtime - Khả năng dự báo các vấn đề về hiệu suất sử dụng của CPU/Memory/Disk trong 6 tháng/ 1 năm
2.7	<i>Tính năng quản trị và sử dụng</i>
	<p>- Trang bị thành phần dò tìm trên các thiết bị đã cấu hình SNMP, lấy thống kê và các thông tin trong bảng MIB để giám sát</p>

	<ul style="list-style-type: none"> - Hệ thống có khả năng phân tích tương quan các sự kiện xảy ra, theo mô hình dịch vụ, để nhận biết sự kiện nào là nguyên nhân gốc, sự kiện nào là triệu chứng - Giám sát được xu hướng sử dụng và dự báo các vấn đề về dung lượng (CPU, bộ nhớ, ổ lưu trữ, công mạng). - Cung cấp giao diện web, giúp truy xuất dễ dàng thông qua các trình duyệt web như Firefox, Chrome, Edge
2.8	<i>Yêu cầu về giám sát</i>
2.8.1	<i>Khả năng giám sát nhiều hãng khác nhau</i>
	<ul style="list-style-type: none"> - Khả năng giám sát thiết bị mạng/bảo mật của các hãng: Cisco, Juniper, HPe, Palo Alto, Checkpoint, F5, Citrix, FireEye, Bluecoat/Symantec, Arbor... - Yêu cầu tối thiểu phải giám sát được tối thiểu các thiết bị mạng (Cisco Catalyst Switch, Cisco Nexus Switch, Cisco Router, Citrix Load Balancer), thiết bị bảo mật (Tường lửa ứng dụng web Imperva, Firewall Fortigate, Firewall Checkpoint), máy chủ (HPE, DELL) và các loại hệ điều hành (Window server, Redhat Linux, CentOS);
2.8.2	<i>Cảnh báo về các nhóm đối tượng được giám sát</i>
	<ul style="list-style-type: none"> - Cho phép sinh cảnh báo chứa các thông tin thuộc nhóm đối tượng được giám sát (ví dụ: cảnh báo về việc tài nguyên CPU trên máy chủ vượt ngưỡng threshold, băng thông mạng sử dụng quá cao hoặc về 0).
2.8.3	<i>Cảnh báo theo nhiều phương thức</i>
	<ul style="list-style-type: none"> - Cho phép tự động cảnh báo theo các phương thức sau: <ul style="list-style-type: none"> • Hiện thị nội dung cảnh báo trên giao diện đồ họa về quản lý cảnh báo; • Cảnh báo qua phương thức gửi thư điện tử hoặc tin nhắn SMS.
2.8.4	<i>Quản lý và giám sát tập trung các thành phần tích hợp bên trong</i>
	<ul style="list-style-type: none"> - Cho phép quản lý và giám sát tập trung thông qua giao diện đồ họa các thông số hiệu năng sau của các thành phần tích hợp bên trong như: <ul style="list-style-type: none"> • CPU; • Bộ nhớ (HDD/ SSD/ RAM,...) • Trạng thái hoạt động của công dịch vụ (https, tcp,...); • Băng thông (Bandwidth/Throughput); • Độ trễ delay; • Độ mất gói packet loss; • Netflow; • IP Adress; • MAC Adress; • Ổ lưu trữ;

	<ul style="list-style-type: none"> • Nguồn điện; • Quạt; • Nhiệt độ;
2.8.5	<i>Phương thức giám sát</i>
	<ul style="list-style-type: none"> - Hỗ trợ các giám sát thiết bị mạng/bảo mật qua các phương thức sau: <ul style="list-style-type: none"> • Ping; • SNMP; • Syslog; • Script...
2.8.6	<i>Khả năng giám sát và phân tích Netflow</i>
	<ul style="list-style-type: none"> - Phân tích lưu lượng mạng theo ứng dụng, cổng, giao thức và nhóm địa chỉ IP. - Nhận dạng ứng dụng nâng cao như Cisco® NBAR2, hiển thị bản đồ lớp CBQoS trước và sau chính sách... - Báo cáo lưu lượng mạng có thể tùy chỉnh. - Khả năng phân tích lưu lượng theo vùng địa lý, quốc gia
2.8.7	<i>Khả năng cảnh báo</i>
	<ul style="list-style-type: none"> - Có khả năng gửi cảnh báo qua email, SMS (thông qua webservice) với các cấp độ cảnh báo khác nhau
2.8.8	<i>Khả năng giám sát hệ thống lưu trữ</i>
	<ul style="list-style-type: none"> - Giám sát hệ thống lưu trữ của các hãng khác nhau - Kiểm tra nhanh chóng hiệu năng của hệ thống lưu trữ - Dự đoán xu hướng xử dụng - Thể hiện chi tiết thông tin hiệu năng của controller, array, LUN
2.8.9	<i>Khả năng giám sát cơ sở dữ liệu</i>
	<ul style="list-style-type: none"> - Giám sát cơ sở dữ liệu SQL Server , Oracle Database - Có khả năng đưa ra các tư vấn tối ưu các câu lệnh - Có khả năng xác định các nguyên nhân gốc rễ gây ảnh hưởng đến hiệu năng của cơ sở dữ liệu - Xác định các deadlock xảy ra trong quá trình vận hành
2.8.10	<i>Khả năng giám sát hiệu năng các ứng dụng</i>
	<ul style="list-style-type: none"> - Có khả năng giám sát hiệu năng và tính sẵn sàng của các ứng dụng - Có khả năng xây dựng sơ đồ tương quan giữa các thành phần của ứng dụng
2.9	<i>Yêu cầu về kiểm soát lỗi</i>
2.9.1	<i>Bảo vệ dữ liệu lịch sử</i>
	<ul style="list-style-type: none"> - Trong trường hợp phải khởi động lại do có lỗi phát sinh (ngoại trừ lỗi phần cứng), đảm bảo dữ liệu lịch sử đã được lưu lại phải không bị thay đổi trong lần khởi động kế tiếp.

2.9.2	<i>Đồng bộ thời gian hệ thống</i>
	<ul style="list-style-type: none"> - Trong trường hợp phải khởi động lại do có lỗi phát sinh (ngoại trừ lỗi phần cứng), đảm bảo thời gian hệ thống phải được đồng bộ tự động đến thời điểm hiện tại.
2.10	<i>Yêu cầu về báo cáo</i>
2.10.1	<i>Quản lý báo cáo</i>
	<ul style="list-style-type: none"> - Cho phép quản lý báo cáo thông qua giao diện đồ họa đáp ứng các yêu cầu sau: <ul style="list-style-type: none"> • Cho phép tạo mới, xem lại và xóa báo cáo đã được tạo; • Cho phép tạo báo cáo mới theo các mẫu báo cáo đã được định nghĩa trước; • Cho phép áp dụng các quy tắc tìm kiếm thông tin, dữ liệu log để thêm, lọc, tinh chỉnh nội dung cho báo cáo; • Cho phép lựa chọn định dạng tệp tin báo cáo xuất ra đáp ứng tối thiểu 02 trong các định dạng sau: CSV, PDF, HTML, XML; - Cho phép tải về tệp tin báo cáo đã được xuất ra.
2.10.2	<i>Yêu cầu về khả năng hiển thị và báo cáo</i>
	<ul style="list-style-type: none"> - Khả năng vẽ/hiển thị bản đồ cấu trúc mạng theo thời gian thực. Cập nhật bản đồ cấu trúc mạng cập nhật ngay trạng thái khi nhận được các sự kiện mới. - Hệ thống hỗ trợ khả năng xây dựng topology về dịch vụ, tương quan các thành phần (ví dụ thiết bị mạng, server, Cơ sở dữ liệu, middleware) trong mô hình dịch vụ và có khả năng hiển thị các topology này. - Giao diện giám sát phải trực quan. Hiển thị cấu trúc mạng Topology tường minh (không chỉ đơn giản dưới dạng web-based). Mạng có thể hiển thị dưới dạng kết nối lớp 2, lớp 3. Có thể tùy biến theo nhu cầu. - Cho phép tạo các dashboard và dễ dàng tùy chỉnh theo nhu cầu
2.11	<i>Yêu cầu về Quản lý cấu hình</i>
2.11.1	<i>Bảo vệ cấu hình</i>
	<ul style="list-style-type: none"> - Trong trường hợp phải khởi động lại do có lỗi phát sinh (ngoại trừ lỗi phần cứng), Phần mềm giám sát hệ thống thông tin tập trung đảm bảo các loại cấu hình sau mà đang được áp dụng phải được lưu lại và không bị thay đổi trong lần khởi động kế tiếp: <ul style="list-style-type: none"> • Cấu hình hệ thống; • Cấu hình quản trị từ xa; • Cấu hình tài khoản xác thực và phân quyền người dùng; • Cấu hình các thiết bị, máy chủ đang giám sát.
2.11.2	<i>Khả năng tự động hóa quản lý cấu hình mạng, đơn giản hóa các quy trình cấu hình</i>
	<ul style="list-style-type: none"> - Khả năng lưu trữ cấu hình linh động tùy chỉnh theo các mức thời gian; - Khả năng so sánh các phiên bản cấu hình gần nhất

	<ul style="list-style-type: none"> - Lập lịch sao lưu thường xuyên - Đánh dấu các lỗi cấu hình - Khả năng thực thi cấu hình tự động theo tập lệnh cho nhiều thiết bị cùng lúc theo thời gian biểu lập trước.
2.12	<i>Các yêu cầu khác</i>
	<ul style="list-style-type: none"> - Phần mềm cung cấp phải: <ul style="list-style-type: none"> • Có bản quyền vĩnh viễn và hỗ trợ kỹ thuật tối thiểu 1 năm; • Phần mềm phải có khả năng bổ sung thêm dashboard thống kê các báo cáo và nhà thầu phải bổ sung, xây dựng dashboard thu thập, thống kê báo cáo cho chủ đầu tư trong thời gian cung cấp.

3. Yêu cầu năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu

3.1. Yêu cầu năng lực nhà thầu

- Là công ty được thành lập và hoạt động hợp pháp tại Việt Nam;
- Nhà thầu có tối thiểu 05 hoạt động trong lĩnh vực công nghệ thông tin và đã thực hiện quản trị và/hoặc vận hành hạ tầng CNTT ít nhất cho 02 hệ thống của các cơ quan Bộ/Ban/Ngành của nhà nước.
- Nhà thầu phải có giấy chứng nhận ISO/IEC 27001:2013;
- Nhà thầu phải có chứng nhận tiêu chuẩn ISO 9001:2015 về Tiêu chuẩn về vận hành, quản lý chất lượng;
- Nhà thầu phải có nhân sự có chứng chỉ ITIL Expert hoặc nhà thầu có chứng nhận quốc tế về cung cấp dịch vụ Managed Services;

3.2. Yêu cầu về nhân sự

- **Yêu cầu chung về nhân sự tham gia triển khai dự án như sau:**

STT	Vị trí	Nhiệm vụ của từng vị trí	Số lượng (người)	Thời gian làm việc
1	Quản trị dự án	<ul style="list-style-type: none"> - Lập kế hoạch triển khai dự án; - Quản trị, giám sát, kiểm soát kế hoạch triển khai đã được phê duyệt đảm bảo các hạng mục trong dự án được triển khai đúng tiến độ và chất lượng. - Báo cáo IDNES về tiến độ, các hạng mục công việc của dự án, các rủi ro có nguy cơ ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện dự án bị phát sinh trong quá trình 	01	Tổng thời gian làm việc tối thiểu 10 tháng làm việc

		thực hiện dự án.		
2	Quản trị vận hành hệ thống mạng	Tham chiếu phần I, mục B: Phụ lục 01	02	Tổng thời gian làm việc tối thiểu 80 tháng làm việc
3	Quản trị vận hành thiết bị bảo mật	Tham chiếu phần II, mục B: Phụ lục 01	01	Tổng thời gian làm việc tối thiểu 30 tháng làm việc
4	Quản trị vận hành hệ thống máy chủ	Tham chiếu phần III, mục B: Phụ lục 01	02	Tổng thời gian làm việc tối thiểu 80 tháng làm việc
5	Quản trị vận hành hệ thống lưu trữ & sao lưu dữ liệu	Tham chiếu phần IV, mục B: Phụ lục 01	01	- Tổng thời gian làm việc tối thiểu 30 tháng làm việc
6	Giám sát vận hành hạ tầng hệ thống	Tham chiếu phần I đến IV, mục A: Phụ lục 01	05	Tổng thời gian làm việc tối thiểu 300 tháng làm việc
7	Nhân sự triển khai cài đặt, tích hợp Phần mềm giám sát hạ tầng CNTT cho Hệ thống e-GP	Triển khai cài đặt, cấu hình phần mềm giám sát hạ tầng CNTT và tích hợp với hệ thống e-GP tại Trung tâm chính DC, Trung tâm dự phòng DRC và Trung tâm vận hành và hỗ trợ.	02	Tổng thời gian làm việc tối thiểu 40 ngày

- Yêu cầu chi tiết đối với từng vị trí được liệt kê trong bảng dưới.

STT	Vị trí	Số lượng (người)	Kinh nghiệm	Chứng chỉ/trình độ chuyên môn
1	Quản trị dự án	01	- Tối thiểu 10 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực CNTT; - Đã tham gia triển khai (đứng tên trên hợp đồng/dự án) với vai trò quản trị dự án ít nhất 01 hợp đồng/dự án về CNTT.	- Tốt nghiệp đại học chuyên ngành Công nghệ thông tin, Điện tử viễn thông, Khoa học máy tính, Quản trị mạng hoặc các chuyên ngành có liên quan - Có chứng chỉ PMP hoặc tương đương.

2	Quản trị vận hành hệ thống mạng	02	<ul style="list-style-type: none"> - Tối thiểu 5 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực CNTT; - Đã tham gia triển khai ít nhất 01 dự án quản trị và/hoặc vận hành hạ tầng hệ thống CNTT về các thiết bị mạng Switch, Router, Cân bằng tải đường truyền. 	<ul style="list-style-type: none"> - Tốt nghiệp đại học chuyên ngành Công nghệ thông tin, Điện tử viễn thông, Khoa học máy tính, Quản trị mạng hoặc các chuyên ngành có liên quan. - Cả 02 nhân sự phải có chứng chỉ CCNP (còn hiệu lực) hoặc tương đương.
3	Quản trị vận hành thiết bị bảo mật	01	<ul style="list-style-type: none"> - Tối thiểu 5 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực CNTT; - Đã tham gia triển khai ít nhất 01 dự án quản trị và/hoặc vận hành hạ tầng hệ thống CNTT về thiết bị bảo mật Firewall, IPS/IDS, Firewall Appliance. 	<ul style="list-style-type: none"> - Tốt nghiệp đại học chuyên ngành Công nghệ thông tin, Điện tử viễn thông, Khoa học máy tính, Quản trị mạng hoặc các chuyên ngành có liên quan. - Tối thiểu có một trong các chứng chỉ sau (còn hiệu lực): CCSA của Checkpoint, CCSE của Checkpoint hoặc tương đương.
4	Quản trị vận hành hệ thống máy chủ	02	<ul style="list-style-type: none"> - Tối thiểu 5 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực CNTT; - Đã tham gia triển khai ít nhất 01 dự án quản trị và/hoặc vận hành hạ tầng hệ thống CNTT về các chủng loại thiết bị máy chủ của các hãng HPE, DELL, giải pháp ảo hóa Vmware. 	<ul style="list-style-type: none"> - Tốt nghiệp đại học chuyên ngành Công nghệ thông tin, Điện tử viễn thông, Khoa học máy tính, Quản trị mạng hoặc các chuyên ngành có liên quan. - Tối thiểu mỗi nhân sự phải có một trong các chứng chỉ sau (còn hiệu lực): VCP (VMware), MCSE, LPI2 hoặc tương đương.
5	Quản trị vận hành hệ thống lưu trữ & sao lưu dữ liệu	01	<ul style="list-style-type: none"> - Tối thiểu 5 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực CNTT; - Đã tham gia triển khai ít nhất 01 dự án quản trị và/hoặc vận hành hạ tầng hệ thống CNTT về các chủng loại thiết bị lưu trữ các hãng HPE, DELL và giải pháp backup của hãng Micro Focus. 	<ul style="list-style-type: none"> - Tốt nghiệp đại học chuyên ngành Công nghệ thông tin, Điện tử viễn thông, Khoa học máy tính, Quản trị mạng,...hoặc các chuyên ngành có liên quan. - Có một trong các chứng chỉ (còn hiệu lực) về giải pháp lưu trữ / backup.

6	Giám sát vận hành hạ tầng hệ thống	05	<ul style="list-style-type: none"> - Tối thiểu 3 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực CNTT; - Đã tham gia triển khai ít nhất 01 dự án quản trị và/hoặc vận hành hạ tầng hệ thống CNTT. 	<ul style="list-style-type: none"> - Tốt nghiệp đại học chuyên ngành CNTT hoặc tương đương trở lên.
7	Nhân sự triển khai cài đặt, tích hợp Phần mềm	02	<ul style="list-style-type: none"> - Tối thiểu 5 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực CNTT; - Đã tham gia triển khai ít nhất 01 dự án với vai trò cài đặt, tích hợp hệ thống CNTT. 	<ul style="list-style-type: none"> - Tốt nghiệp đại học chuyên ngành Công nghệ thông tin, Điện tử viễn thông, Khoa học máy tính, Quản trị mạng hoặc các chuyên ngành có liên quan. - Tối thiểu 1 nhân sự có một trong các chứng chỉ sau (còn hiệu lực): Cisco-CCIE/ Checkpoint-CCSE hoặc tương đương; - Nhân sự còn lại có chứng chỉ sau (còn hiệu lực): VMware-VCAP hoặc tương đương.

4. Yêu cầu về bảo mật thông tin

Trong quá trình thực hiện việc quản trị vận hành cho hệ thống e-GP, nhà thầu phải cam kết tuân thủ các quy định sau:

- Nhà thầu truy cập vào hệ thống e-GP phải thực hiện 100% thông qua phần mềm quản lý tài khoản đặc quyền PAM và phải được sự chấp nhận của IDNES hoặc MPI;
- Tuân thủ các quy định về an toàn, bảo mật thông tin theo quy định của pháp luật và các quy định của IDNES. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về An toàn, an ninh thông tin của Hệ thống eGP trong quá trình thực hiện dịch vụ quản trị vận hành hệ thống.
- Ký cam kết với IDNES về việc đảm bảo an toàn và bảo mật thông tin trước, trong và sau khi thực hiện hợp đồng
- Ký cam kết với từng thành viên của nhà thầu về việc đảm bảo an toàn và bảo mật thông tin trước, trong và sau khi thực hiện hợp đồng
- Nhà thầu cung cấp dịch vụ phải đảm bảo về BMTT theo tiêu chuẩn ISO theo quy định với đầy đủ và đúng cam kết về tính sẵn sàng, tính toàn vẹn dữ liệu và tính bảo mật
- Các chuyên gia của nhà thầu thực hiện công tác vận hành và cung cấp dịch vụ tuân thủ đầy đủ các quy định về BMTT trong quá trình cung cấp dịch vụ.
- Toàn bộ thông tin trong quá trình thực hiện dịch vụ là tài sản thuộc sở hữu của IDNES, nhà thầu chỉ được trích dẫn và sử dụng trong trường hợp có sự cho phép của IDNES.
- Khi có sự thay đổi chuyên gia quản trị và vận hành và khắc phục sự cố, nhà thầu có trách nhiệm thông báo cho IDNES bằng văn bản và phải được sự chấp thuận của IDNES.

- Trong thời gian thực hiện hợp đồng và sau khi kết thúc hợp đồng, nếu không được phép của IDNES, nhà thầu không được phép tiết lộ bất kỳ thông tin nội bộ nào liên quan đến Dịch vụ, Hợp đồng, Thiết kế hay hoạt động của hệ thống mà không được sự chấp thuận của IDNES hoặc khách hàng.

5. Yêu cầu báo cáo, đánh giá

Nhà thầu có trách nhiệm lập mẫu và thực hiện việc báo cáo công việc như sau:

- Báo cáo định kỳ: Nhà thầu có trách nhiệm cung cấp các báo cáo định kỳ qua email hoặc trực tiếp do IDNES yêu cầu.

- Báo cáo ngày:
 - Báo cáo tổng hợp các sự vụ trong ngày và biện pháp khắc phục (nếu có)
 - Tình trạng hoạt động của các máy chủ (CPU, RAM, HDD, Tính sẵn sàng, hiệu năng thiết bị).
 - Tình trạng hoạt động của các thiết bị khác (Tính sẵn sàng, hiệu năng thiết bị, băng thông)
- Báo cáo tháng:
 - Tổng hợp các sự vụ trong tháng và biện pháp khắc phục
 - Tổng hợp tình trạng hoạt động của các máy chủ (CPU, RAM, HDD, Tính sẵn sàng, hiệu năng thiết bị).
 - Tổng hợp tình trạng hoạt động của các thiết bị khác (Tính sẵn sàng, hiệu năng thiết bị, băng thông).
 - Phân tích hiện trạng về hiệu suất và tài nguyên của các thiết bị trong tháng.
- Báo cáo quý:
 - Tổng hợp các sự vụ nghiêm trọng trong quý và biện pháp khắc phục
 - Tổng hợp tình trạng cung cấp dịch vụ quản trị hệ thống
 - Đề xuất cải tiến để nâng cao chất lượng vận hành và quản trị hệ thống (nếu có)
 - Đề xuất cải tiến, nâng cấp khác (nếu có).
- Báo cáo năm:
 - Tổng hợp các sự vụ nghiêm trọng trong năm và biện pháp khắc phục
 - Tổng hợp tình trạng cung cấp dịch vụ quản trị hệ thống
 - Đề xuất cải tiến để nâng cao chất lượng vận hành và quản trị hệ thống (nếu có)
 - Đề xuất cải tiến, nâng cấp khác (nếu có).

- Báo cáo theo yêu cầu: Đối với các báo cáo theo yêu cầu, nhà thầu cần thống nhất tiêu chí thực hiện với IDNES, cam kết thời hạn hoàn thành báo cáo. Trong trường hợp thời hạn hoàn thành báo cáo không được IDNES xác định cụ thể, nhà thầu có trách nhiệm phản hồi và hoàn thiện báo cáo trong vòng 05 ngày làm việc.

6. Yêu cầu khác

- Trong vòng 1 năm kể từ ngày bắt đầu dịch vụ, nhà thầu phải bàn giao tài liệu liên quan đến phần mềm đề xuất, gồm các nội dung sau:

- Tài liệu cài đặt và thiết lập cấu hình;
- Tài liệu hướng dẫn sử dụng và quản trị vận hành.
- Các tài liệu phải bằng tiếng Việt, nếu là bản tiếng Anh hoặc tiếng nước ngoài thì phải được dịch sang tiếng Việt.

- Các dữ liệu, tài liệu phát sinh trong thời gian thực hiện hợp đồng quản trị và vận hành hệ thống, bao gồm dữ liệu theo dõi, giám sát hệ thống, tài liệu hướng dẫn quản trị

và vận hành, kho dữ liệu xử lý khắc phục sự cố, giải pháp thực hiện...là tài sản của IDNES hoặc khách hàng của IDNES, nhà thầu phải có trách nhiệm bảo quản và bàn giao đầy đủ lại cho IDNES sau khi kết thúc hợp đồng. Những dữ liệu, tài liệu trên không được cung cấp cho bên thứ 3 trong bất kỳ trường hợp nào với bất kỳ hình thức nào nếu không được sự chấp thuận của IDNES.

- Nhà thầu phải tự trang bị các phương tiện, công cụ phục vụ cho việc quản trị vận hành hệ thống trong suốt quá trình cung cấp dịch vụ, bao gồm máy tính cá nhân cho chuyên gia.

- Trong thời gian thực hiện hợp đồng dịch vụ nếu hệ thống của IDNES thuộc phạm vi thuê quản trị và vận hành có sự thay đổi về số lượng thiết bị (do thay thế hạ tầng mới hoặc bổ sung, nâng cấp,...) thì nhà thầu có trách nhiệm cài đặt, thiết lập để phần mềm giám sát được các thiết bị mới bổ sung.
 - Số lượng thiết bị bổ sung không vượt quá 5% trên tổng số thiết bị hiện có của hệ thống.
 - Nếu số lượng thiết bị tăng trưởng quá 5% thì hai bên ký Phụ lục Hợp đồng điều chỉnh tăng giá trị trong thời gian dịch vụ còn lại tương ứng với số lượng thiết bị tăng thêm.

Phụ lục 01

DANH MỤC NHIỆM VỤ CỤ THỂ CỦA TỪNG VỊ TRÍ CÔNG VIỆC

(Kèm theo nội dung yêu cầu kỹ thuật tại Mục II)

I	Hệ thống mạng
A	Giám sát vận hành hệ thống mạng
A.1	Giám sát vận hành thiết bị chuyển mạch lõi, máy chủ
1	Kiểm tra trạng thái power on, power off, phân hội kết nối (ping, telnet...) của các thiết bị.
2	Kết nối kiểm tra trực tiếp (ssh, telnet..) tình trạng hoạt động của thiết bị (treo, chậm, không kết nối...)
3	Kiểm tra tình trạng sử dụng tài nguyên RAM, CPU, DISK của thiết bị.
4	Kiểm tra tình trạng Up/Down Interface của thiết bị.
5	Kiểm tra tình trạng Throughput, Packet Error, Bandwidth Interface của thiết bị.
6	Kiểm tra tình trạng HA/Cluster của thiết bị.
7	Kiểm tra trạng thái các giao thức dịch vụ như Vlan, STP, VRRP, LACP, ACL...
8	Kiểm tra trạng thái các bảng MAC, Route, Ether Channel...
9	Kiểm tra trạng thái thiết bị trong tủ Rack: kiểm tra kết nối quang, kết nối mạng, kiểm tra nguồn, đèn cảnh báo, quạt, màn hình cảnh báo, các module... (khi được yêu cầu)
10	Trong trường hợp thiết bị xảy ra sự cố hoặc theo yêu cầu của các phòng ban liên quan về sự cố của phần cứng, hệ điều hành, cấu hình...: Kiểm tra, đọc log trên thiết bị, máy chủ, ghi nhận các vấn đề trong log (chuyển thông tin cho đội vận hành, quản trị, xử lý sự

	có hệ thống)
11	Gửi thông tin theo dõi thiết bị (email hoặc chat hoặc các phương tiện di động...) theo định kỳ hoặc theo yêu cầu đột xuất; Gửi các thông tin cần hỗ trợ kiểm tra sự cố hoặc cảnh báo tới đội quản trị hệ thống.
A.2	Giám sát vận hành thiết bị định tuyến
1	Kiểm tra trạng thái power on, power off, phản hồi kết nối (ping, telnet...) của các thiết bị.
2	Kết nối kiểm tra trực tiếp (ssh, telnet...) tình trạng hoạt động của thiết bị (treo, chậm, không kết nối...)
3	Kiểm tra tình trạng sử dụng tài nguyên RAM, CPU, DISK của thiết bị.
4	Kiểm tra tình trạng Up/Down Interface của thiết bị.
5	Kiểm tra tình trạng đường truyền của các ISP.
6	Kiểm tra tình trạng Throughput, Packet Error, Bandwidth Interface của thiết bị.
7	Kiểm tra tình trạng HA/Cluster của thiết bị.
8	Kiểm tra trạng thái các giao thức dịch vụ như PBR, VRRP, LACP, NAT, QoS...
9	Kiểm tra trạng thái các bảng MAC, Route, Ether Channel...
10	Kiểm tra trạng thái kết nối VPN, WAN, Leased
11	Trong trường hợp thiết bị xảy ra sự cố hoặc theo yêu cầu của các phòng ban liên quan về sự cố của phần cứng, hệ điều hành, cấu hình...: Kiểm tra, đọc log trên thiết bị, ghi nhận các vấn đề trong log (chuyển thông tin cho đội vận hành, quản trị, xử lý sự cố hệ thống)
12	Gửi thông tin theo dõi thiết bị (email hoặc chat hoặc các phương tiện di động...) theo định kỳ hoặc theo yêu cầu đột xuất; Gửi các thông tin cần hỗ trợ kiểm tra sự cố hoặc cảnh báo tới đội quản trị hệ thống.

A.3	Giám sát vận hành thiết bị cân bằng tải
1	Kiểm tra trạng thái power on, power off, phản hồi kết nối (ping, telnet...) của các thiết bị.
2	Kết nối kiểm tra trực tiếp (https,ssh, telnet..) tình trạng hoạt động của thiết bị (treo, chậm, không kết nối...)
3	Kiểm tra tình trạng sử dụng tài nguyên RAM, CPU, DISK của thiết bị.
4	Kiểm tra tình trạng Up/Down Interface của thiết bị.
5	Kiểm tra tình trạng đường truyền của các ISP.
6	Kiểm tra tình trạng Throughput, Packet Error, Bandwidth Interface của thiết bị.
7	Kiểm tra tình trạng HA/Cluster của thiết bị.
8	Kiểm tra trạng thái các giao thức dịch vụ như PBR, VRRP, LACP, NAT, QoS...
9	Kiểm tra trạng thái các bảng MAC, Route, Ether Channel...
10	Trong trường hợp thiết bị xảy ra sự cố hoặc theo yêu cầu của các phòng ban liên quan về sự cố của phần cứng, hệ điều hành, cấu hình...: Kiểm tra, đọc log trên thiết bị, ghi nhận các vấn đề trong log (chuyển thông tin cho đội vận hành, quản trị, xử lý sự cố hệ thống)
11	Gửi thông tin theo dõi thiết bị (email hoặc chat hoặc các phương tiện di động...) theo định kỳ hoặc theo yêu cầu đột xuất; Gửi các thông tin cần hỗ trợ kiểm tra sự cố hoặc cảnh báo tới đội quản trị hệ thống.
B	Quản trị hệ thống, xử lý sự cố hạ tầng hệ thống mạng
B.1	Quản trị, xử lý sự cố với thiết bị chuyên mạch lõi, máy chủ
1	Khi thiết bị gặp sự cố, phân tích log trên thiết bị, tìm hiểu xác định các vấn đề ghi nhận trong log.

2	Kiểm tra cấu hình, trạng thái hoạt động của thiết bị HA, Stack,
3	Thực hiện thêm/xóa/thay đổi các IP Interface Physical, Interface Vlan.
4	Thực hiện chỉnh sửa các tham số trên interface: access, trunk, mtu...
5	Thực hiện tạo/xóa/thay đổi account truy cập đến thiết bị.
6	Thực hiện thêm/xóa các vlan.
7	Thực hiện thêm/xóa các static route.
8	Thực hiện thêm/xóa các channel interface.
9	Thực hiện thêm/xóa các access-list.
10	Thực hiện chỉnh sửa các thông số của STP như ROOT ID.
11	Thực hiện cập nhật, update firmware cho thiết bị.
12	Thực hiện backup cấu hình thiết bị (theo định kì 1 lần/1 tháng).
13	Phối hợp kiểm tra các sự cố liên quan phần cứng thiết bị như: Main, nguồn, quạt, pin card raid, RAM, CPU, transeiver...
14	Phối hợp trong các công việc kiểm tra, bảo hành, thay thế thiết bị (phối hợp với hãng và các nhà thầu bảo hành).
15	Phối hợp triển khai chuyển đổi vị trí thiết bị trong hạ tầng DC, DRC: tháo lắp chuyển đổi vị trí thiết bị, cắm lại nguồn và đi dây mạng, dây quang cho vị trí mới...
16	Lập báo cáo ghi nhận thông tin các lỗi hệ thống và tình hình hỗ trợ khác phục sự cố hệ thống (theo định kỳ mỗi 3 tháng).

17	<p>Xây dựng, cập nhật tài liệu phục vụ quản lý:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Rack layout, vị trí thiết bị trong các tủ Rack, nhãn quản lý tủ RACK, nhãn quản lý thiết bị, nhãn quản lý dây kết nối + Thông tin các thiết bị, hồ sơ nâng cấp thiết bị, quản lý thiết bị bảo hành, ghi nhật ký bảo hành: Số hợp đồng, Serial Number, Model, tên thiết bị, số lượng...)
B.2	<i>Quản trị, xử lý sự cố với thiết bị định tuyến</i>
1	Khi thiết bị gặp sự cố, phân tích log trên thiết bị, tìm hiểu xác định các vấn đề ghi nhận trong log.
2	Kiểm tra cấu hình, trạng thái hoạt động của thiết bị HA,
3	Thực hiện thêm/xóa/thay đổi các IP Interface Physical, Interface Vlan.
4	Thực hiện chỉnh sửa các tham số trên interface: access, trunk, mtu...
5	Thực hiện tạo/xóa/thay đổi account truy cập đến thiết bị.
6	Thực hiện thêm/xóa các vlan.
7	Thực hiện thêm/xóa các static route.
8	Thực hiện thêm/xóa các channel interface.
9	Thực hiện thêm/xóa các access-list.
10	Thực hiện thêm/xóa các Policy Base Routing
11	Thực hiện thêm/xóa các NAT Static
12	Thực hiện thêm/xóa các tunnel interface VPN

13	Thực hiện cập nhật, update firmware cho thiết bị.
14	Thực hiện backup cấu hình thiết bị (theo định kì 1 lần/1 tháng).
15	Phối hợp kiểm tra các sự cố liên quan phần cứng thiết bị như: nguồn, quạt, RAM, CPU, transceiver...
16	Phối hợp trong các công việc kiểm tra, bảo hành, thay thế thiết bị (phối hợp với hãng và các nhà thầu bảo hành).
17	Phối hợp triển khai chuyển đổi vị trí thiết bị trong hạ tầng DC, DRC: tháo lắp chuyển đổi vị trí thiết bị, cắm lại nguồn và đi dây mạng, dây quang cho vị trí mới...
18	Lập báo cáo ghi nhận thông tin các lỗi hệ thống và tình hình hỗ trợ khắc phục sự cố hệ thống (theo định kỳ mỗi 3 tháng).
19	Xây dựng, cập nhật tài liệu phục vụ quản lý: + Rack layout, vị trí thiết bị trong các tủ Rack, nhãn quản lí tủ RACK, nhãn quản lí thiết bị, nhãn quản lí dây kết nối + Thông tin các thiết bị, hồ sơ nâng cấp thiết bị, quản lý thiết bị bảo hành, ghi nhật ký bảo hành: Số hợp đồng, Serial Number, Model, tên thiết bị, số lượng...)
B3	<i>Quản trị, xử lý sự cố với thiết bị cân bằng tải</i>
1	Khi thiết bị gặp sự cố, phân tích log trên thiết bị, tìm hiểu xác định các vấn đề ghi nhận trong log.
2	Kiểm tra cấu hình, trạng thái hoạt động của thiết bị HA,
3	Thực hiện thêm/xóa/thay đổi các IP Interface Physical, Interface Vlan.
4	Thực hiện chỉnh sửa các tham số trên interface: access, trunk, mtu...
5	Thực hiện tạo/xóa/thay đổi account truy cập đến thiết bị.
6	Thực hiện thêm/xóa các vlan.

7	Thực hiện thêm/xóa các static route.
8	Thực hiện thêm/xóa các channel interface.
9	Thực hiện thêm/xóa/chỉnh sửa các Virtual IP
10	Thực hiện thêm/xóa/chỉnh sửa các Server Profile
11	Thực hiện thêm/xóa/chỉnh sửa các Rule Profile
12	Thực hiện thêm/xóa/thay đổi các Profile Security (IPS, Web Filter,)
13	Thực hiện cập nhật, update firmware cho thiết bị.
14	Thực hiện cập nhật signature database security cho thiết bị.
15	Thực hiện backup cấu hình thiết bị (theo định kì 1 lần/1 tháng).
16	Phối hợp kiểm tra các sự cố liên quan phần cứng thiết bị như: nguồn, quạt, RAM, CPU, transceiver...
17	Phối hợp trong các công việc kiểm tra, bảo hành, thay thế thiết bị (phối hợp với hãng và các nhà thầu bảo hành).
18	Phối hợp triển khai chuyển đổi vị trí thiết bị trong hạ tầng DC, DRC: tháo lắp chuyển đổi vị trí thiết bị, cắm lại nguồn và đi dây mạng, dây quang cho vị trí mới...
19	Lập báo cáo ghi nhận thông tin các lỗi hệ thống và tình hình hỗ trợ khắc phục sự cố hệ thống (theo định kỳ mỗi 3 tháng).
20	<p>Xây dựng, cập nhật tài liệu phục vụ quản lý:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Rack layout, vị trí thiết bị trong các tủ Rack, nhãn quản lí tủ RACK, nhãn quản lí thiết bị, nhãn quản lí dây kết nối + Thông tin các thiết bị, hồ sơ nâng cấp thiết bị, quản lý thiết bị bảo hành, ghi nhật ký bảo hành: Số hợp đồng, Serial Number, Model, tên thiết bị, số lượng...)

II	Thiết bị bảo mật
A	Giám sát vận hành thiết bị bảo mật
1	Kiểm tra trạng thái power on, power off, phản hồi kết nối (ping, telnet...) của các thiết bị.
2	Kết nối kiểm tra trực tiếp (ssh, telnet,https,smart console..) tình trạng hoạt động của thiết bị (treo, chậm, không kết nối...)
3	Kiểm tra tình trạng sử dụng tài nguyên RAM, CPU, DISK của thiết bị.
4	Kiểm tra tình trạng Up/Down Interface của thiết bị.
5	Kiểm tra tình trạng Throughput, Packet Error, Bandwidth Interface của thiết bị.
6	Kiểm tra tình trạng HA/Cluster của thiết bị.
7	Kiểm tra trạng thái các giao thức dịch vụ như Vlan, PBR,VRRP, LACP...
8	Kiểm tra trạng thái các bảng MAC, Route, Ether Channel...
9	Kiểm tra trạng thái các policy.
10	Kiểm tra trạng thái các license subscription.
11	Kiểm tra trạng thái kết nối VPN
12	Kiểm tra trạng thái đồng bộ signature database security của thiết bị.
13	Kiểm tra trạng thái log event,system,vpn, security...

14	Trong trường hợp thiết bị xảy ra sự cố hoặc theo yêu cầu của các phòng ban liên quan về sự cố của phần cứng, hệ điều hành, cấu hình...: Kiểm tra, đọc log trên thiết bị, ghi nhận các vấn đề trong log (chuyển thông tin cho đội vận hành, quản trị, xử lý sự cố hệ thống)
B	<i>Quản trị hệ thống, xử lý sự cố hạ tầng thiết bị bảo mật</i>
1	Khi thiết bị gặp sự cố, phân tích log trên thiết bị, tìm hiểu xác định các vấn đề ghi nhận trong log.
2	Kiểm tra cấu hình, trạng thái hoạt động của thiết bị HA,
3	Thực hiện thêm/xóa/thay đổi các IP Interface Physical, Interface Vlan.
4	Thực hiện chỉnh sửa các tham số trên interface: access, trunk, mtu...
5	Thực hiện tạo/xóa/thay đổi account truy cập đến thiết bị.
6	Thực hiện thêm/xóa các vlan.
7	Thực hiện thêm/xóa các static route.
8	Thực hiện thêm/xóa các channel interface.
9	Thực hiện thêm/xóa các access-list.
10	Thực hiện thêm/xóa các Policy Base Routing
11	Thực hiện thêm/xóa các NAT Static
12	Thực hiện thêm/xóa/thay đổi các Network Object
13	Thực hiện thêm/xóa/thay đổi các Service Object

14	Thực hiện thêm/xóa/thay đổi các Rule Policy
15	Thực hiện thêm/xóa/thay đổi các Rule NAT
16	Thực hiện thêm/xóa/thay đổi các Profile Security (IPS, Web Filter, AV...)
17	Thực hiện thêm/xóa/thay đổi các user VPN
18	Thực hiện thêm/xóa các tunnel interface VPN
19	Thực hiện cập nhật, update firmware cho thiết bị.
20	Thực hiện cập nhật signature database security cho thiết bị.
21	Thực hiện backup cấu hình thiết bị (theo định kì 1 lần/1 tháng).
22	Phối hợp kiểm tra các sự cố liên quan phân cứng thiết bị như: Main, nguồn, quạt, pin card raid, RAM, CPU, transeiver...
23	Phối hợp trong các công việc kiểm tra, bảo hành, thay thế thiết bị (phối hợp với hãng và các nhà thầu bảo hành).
24	Phối hợp triển khai chuyển đổi vị trí thiết bị trong hạ tầng DC, DRC: tháo lắp chuyển đổi vị trí thiết bị, cắm lại nguồn và đi dây mạng, dây quang cho vị trí mới...
25	Lập báo cáo ghi nhận thông tin các lỗi hệ thống và tình hình hỗ trợ khắc phục sự cố hệ thống (theo định kỳ mỗi 3 tháng).
26	Xây dựng, cập nhật tài liệu phục vụ quản lý: + Rack layout, vị trí thiết bị trong các tủ Rack, nhãn quản lí tủ RACK, nhãn quản lí dây kết nối + Thông tin các thiết bị, hồ sơ nâng cấp thiết bị, quản lý thiết bị bảo hành, ghi nhật ký bảo hành: Số hợp đồng, Serial Number, Model, tên thiết bị, số lượng...)
III	Hệ thống máy chủ

A	Giám sát vận hành hệ thống máy chủ
1	Kiểm tra trạng thái power on, power off, phản hồi kết nối (ping, telnet...) của các server vật lý.
2	Kết nối kiểm tra trực tiếp (remote desktop, ssh, http, https...) tình trạng hoạt động hệ thống (treo, chậm, không kết nối...)
3	Kiểm tra tình hình cấp phát RAM, CPU và tình trạng sử dụng RAM, CPU; kiểm tra ngày giờ hệ thống so với máy chủ chủ thời gian (time server).
4	Kiểm tra tình hình sử dụng tài nguyên đĩa cứng, Datastore, cấu hình mạng Ethernet và Fibre Channel...
5	Kiểm tra các disk được gán từ SAN, các disk local (số lượng, trạng thái...).
6	Kiểm tra kết quả của các tiến trình cấp phát tài nguyên ảo hóa
7	Kiểm tra trạng thái các service HA, DRS, vMotion
8	Kiểm tra tình trạng sử dụng tài nguyên các máy ảo
9	Kiểm tra hiệu năng hoạt động (RAM, CPU, Disk, Network) của các thành phần ảo hóa và vật lý (VM, Host, Cluster)
10	Kiểm tra trạng thái của tủ đĩa SAN, các thiết bị San switch, ngày giờ hệ thống so với máy chủ thời gian.
11	Kiểm tra tình trạng hoạt động của thiết bị vật lý, kiểm tra phân cứng thông qua giao diện quản trị phần cứng hệ thống...
12	Trong trường hợp hệ thống xảy ra sự cố hoặc theo yêu cầu của các phòng ban liên quan về sự cố của ứng dụng, cơ sở dữ liệu, mạng...: Kiểm tra, đọc log hệ thống, ghi nhận các vấn đề trong log (chuyển thông tin cho đội vận hành, quản trị, xử lý sự cố hệ thống)
13	Gửi thông tin theo dõi hệ thống (email hoặc chat hoặc các phương tiện đi động...) theo định kỳ hoặc theo yêu cầu đột xuất; Gửi các thông tin cần hỗ trợ kiểm tra sự cố hoặc cảnh báo tới đội quản trị hệ thống.
B	Quản trị hệ thống, xử lý sự cố hạ tầng hệ thống máy chủ

1	Khi hệ thống gặp sự cố, phân tích log hệ thống, tìm hiểu xác định các vấn đề ghi nhận trong log.
2	Kiểm tra cấu hình, trạng thái hoạt động ESXi host: Trạng thái kết nối của ESXi host với vCenter server
3	Kiểm tra cấu hình, trạng thái hoạt động hệ thống vCenter server: Tính năng vMotion, High Available...
4	Chỉnh sửa tham số máy ảo (RAM/CPU/ Network/HDD/config) trên VMware vCenter
5	Thực hiện xóa các máy ảo không sử dụng
6	Thực hiện dựng máy ảo mới, cài đặt hệ điều hành khi cần
7	Thực hiện tạo/chỉnh sửa/xóa các Blueprint (các mức tài nguyên RAM/CPU/HDD/ card mạng) trên hệ thống ảo hóa
8	Thực hiện tạo/thay đổi account kết nối đến các endpoint /xóa các endpoint trên Hệ thống ảo hóa
9	Thực hiện tạo/sửa (khi cluster có thay đổi thông tin)/xóa các Fabric Group trên hệ thống ảo hóa
10	Thực hiện tạo/sửa (rename khi có yêu cầu)/ xóa các Reservation Policy trên hệ thống ảo hóa
11	Thực hiện tạo/sửa (thêm/xóa các thành viên của Business Group)/xóa các Business Group trên hệ thống ảo hóa
12	Thực hiện tạo/sửa (thay đổi VLAN/ Datastore)/xóa các Reservation trên hệ thống ảo hóa.
13	Thực hiện tạo/sửa (thay đổi template)/xóa các Component Profile trên hệ thống ảo hóa
14	Thực hiện tạo/sửa/xóa các Template (thay đổi cấu hình/tài nguyên).
15	Thực hiện tạo/sửa/xóa các Services Catalog trên hệ thống ảo hóa (thêm/xóa các Catalog Items).

16	Thực hiện thêm/sửa (thay đổi IP range)/xóa các Network Profile
17	Thực hiện kiểm tra trạng thái đồng bộ với AD
18	Thực hiện Sync thêm User/Group trên hệ thống ảo hóa
19	Thực hiện thay đổi việc phân quyền trên hệ thống ảo hóa
20	Thực hiện Approve hoặc reject các request máy ảo
21	Thực hiện cài đặt/cấu hình (hostname/ IP/ NTP/ DNS/ FW/ Security profile...) cho một ESXi host.
22	Thực hiện cập nhật (upgrade) lên phiên bản mới nhất cho một ESXi host
23	Thực hiện thay đổi password cho tài khoản admin trên một/ nhiều ESXi host
24	Thực hiện cập nhật các bản vá lỗi hệ thống cho một ESXi host.
25	Thực hiện tạo Datastore cho ESXi host, scan LUN gán cho ESXi host
26	Thực hiện tạo, cấu hình vSphere Standard Switch (VSS) cho ESXi host: tạo Vmkernel, virtual machine network, add các adapter tới một VSS, cấu hình Load Balancing và Security trên VSS
27	Thực hiện tạo vSphere Distributed Switch (VDS) cho ESXi host, add các ESXi host tới VDS, tạo Port Group
28	Thực hiện cài đặt/cấu hình (hostname/IP/ DNS/NTP/license/ service...) cho máy chủ vCenter
29	Thực hiện tạo/sửa (thay đổi password/ quyền thực hiện trên hệ thống)/ xóa các User/ Group trên hệ thống Vcenter.
30	Thực hiện tạo/sửa (thay đổi VLAN)/xóa thông tin trên distributed switch

31	Thực hiện Update các phiên bản của một máy chủ vCenter.
32	Thực hiện tạo/chỉnh sửa cấu hình/xóa cluster trên vCenter
33	Thực hiện gán/thu hồi volume Datastore vào các vùng Cluster trên vCenter
34	Thực hiện cập nhật các bản vá lỗi hệ thống cho vCenter.
35	Thực hiện Export log RVTools của vCenter
36	Thực hiện Export log vCheck trên vCenter
37	Kết xuất báo cáo thông tin hiện trạng sử dụng máy chủ theo yêu cầu
38	Thực hiện tạo một Cluster, add máy chủ ESXi vào Cluster
39	Thực hiện quy trình tắt/bật hệ thống
40	Kiểm tra xử lý, khắc phục các vấn đề do các cán bộ nhóm giám sát checklist gửi lên. Đưa ra các giải pháp kỹ thuật khả thi và đề xuất thực hiện xử lý lỗi đảm bảo an toàn dữ liệu hệ thống.
41	Kiểm tra, khắc phục các sự cố/thông báo đơn vị bảo hành (nếu có) liên quan của hệ thống máy chủ về sử dụng tài nguyên: CPU , RAM, disk, network...
42	Kiểm tra, khắc phục cảnh báo xuất hiện trên vCenter server.
43	Kiểm tra, khắc phục sự cố không kết nối được giao diện quản trị vCenter server.
44	Kiểm tra, khắc phục sự cố kết nối giữa ESXi host và vCenter server.
45	Khắc phục sự cố bị treo, không nhận tín hiệu từ các thiết bị đầu vào của máy chủ

46	Khắc phục sự cố ESXi host tài nguyên sử dụng (RAM/CPU/Network...) vượt mức cho phép
47	Khắc phục sự cố máy chủ vCenter sử dụng tài nguyên (CPU/Memory/Network...) vượt mức cho phép.
48	Khắc phục sự cố lỗi Service trên các máy chủ ảo hóa
49	Khắc phục sự cố không add thêm được tài nguyên vật lý (Endpoint) vào hệ thống ảo hóa
50	Khắc phục sự cố không Request được máy ảo trên công thông tin đám mây
51	<p>Kiểm tra cấu hình, trạng thái hoạt động thiết bị San, san switch:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tình trạng đèn cảnh báo: Need Attention LED - Tình trạng controller/enclosure/drive/các cổng kết nối/ module... - Tình trạng ổ hotspare Inuse/Standby, array, logical drive...
52	<p>Rà soát hàng quý (hoặc theo yêu cầu thực tế) cấu hình cấp phát hệ thống San, san switch:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Số lượng host/Số mapping/Số partition đã dùng/Tổng Số partition - Quy hoạch các tủ đĩa/nguyên tác cấp phát trên các tủ đĩa. - Cấp phát cổng kết nối trên SAN Switch hoặc phối hợp cắm thiết bị lên SAN Switch và Kiểm tra trạng thái kết nối fc từ SAN SW đến máy chủ cần cấp Dung lượng - Dung lượng cấu hình/Tổng Dung lượng - Dung lượng chưa cấu hình - Cấu hình dung lượng trên một tủ đĩa (dung lượng cấp phát, dung lượng sử dụng, dung lượng còn trống...). - Iops, băng thông hệ thống...
53	Phối hợp kiểm tra các sự cố liên quan phần cứng thiết bị như: Main, nguồn, quạt, pin card raid, RAM, CPU, transeiver...
54	Phối hợp trong các công việc kiểm tra, bảo hành, thay thế thiết bị (phối hợp với hãng và các nhà thầu bảo hành).
55	Phối hợp triển khai chuyển đổi vị trí thiết bị trong hạ tầng TTDL: tháo lắp chuyển đổi vị trí thiết bị, cắm lại nguồn và đi dây mạng, dây quang cho vị trí mới...

56	Lập báo cáo ghi nhận thông tin các lỗi hệ thống và tình hình hỗ trợ khắc phục sự cố hệ thống (theo định kỳ mỗi 3 tháng). Xây dựng, cập nhật tài liệu phục vụ quản lý: + Rack layout, vị trí thiết bị, vị trí máy chủ trong các tủ Rack, nhãn quản lý từ RACK, nhãn quản lý dây kết nối SAN và LAN... + Thông tin các thiết bị, hồ sơ nâng cấp thiết bị, quản lý thiết bị bảo hành, ghi nhật ký bảo hành: Số hợp đồng, Serial Number, Model, tên thiết bị, số lượng...) + Thông số thiết kế hệ thống / cấu hình hệ thống thiết bị, server (vật lý, máy ảo, hypervisor, máy quản trị ...): Thông tin tên/mã/model/system type thiết bị, hostname, địa chỉ IP, OS version, trạng thái, thông tin cấu hình RAM, CPU, DISK, số lượng cổng SAN và kết nối, số lượng LUN cấp phát, số lượng cổng Eth và kết nối, các phân vùng filesystem, mount point, các phần mềm cài đặt trên hệ thống...
57	
IV	Hệ thống lưu trữ & sao lưu dữ liệu
<i>A</i>	<i>Giám sát vận hành hệ thống lưu trữ & sao lưu dữ liệu</i>
<i>AI</i>	<i>Giám sát vận hành hệ thống SAN storage, SAN Switch</i>
1	Kiểm tra trạng thái của tủ đĩa
2	Kiểm tra ngày giờ hệ thống so với máy chủ thời gian (time server).
3	Kết nối kiểm tra trực tiếp (telnet, ssh, http, https...) tình trạng hoạt động hệ thống (treo, chậm, không kết nối...).
4	Kiểm tra Số lượng controller/enclosure/drive
5	Kiểm tra trạng thái ổ hotspare Inuse/Standby, array, logical drive...
6	Kiểm tra tình hình sử dụng tài nguyên đĩa cứng, filesystem, cấu hình mạng Ethernet và Fibre Channel.....
7	Kiểm tra, đọc log hệ thống, ghi nhận các vấn đề trong log (chuyển thông tin cho đội vận hành, quản trị, xử lý sự cố hệ thống).

8	Gửi thông tin checklist hệ thống, gửi các thông tin cần hỗ trợ kiểm tra sự cố hoặc cảnh báo tới đội quản trị hệ thống.
9	Kiểm tra trạng thái thiết bị trong tủ Rack: kiểm tra kết nối quang, kết nối mạng, kiểm tra nguồn, đèn cảnh báo, quạt, màn hình cảnh báo, các module...
10	Kiểm tra trạng thái hoạt động của thiết bị vật lý, kiểm tra phần cứng thông qua giao diện quản trị phần cứng hệ thống...
11	Phối hợp kiểm tra các sự cố liên quan phần cứng thiết bị như: Main, nguồn, quạt, RAM, CPU, tranceiver...
A2	Giám sát vận hành máy chủ Backup
1	Kết nối kiểm tra trực tiếp (RDP, telnet, ssh...) tình trạng hoạt động hệ thống (treo, chậm, không kết nối...)
2	Kiểm tra hiệu năng RAM, CPU, ngày giờ hệ thống so với máy chủ thời gian (time server).
3	Kiểm tra tình hình sử dụng tài nguyên đĩa cứng, filesystem, mountpoint, inodes, cấu hình mạng...
4	Kiểm tra, đọc log hệ thống, ghi nhận các vấn đề trong log (chuyển thông tin cho đội vận hành, quản trị, xử lý cố hệ thống).
5	Kiểm tra trạng thái thiết bị trong tủ Rack: kiểm tra kết nối quang, kết nối mạng, kiểm tra nguồn, đèn cảnh báo, quạt, màn hình cảnh báo, các module...
6	Kiểm tra trạng thái hoạt động của máy chủ vật lý, kiểm tra phần cứng thông qua giao diện quản trị phần cứng hệ thống...
7	Kiểm tra trạng thái, backup job, job status.
8	Kiểm tra kết nối giữa máy chủ Backup và Tape.
9	Gửi thông tin checklist hệ thống (email hoặc chat hoặc các phương tiện di động...), gửi các thông tin cần hỗ trợ kiểm tra sự cố hoặc cảnh báo tới đội quản trị hệ thống.
A3	Giám sát vận hành Tape

1	Kiểm tra trạng thái của tủ Tape
2	Kiểm tra ngày giờ hệ thống so với máy chủ thời gian (time server).
3	Kết nối kiểm tra trực tiếp (http, https...) tình trạng hoạt động hệ thống (treo, chậm, không kết nối...).
4	Kiểm tra Số lượng Tape
5	Kiểm tra trạng thái Tape drive, Robostic
6	Kiểm tra tình hình sử dụng tài nguyên Tape, cấu hình mạng MGMT và Fibre Channel.....
7	Kiểm tra, đọc log hệ thống, ghi nhận các vấn đề trong log (chuyên thông tin cho đội vận hành, quản trị, xử lý cố hệ thống).
8	Gửi thông tin checklist hệ thống, gửi các thông tin cần hỗ trợ kiểm tra sự cố hoặc cảnh báo tới đội quản trị hệ thống.
9	Kiểm tra trạng thái thiết bị trong tủ Rack: kiểm tra kết nối quang, kết nối mạng, kiểm tra nguồn, đèn cảnh báo, quạt, màn hình cảnh báo, các module...
10	Kiểm tra trạng thái hoạt động của thiết bị vật lý, kiểm tra phần cứng thông qua giao diện quản trị phần cứng hệ thống...
11	Phối hợp kiểm tra các sự cố liên quan phần cứng thiết bị như: Main, nguồn, cable, drive, robostic, transceiver...
B	Quản trị hệ thống, xử lý sự cố hạ tầng hệ thống lưu trữ & sao lưu dữ liệu
B1	Quản trị hệ thống, xử lý sự cố hạ tầng hệ thống SAN storage, SAN Switch
1	Phân tích log hệ thống, tìm hiểu xác định các vấn đề ghi nhận trong log.
2	Tắt bật hệ thống

3	Cấp phát công kết nối trên SAN Switch hoặc phối hợp cắm thiết bị lên SAN Switch và kiểm tra trạng thái kết nối fc từ SAN SW đến máy chủ cần cấp dung lượng
	Kiểm tra cấu hình, trạng thái hoạt động:
4	<ul style="list-style-type: none"> - Dung lượng cấu hình/Tổng Dung lượng - Số lượng host/Số mapping/Số partition đã dùng/Tổng Số partition - Dung lượng chưa cấu hình - Cấu hình dung lượng trên một tủ đĩa (dung lượng cấp phát, dung lượng sử dụng, dung lượng còn trống...). - Trạng thái đèn: Need Attention LED: OFF
	Kiểm tra cấu hình cấp phát:
5	<ul style="list-style-type: none"> - Quy hoạch các tủ đĩa/nguyên tắc cấp phát trên các tủ đĩa. - Cấp phát công kết nối trên SAN Switch hoặc phối hợp cắm thiết bị lên SAN Switch và Kiểm tra trạng thái kết nối fc từ SAN SW đến máy chủ cần cấp Dung lượng
6	Thực hiện Tạo/Gán/Thu hồi volume (export/present, map/unmap) đến host/host set/host connect trên tủ đĩa lưu trữ, kiểm tra số path đến host/host set/host connect sau khi gán
7	Thực hiện cấu hình về kết nối của một mạng SAN/zoning của một mạng SAN
8	Thực hiện thêm/sửa/xóa bỏ thành phần trong mạng SAN: Zone / Zone config / alias ...
9	Thực hiện tạo Pool/CPG/array trên tủ lưu trữ
10	Thực hiện tăng dung lượng volume trên tủ đĩa/chỉnh sửa volume
11	Thực hiện điều chuyển volume giữa các Tier hoặc thực hiện điều chỉnh cấu hình volume (enable/disable compression, deduplication)
12	Cấu hình các thiết lập về đồng bộ thời gian (NTP Service) trên thiết bị lưu trữ/SAN Switch.
13	Thực hiện cài đặt phần mềm/công cụ quản trị tủ đĩa/ SAN Switch
14	Thực hiện bật/tắt tủ đĩa hoặc SAN Switch

15	Phối hợp kiểm tra xác định và xử lý sự cố mất kết nối mà nguyên nhân do lỗi phần cứng thiết bị hoặc hạ tầng như: lỗi cáp nhảy/ lỗi module/lỗi hệ thống ...
16	Phối hợp kiểm tra xác định và xử lý trực tiếp sự cố của thiết bị không hoạt động được.
17	Kiểm tra tìm hiểu nguyên nhân, đề xuất xử lý và khắc phục các vấn đề phát sinh của hệ thống hoặc các vấn đề do các cán bộ nhóm checklist gửi lên. Đưa ra các giải pháp kỹ thuật khả thi và đề xuất thực hiện xử lý lỗi đảm bảo an toàn dữ liệu hệ thống.
18	Khắc phục xử lý lỗi kết nối, lỗi đĩa cứng, sự cố mạng của tủ đĩa và San Switch...
19	Thực hiện khắc phục sự cố liên quan đến SAN Switch (cảnh báo errportshow, port bị đèn vàng....)
20	Thực hiện khắc phục sự cố liên quan đến tủ đĩa (các cảnh báo liên quan đến các lịch chạy tiering, Compact CPG, CRC error...) hoặc sự cố liên quan đến Service Processor
21	Tổng hợp thông tin hiệu năng của hệ thống tủ đĩa lưu trữ (định kỳ hoặc theo yêu cầu)
22	Cập nhật thông tin các lỗi hệ thống và tình hình hỗ trợ khắc phục sự cố hệ thống.
23	Phối hợp trong các công việc kiểm tra, bảo hành, thay thế thiết bị (phối hợp với hãng và các nhà thầu bảo hành)
24	Phối hợp triển khai chuyển đổi vị trí thiết bị trong hạ tầng TTDL: tháo lắp chuyển đổi vị trí thiết bị, cắm lại nguồn và đi dây mạng, dây quang cho vị trí mới....
25	Xây dựng, cập nhật tài liệu phục vụ quản lý: + Rack layout, vị trí thiết bị, vị trí thiết bị trong các tủ Rack, nhãn quản lý tủ RACK, nhãn quản lý thiết bị, nhãn quản lý dây kết nối SAN và LAN... + Thông tin các thiết bị, hồ sơ nâng cấp thiết bị, quản lý thiết bị bảo hành, ghi nhật ký bảo hành: Số hợp đồng, Serial Number, Model, tên thiết bị, số lượng...
26	+ Xây dựng, rà soát cập nhật tài liệu thiết kế (thông số hệ thống)/ tài liệu quản trị cấu hình hệ thống thiết bị : Thông tin tên/mã/model/system type thiết bị, hostname, địa chỉ IP, OS version, trạng thái, thông tin cấu hình, thông số tủ đĩa, thông số San switch, số lượng công SAN và kết nối, số lượng LUN cấp phát, số lượng công Eth và kết nối... + Cập nhật tài liệu checklist hệ thống lưu trữ (nếu cần).

B2	<i>Quản trị hệ thống, xử lý sự cố hạ tầng máy chủ Backup</i>
1	Khi hệ thống gặp sự cố, phân tích log hệ thống, tìm hiểu xác định các vấn đề ghi nhận trong log.
2	Thực hiện tạo/sửa (read/write/execute)/xóa user/group.
3	Thực hiện thay đổi cấu hình network card, Bonding, NIC Teaming
4	Rà soát, đánh giá, thực hiện thay đổi mật khẩu quản trị định kỳ cho máy chủ ảo hóa.
5	Thực hiện cài đặt các hotfix Windows... cho máy chủ định kỳ hoặc khi có yêu cầu
6	Thực hiện thêm/chỉnh sửa/xóa regedit trên máy chủ
7	Thực hiện cài đặt Role/Feature trên một máy chủ
8	Thực hiện cài đặt/cấu hình cluster windows
9	Thực hiện thêm/sửa/xóa user permission trên service.msc
10	Thực hiện cấu hình thay đổi phiên remote đồng thời trên máy chủ
11	Rà soát, đánh giá tài nguyên máy chủ của hạ tầng kỹ thuật cho một ứng dụng và đề xuất thay đổi (nếu cần).
12	Điều chỉnh tài nguyên hệ thống máy chủ của một ứng dụng (bổ sung tài nguyên /thu hồi tài nguyên không sử dụng).
13	Tắt bật lại hệ thống.
14	Kiểm tra tìm hiểu nguyên nhân, đề xuất xử lý và khắc phục các vấn đề phát sinh của hệ thống hoặc các vấn đề do các cán bộ nhóm checklist gửi lên. Đưa ra các giải pháp kỹ thuật khả thi và đề xuất thực hiện xử lý lỗi đảm bảo an toàn dữ liệu hệ thống.

15	Xử lý các sự cố liên quan của hệ thống máy chủ, ảo hóa về sử dụng tài nguyên : CPU , RAM, disk, path, filesystem, mountpoint, inode, network ...)
16	Xử lý sự cố không remote được tới server
17	Xử lý sự cố không share thư mục hoặc share thiếu quyền
18	Xử lý sự cố máy chủ mất kết nối
19	Xử lý sự cố hệ điều hành
20	Xử lý sự cố sai thời gian trên host/ server
21	Xử lý sự cố dung lượng ổ cứng đầy
22	Xử lý sự cố các thành phần mặc định trên server (task schedule/windows backup/ firewall/role/control panel)
23	Xử lý sự cố update windows (không update được/ update bị restart liên tục/ không download được hotfix từ wsus)
24	Xử lý sự cố IIS Web service
25	Xử lý sự cố Server Manager (start/edit/ config/hiển thị)
26	Xử lý sự cố không truy cập/config/edit Event log/MMC/Compmgmt
27	Xử lý sự cố liên quan đến mật khẩu/ password máy chủ
28	Xử lý sự cố liên quan PowerShell/cmd
29	Xử lý sự cố bị treo, không nhận tín hiệu từ các thiết bị đầu vào của máy chủ

30	Xử lý sự cố start/stop service
31	Xử lý sự cố profile người dùng trên máy chủ
32	Xử lý sự cố truy cập terminal (không login được/không copy file/đầy profile người dùng...)
33	Cài đặt, nâng cấp các bản vá bảo mật trên máy chủ theo yêu cầu/ đề xuất của hãng hoặc của các đơn vị tư vấn bảo mật. Đưa ra các khuyến nghị/ rủi ro khi cài đặt nâng cấp.
34	Khắc phục sự cố và sửa lỗi backup agent, backup VM
35	Khắc phục sự cố và sửa lỗi backup job không thành công
36	Khắc phục sự cố và sửa lỗi kết nối tới server
37	Khắc phục sự cố và sửa lỗi ghi dữ liệu lên tape
38	Hỗ trợ chạy cleaning tape làm sạch đầu ghi
39	Kiểm tra xác định lỗi tape và đầu ghi
40	Tạo tạo và cấu hình các backup schedule daily và monthly
41	Tư vấn cải thiện kế hoạch backup dữ liệu
42	Lập báo cáo ghi nhận thông tin các lỗi hệ thống và tình hình hỗ trợ khắc phục sự cố hệ thống (theo định kỳ mỗi 3 tháng).
B3	<i>Quản trị hệ thống, xử lý sự cố hạ tầng Tape</i>
1	Khi hệ thống gặp sự cố, phân tích log hệ thống, tìm hiểu xác định các vấn đề ghi nhận trong log.

2	Thực hiện quản lý account
3	Thực hiện thay đổi cấu hình FC card
4	Thực hiện update Firmware cho TAPE, Drive định kỳ hoặc khi có yêu cầu
5	Xử lý sự cố lỗi liên kết đến Server
6	Xử lý các sự cố đọc ghi trên Tape, kiểm tra xác định lỗi tape và đầu ghi
7	Tắt bật lại hệ thống.
8	Thực hiện chạy cleaning tape làm sạch đầu ghi
9	Tư vấn cải thiện kế hoạch backup dữ liệu, xoay vòng ghi Tape
10	Lập báo cáo ghi nhận thông tin các lỗi hệ thống và tình hình hỗ trợ khác phục sự cố hệ thống (theo định kỳ mỗi 3 tháng).

Phần thứ ba. ĐIỀU KIỆN HỢP ĐỒNG VÀ BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG

Chương VI. ĐIỀU KIỆN CHUNG CỦA HỢP ĐỒNG

1. Định nghĩa	<p>Trong hợp đồng này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:</p> <p>1.1. “Chủ đầu tư” là tổ chức được quy định tại ĐKCT;</p> <p>1.2. “Hợp đồng” là thỏa thuận giữa Chủ đầu tư và Nhà thầu, thể hiện bằng văn bản, được hai bên ký kết, bao gồm cả phụ lục và tài liệu kèm theo;</p> <p>1.3. “Nhà thầu” là Nhà thầu trúng thầu (có thể là Nhà thầu độc lập hoặc liên danh) và được quy định tại ĐKCT;</p> <p>1.4. “Nhà thầu phụ” là một cá nhân hay tổ chức ký Hợp đồng với nhà thầu chính để thực hiện một phần công việc trong Hợp đồng;</p> <p>1.5. “Tài liệu Hợp đồng” nghĩa là các tài liệu được liệt kê trong Hợp đồng, bao gồm bất kỳ bản sửa đổi, bổ sung nào của Hợp đồng;</p> <p>1.6. “Giá hợp đồng” là tổng số tiền ghi trong hợp đồng cho việc cung cấp dịch vụ. Giá hợp đồng đã bao gồm tất cả các chi phí về thuế, phí, lệ phí (nếu có);</p> <p>1.7. “Ngày” là ngày dương lịch; tháng là tháng dương lịch;</p> <p>1.8. “Dịch vụ phi tư vấn” bao gồm một hoặc một số hoạt động: logistics, bảo hiểm, quảng cáo, lắp đặt, nghiệm thu chạy thử, tổ chức đào tạo, bảo trì, bảo dưỡng, vẽ bản đồ và hoạt động khác không phải là dịch vụ tư vấn;</p> <p>1.9. “Hoàn thành” là việc Nhà thầu hoàn tất các nội dung công việc theo các điều khoản và điều kiện quy định tại Hợp đồng và được Chủ đầu tư chấp thuận;</p> <p>1.10. “Địa điểm cung cấp dịch vụ” là địa điểm được quy định tại ĐKCT;</p> <p>1.11. “Bên” là Chủ đầu tư hoặc Nhà thầu, tùy từng trường hợp.</p>
2. Thứ tự ưu tiên	<p>Các tài liệu cấu thành hợp đồng được sắp xếp theo thứ tự ưu tiên sau đây:</p> <p>2.1. Hợp đồng, kèm theo các phụ lục hợp đồng;</p> <p>2.2. Thư chấp thuận HSDT và trao hợp đồng;</p> <p>2.3. Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu;</p> <p>2.4. ĐKCT;</p> <p>2.5. ĐKC;</p> <p>2.6. HSDT và các văn bản làm rõ HSDT của Nhà thầu;</p> <p>2.7. HSMT và các tài liệu sửa đổi HSMT (nếu có);</p> <p>2.8. Các tài liệu khác quy định tại ĐKCT.</p>
3. Luật và ngôn ngữ	<p>3.1. Luật điều chỉnh hợp đồng là luật Việt Nam;</p> <p>3.2. Ngôn ngữ của hợp đồng là tiếng Việt.</p>
4. Ủy	<p>Trừ khi có quy định khác nêu tại ĐKCT, Chủ đầu tư có thể ủy quyền thực</p>

quyền	hiện bất kỳ trách nhiệm nào của mình cho người khác, sau khi thông báo bằng văn bản cho Nhà thầu và có thể rút lại quyết định ủy quyền sau khi đã thông báo bằng văn bản cho Nhà thầu.
5. Thông báo	<p>5.1. Bất cứ thông báo nào của một bên gửi cho bên kia liên quan đến hợp đồng phải được thể hiện bằng văn bản, theo địa chỉ quy định tại ĐKCT.</p> <p>5.2. Thông báo của một bên sẽ được coi là có hiệu lực kể từ ngày bên kia nhận được hoặc theo ngày hiệu lực nêu trong thông báo, tùy theo ngày nào đến muộn hơn.</p>
6. Nhà thầu phụ	<p>6.1. Nhà thầu được ký kết hợp đồng với các nhà thầu phụ để thực hiện một phần công việc nêu trong HSDT, Việc sử dụng nhà thầu phụ sẽ không làm thay đổi các nghĩa vụ của Nhà thầu. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm trước Chủ đầu tư về khối lượng, chất lượng, tiến độ và các nghĩa vụ khác đối với phần việc do nhà thầu phụ thực hiện.</p> <p>6.2. Việc sử dụng, thay thế nhà thầu phụ phải được thông báo và được sự chấp thuận của Chủ đầu tư.</p> <p>6.3. Yêu cầu khác về nhà thầu phụ quy định tại ĐKCT.</p>
7. Giải quyết tranh chấp	<p>7.1. Chủ đầu tư và Nhà thầu có trách nhiệm giải quyết các tranh chấp phát sinh giữa hai bên thông qua thương lượng, hòa giải.</p> <p>7.2. Nếu tranh chấp không thể giải quyết được bằng thương lượng, hòa giải trong thời gian quy định quy định tại ĐKCT kể từ ngày phát sinh tranh chấp thì bất kỳ bên nào cũng đều có thể yêu cầu đưa việc tranh chấp ra giải quyết theo cơ chế được quy định tại ĐKCT.</p>
8. Phạm vi cung cấp	Dịch vụ phi tư vấn phải được cung cấp theo quy định tại Chương V - Phạm vi cung cấp được đính kèm thành Phụ lục và là một bộ phận không tách rời của hợp đồng này, bao gồm các loại dịch vụ mà Nhà thầu phải cung cấp và đơn giá của các loại dịch vụ đó.
9. Tiến độ cung cấp dịch vụ phi tư vấn	Tiến độ cung cấp dịch vụ phi tư vấn và thời gian dự kiến hoàn thành phải được thực hiện theo quy định tại Mục 1 Chương V - Phạm vi cung cấp.
10. Trách nhiệm của Nhà thầu	Nhà thầu phải cung cấp dịch vụ phi tư vấn trong phạm vi cung cấp quy định tại Mục 8 ĐKC và theo tiến độ cung cấp dịch vụ phi tư vấn và lịch hoàn thành quy định tại Mục 9 ĐKC.
11. Loại hợp đồng và giá hợp đồng	<p>11.1. Loại hợp đồng theo quy định tại ĐKCT.</p> <p>11.2. Giá hợp đồng được ghi tại ĐKCT là toàn bộ chi phí để thực hiện hoàn thành việc cung cấp dịch vụ phi tư vấn của gói thầu nêu trong Bảng giá hợp đồng trên cơ sở bảo đảm tiến độ, chất lượng theo đúng yêu cầu của gói thầu. Giá hợp đồng đã bao gồm toàn bộ các chi phí về thuế, phí, lệ phí (nếu có).</p> <p>11.3. Bảng giá hợp đồng quy định tại Phụ lục bảng giá hợp đồng là một bộ phận không tách rời của hợp đồng này, bao gồm phạm vi cung cấp và thành tiền của các hạng mục.</p>
12. Điều	Việc điều chỉnh giá hợp đồng thực hiện theo quy định tại ĐKCT .

chỉnh giá hợp đồng	
13. Điều chỉnh thuế	Việc điều chỉnh thuế thực hiện theo quy định tại ĐKCT .
14. Tạm ứng	<p>14.1. Chủ đầu tư phải cấp cho Nhà thầu khoản tiền tạm ứng theo quy định tại ĐKCT, sau khi Nhà thầu nộp Bảo lãnh tạm ứng tương đương với khoản tiền tạm ứng. Bảo lãnh tạm ứng phải được phát hành bởi một ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam và có hiệu lực cho đến khi hoàn trả hết khoản tiền tạm ứng; giá trị của bảo lãnh tạm ứng sẽ được giảm dần theo số tiền tạm ứng mà Nhà thầu hoàn trả. Không tính lãi đối với tiền tạm ứng.</p> <p>14.2. Nhà thầu chỉ được sử dụng tiền tạm ứng cho việc thực hiện Hợp đồng. Nhà thầu phải chứng minh rằng khoản tiền tạm ứng đã được sử dụng đúng mục đích, đúng đối tượng bằng cách nộp bản sao các hóa đơn chứng từ hoặc tài liệu liên quan cho Chủ đầu tư. Nhà thầu sẽ bị thu bảo lãnh tạm ứng trong trường hợp sử dụng tiền tạm ứng không đúng mục đích.</p> <p>14.3. Tiền tạm ứng phải được hoàn trả bằng cách khấu trừ một tỷ lệ nhất định trong các khoản thanh toán đến hạn cho Nhà thầu, theo bảng kê tỷ lệ phần trăm công việc đã hoàn thành làm cơ sở thanh toán.</p>
15. Thanh toán	<p>15.1. Việc thanh toán thực hiện theo quy định tại ĐKCT. Trường hợp Chủ đầu tư thanh toán chậm, Nhà thầu sẽ được trả lãi trên số tiền thanh toán chậm vào lần thanh toán kế tiếp. Lãi suất thanh toán chậm được tính từ ngày mà lẽ ra phải thanh toán cho đến ngày thanh toán thực tế và mức lãi suất áp dụng là mức lãi suất hiện hành đối với các khoản vay thương mại bằng VND.</p> <p>15.2. Đồng tiền thanh toán là: VND.</p> <p>15.3. Việc giảm trừ thanh toán trên cơ sở chất lượng dịch vụ thực hiện theo quy định tại ĐKCT.</p>
16. Sử dụng các tài liệu và thông tin liên quan đến hợp đồng	<p>16.1. Nếu không có sự đồng ý trước bằng văn bản của Chủ đầu tư, Nhà thầu không được tiết lộ nội dung của hợp đồng cho bất cứ ai không phải là người có liên quan đến việc thực hiện hợp đồng. Việc Nhà thầu cung cấp các thông tin cho người có liên quan đến việc thực hiện hợp đồng được thực hiện theo chế độ bảo mật và trong phạm vi cần thiết cho việc thực hiện hợp đồng này.</p> <p>16.2. Các tài liệu, thông tin là sản phẩm của dịch vụ phi tư vấn trong khuôn khổ Hợp đồng thuộc quyền sở hữu của Chủ đầu tư. Nhà thầu có thể giữ lại bản sao của các tài liệu và thông tin này nhưng không được sử dụng vào mục đích khác nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Chủ đầu tư.</p> <p>16.3. Một Bên (“Bên tiếp nhận thông tin”) cam kết bảo mật nội dung hợp đồng cùng toàn bộ các thông tin, tài liệu của Bên còn lại mà Bên tiếp nhận thông tin nhận được hoặc biết được trong quá trình thực hiện hợp đồng này.</p>
17. Phạt và Bồi thường thiệt hại	17.1. Trừ trường hợp bất khả kháng theo quy định tại Mục 18 ĐKC, nếu Nhà thầu không thực hiện một phần hay toàn bộ nội dung công việc theo hợp đồng trong thời hạn đã nêu trong hợp đồng thì Chủ đầu tư có thể khấu trừ vào giá hợp đồng một khoản tiền bồi thường quy cho mỗi ngày chậm thực hiện hoặc khoảng thời gian khác như thỏa thuận cho đến khi nội dung công

	<p>việc đó được thực hiện như quy định tại ĐKCT. Chủ đầu tư sẽ khấu trừ đến % tối đa như quy định tại ĐKCT. Khi đạt đến mức tối đa, Chủ đầu tư có thể xem xét chấm dứt hợp đồng theo quy định tại Mục 21 ĐKC.</p> <p>17.2. Trường hợp không kịp thời khắc phục sai sót theo thông báo của Chủ đầu tư, Nhà thầu có trách nhiệm nộp tiền phạt thực hiện hợp đồng tương ứng với % chi phí cần thiết để khắc phục sai sót như quy định tại ĐKCT.</p>
18. Bất khả kháng	<p>18.1. Trong hợp đồng này, bất khả kháng được hiểu là những sự kiện nằm ngoài tầm kiểm soát và khả năng lường trước của các bên, chẳng hạn như: chiến tranh, bạo loạn, đình công, hỏa hoạn, thiên tai, lũ lụt, dịch bệnh, cách ly do kiểm dịch.</p> <p>18.2. Khi xảy ra trường hợp bất khả kháng, bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng phải kịp thời thông báo bằng văn bản cho bên kia về sự kiện đó và nguyên nhân gây ra sự kiện. Đồng thời, chuyển cho bên kia giấy xác nhận về sự kiện bất khả kháng đó được cấp bởi một tổ chức có thẩm quyền tại nơi xảy ra sự kiện bất khả kháng.</p> <p>Trong khoảng thời gian không thể thực hiện hợp đồng do điều kiện bất khả kháng, Nhà thầu theo hướng dẫn của Chủ đầu tư vẫn phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ hợp đồng của mình theo hoàn cảnh thực tế cho phép và phải tìm mọi biện pháp hợp lý để thực hiện các phần việc không bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng. Trong trường hợp này, Chủ đầu tư phải xem xét để bồi hoàn cho Nhà thầu các khoản phụ phí cần thiết và hợp lý mà họ phải gánh chịu.</p> <p>18.3. Một bên không hoàn thành nhiệm vụ của mình do trường hợp bất khả kháng sẽ không phải bồi thường thiệt hại, bị phạt hoặc bị chấm dứt hợp đồng.</p> <p>Trường hợp phát sinh tranh chấp giữa các bên do sự kiện bất khả kháng xảy ra hoặc kéo dài thì tranh chấp sẽ được giải quyết theo quy định tại Mục 7 ĐKC.</p>
19. Hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng	<p>19.1. Việc hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng có thể được thực hiện trong các trường hợp sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> Bổ sung hạng mục công việc cần thiết ngoài phạm vi công việc quy định trong hợp đồng; Thay đổi thời gian thực hiện hợp đồng; Các nội dung khác quy định tại ĐKCT. <p>19.2. Chủ đầu tư và Nhà thầu sẽ tiến hành thương thảo để làm cơ sở ký kết phụ lục bổ sung hợp đồng trong trường hợp hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng.</p>
20. Điều chỉnh tiến độ thực hiện hợp đồng	<p>Tiến độ thực hiện hợp đồng chỉ được điều chỉnh trong trường hợp sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> Trường hợp bất khả kháng, không liên quan đến vi phạm hoặc sơ suất của các bên tham gia hợp đồng; Thay đổi phạm vi cung cấp, biện pháp cung cấp do yêu cầu khách quan làm ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện hợp đồng; Trường hợp điều chỉnh tiến độ thực hiện hợp đồng mà không làm kéo dài tiến độ hoàn thành dự án thì các bên tham gia hợp đồng thỏa thuận, thống

	<p>nhất việc điều chỉnh. Trường hợp điều chỉnh tiến độ thực hiện hợp đồng làm kéo dài tiến độ hoàn thành dự án thì phải báo cáo người có thẩm quyền xem xét, quyết định;</p> <p>20.4. Các trường hợp khác quy định tại ĐKCT.</p>
21. Chấm dứt hợp đồng	<p>21.1. Chủ đầu tư hoặc Nhà thầu có thể chấm dứt hợp đồng nếu một trong hai bên có vi phạm cơ bản về hợp đồng như sau:</p> <p>a) Nhà thầu không thực hiện một phần hoặc toàn bộ nội dung công việc theo hợp đồng trong thời hạn đã nêu trong hợp đồng hoặc trong khoảng thời gian đã được Chủ đầu tư gia hạn;</p> <p>b) Chủ đầu tư hoặc Nhà thầu bị phá sản hoặc phải thanh lý tài sản để tái cơ cấu hoặc sáp nhập;</p> <p>c) Có bằng chứng cho thấy Nhà thầu đã vi phạm một trong các hành vi bị cấm quy định tại HSMT thầu trong quá trình đấu thầu hoặc thực hiện Hợp đồng;</p> <p>d) Các hành vi khác quy định tại ĐKCT.</p> <p>21.2. Trong trường hợp Chủ đầu tư chấm dứt việc thực hiện một phần hay toàn bộ hợp đồng theo điểm a Mục 21.1 ĐKC, Chủ đầu tư có thể ký hợp đồng với nhà thầu khác để thực hiện phần hợp đồng bị chấm dứt đó. Nhà thầu sẽ chịu trách nhiệm bồi thường cho Chủ đầu tư những chi phí vượt trội cho việc thực hiện phần hợp đồng bị chấm dứt này. Tuy nhiên, Nhà thầu vẫn phải tiếp tục thực hiện phần hợp đồng không bị chấm dứt và chịu trách nhiệm đối với phần hợp đồng do mình thực hiện.</p> <p>21.3. Trong trường hợp Chủ đầu tư chấm dứt hợp đồng theo điểm b Mục 21.1 ĐKC, Chủ đầu tư không phải chịu bất cứ chi phí đền bù nào, Việc chấm dứt hợp đồng này không làm mất đi quyền lợi của Chủ đầu tư được hưởng theo quy định của hợp đồng và pháp luật.</p>
22. Phát hiện sai sót, khắc phục sai sót và Phạt thực hiện hợp đồng	<p>22.1. Chủ đầu tư thực hiện đánh giá chất lượng dịch vụ phi tư vấn theo nguyên tắc và cách thức như quy định tại ĐKCT. Chủ đầu tư có thể hướng dẫn Nhà thầu đánh giá và phát hiện sai sót, kiểm tra nội dung công việc mà Chủ đầu tư cho rằng có thể có sai sót. Thời hạn trách nhiệm đối với sai sót được quy định tại ĐKCT.</p> <p>22.2. Trường hợp phát sinh sai sót trong quá trình Nhà thầu cung cấp dịch vụ phi tư vấn, trước khi kết thúc hợp đồng, Chủ đầu tư thông báo cho Nhà thầu về các sai sót cần khắc phục.</p> <p>Khi nhận được thông báo của Chủ đầu tư, Nhà thầu có trách nhiệm kịp thời khắc phục sai sót trong khoảng thời gian hợp lý mà Chủ đầu tư quy định trong thông báo. Trường hợp Nhà thầu không khắc phục xong sai sót trong khoảng thời gian cho phép, Chủ đầu tư sẽ đánh giá chi phí cần thiết để khắc phục sai sót và yêu cầu Nhà thầu thanh toán, đồng thời phạt thực hiện hợp đồng đối với Nhà thầu như quy định tại Mục 17.</p>
23. Nhân sự	<p>23.1. Nhà thầu phải huy động tất cả nhân sự như đã đề xuất trong HSDT để thực hiện các nội dung công việc trừ trường hợp Chủ đầu tư có thỏa thuận khác. Trường hợp cần thiết phải thay đổi nhân sự thì Nhà thầu phải báo cáo</p>

và được sự chấp thuận của Chủ đầu tư. Nhân sự thay thế phải có năng lực, kinh nghiệm tương đương hoặc tốt hơn so với nhân sự đã đề xuất trước đó.

23.2. Trường hợp nhân sự mất năng lực hành vi dân sự hoặc không hoàn thành tốt công việc của mình thì Chủ đầu tư có văn bản yêu cầu thay thế. Khi nhận được văn bản yêu cầu thay thế nhân sự của Chủ đầu tư, trong thời gian quy định tại ĐKCT, Nhà thầu phải thực hiện thay thế nhân sự có năng lực và kinh nghiệm tương đương hoặc tốt hơn. Trừ trường hợp có thỏa thuận khác, mọi chi phí phát sinh do thay đổi nhân sự do Nhà thầu chịu.

Chương VII. ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG

Trừ khi có quy định khác, toàn bộ **ĐKCT** phải được Bên mời thầu ghi đầy đủ trước khi phát hành HSMT.

ĐKC 1.1	Chủ đầu tư là: Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Hệ thống đấu thầu qua mạng quốc gia
ĐKC 1.3	Nhà thầu: ___[ghi tên Nhà thầu trúng thầu].
ĐKC 1.10	Địa điểm cung cấp dịch vụ là: Hà Nội.
ĐKC 2.8	Các tài liệu sau đây cũng là một phần của Hợp đồng: <ul style="list-style-type: none">• Biên bản thương thảo.
ĐKC 4	Chủ đầu tư không thể ủy quyền các nghĩa vụ và trách nhiệm của mình cho người khác.
ĐKC 5.1	Các thông báo cần gửi về Chủ đầu tư theo địa chỉ dưới đây: Người nhận: Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Hệ thống đấu thầu qua mạng quốc gia Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp VIT TOWER, Số 519, Phố Kim Mã, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội. Điện thoại: 0243.7950.338 Địa chỉ email: contact@idnes.onmicrosoft.com
ĐKC 6.3	Nêu các yêu cầu cần thiết khác về nhà thầu phụ: không áp dụng.
ĐKC 7.2	- Thời gian để tiến hành hòa giải: trong vòng 15 ngày kể từ ngày phát sinh tranh chấp. - Giải quyết tranh chấp: Nếu tranh chấp không thể giải quyết được bằng thương lượng, hòa giải trong thời gian 15 ngày kể từ ngày phát sinh tranh chấp thì bất kỳ bên nào cũng đều có thể yêu cầu đưa việc tranh chấp ra giải quyết tại tòa án thành phố Hà Nội. Các điều kiện về giải quyết tranh chấp có thể đàm phán lại trong quá trình thương thảo.
ĐKC 11.1	Loại hợp đồng: hợp đồng trọn gói.
ĐKC 11.2	Giá hợp đồng: ___[ghi giá hợp đồng theo giá trị nêu trong Thư chấp thuận HSDT và trao hợp đồng].
ĐKC 12	Điều chỉnh giá hợp đồng: Trong quá trình thực hiện hợp đồng, hai bên thống nhất điều chỉnh bổ sung thông qua các phụ lục điều chỉnh. Mọi sự điều chỉnh phát sinh phải có sự đồng ý của 2 bên bằng văn bản. Các phụ lục điều chỉnh là một phần không thể tách rời của hợp đồng. Các điều khoản trong hợp đồng nếu không điều chỉnh trong các phụ lục thì giữ nguyên giá trị trong thời gian thực hiện hợp đồng.
ĐKC 13	Điều chỉnh thuế: được phép Trong quá trình thực hiện hợp đồng, trường hợp tại thời điểm thanh toán nếu chính sách về thuế có sự thay đổi (tăng hoặc giảm) và trong hợp đồng

	có quy định được điều chỉnh thuế, đồng thời Nhà thầu xuất trình được các tài liệu xác định rõ số thuế phát sinh thì khoản chênh lệch của chính sách về thuế sẽ được điều chỉnh theo quy định trong hợp đồng.
ĐKC 14.1	Tạm ứng: Không áp dụng.
ĐKC 15.1	<p>Phương thức thanh toán:</p> <p>1. Hình thức thanh toán: Thanh toán bằng chuyển khoản.</p> <p>2. Thanh toán: Chủ đầu tư thanh toán định kỳ cho nhà thầu theo lịch trình 3 tháng/lần vào cuối kỳ tương ứng với đơn giá thuê dịch vụ được quy định trong hợp đồng, trong vòng 30 ngày kể từ ngày Chủ đầu tư nhận được bộ hồ sơ đầy đủ và hợp lệ bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Giấy đề nghị thanh toán (01 bản gốc); • Hóa đơn tài chính (01 bản gốc); • Báo cáo định kỳ đợt thanh toán (02 bản gốc); • Biên bản nghiệm thu khối lượng dịch vụ trong đợt thanh toán đã thực hiện (03 bản gốc). <p>Trong lần đề nghị thanh toán đầu tiên, nhà thầu cần cung cấp thêm:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Biên bản nghiệm thu triển khai cài đặt, tích hợp: (03 bản gốc) <p>Trong lần đề nghị thanh toán cuối cùng, nhà thầu phải cung cấp bổ sung:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Biên bản thanh lý hợp đồng: (03 bản gốc) <p>Các điều kiện về thanh toán có thể đàm phán lại trong quá trình thương thảo.</p>
ĐKC 15.3	Giảm trừ thanh toán: Không áp dụng
ĐKC 17.1	Thông nhất khi thương thảo hợp đồng
ĐKC 17.2	Thông nhất khi thương thảo hợp đồng
ĐKC 19.1(c)	Các nội dung khác về hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng: Căn cứ vào tình hình thực tế Chủ đầu tư và Nhà thầu sẽ tiến hành thương thảo để làm cơ sở ký kết phụ lục bổ sung hợp đồng trong trường hợp hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng.
ĐKC 20.4	Các trường hợp khác: Không quy định
ĐKC 21.1(d)	Các hành vi khác: Nhà thầu vi phạm bất kỳ nghĩa vụ nào quy định tại hợp đồng này mà không thực hiện khắc phục hoặc không có khả năng khắc phục theo yêu cầu của Chủ đầu tư thì Chủ đầu tư sẽ chấm dứt hợp đồng giữa hai bên.
ĐKC 22.1	<p>Chủ đầu tư thực hiện đánh giá chất lượng dịch vụ phi tư vấn theo nguyên tắc và cách thức như sau:</p> <p>+ Nguyên tắc: Nhà thầu phải cung cấp dịch vụ đáp ứng những yêu cầu quy định tại Hợp đồng, HSMT, HSDT và các văn bản khác liên quan.</p> <p>+ Cách thức: Chủ đầu tư sẽ có đại diện thực hiện theo dõi, giám sát và đánh giá việc thực hiện dịch vụ của Nhà thầu. Việc các nhận chất lượng dịch vụ sẽ thông qua biên bản xác nhận định kỳ</p>

	Thời hạn trách nhiệm đối với sai sót: 03 ngày kể từ khi nhận được thông báo của Chủ đầu tư.
ĐKC 23.2	Thời gian Nhà thầu thực hiện việc thay thế nhân sự: 03 ngày kể từ khi nhận được thông báo của Chủ đầu tư. Chi tiết thực hiện khi thương thảo hợp đồng

Chương VIII. BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG

Chương này bao gồm các biểu mẫu mà sau khi ghi thông tin hoàn chỉnh sẽ trở thành một phần của Hợp đồng. Mẫu bảo lãnh thực hiện hợp đồng và Mẫu bảo lãnh tiền tạm ứng dành cho Nhà thầu trúng thầu ghi thông tin và hoàn chỉnh sau khi được trao hợp đồng.

Mẫu số 18. Thư chấp thuận HSDT và trao hợp đồng

Mẫu số 19. Hợp đồng

THƯ CHẤP THUẬN HỒ SƠ DỰ THẦU VÀ TRAO HỢP ĐỒNG

____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Kính gửi: *[ghi tên và địa chỉ của Nhà thầu trúng thầu, sau đây gọi tắt là “Nhà thầu”]*Về việc: *Thông báo chấp thuận hồ sơ dự thầu và trao hợp đồng*

Căn cứ Quyết định số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ của Chủ đầu tư *[ghi tên Chủ đầu tư, sau đây gọi tắt là “Chủ đầu tư”]* về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu: ____ *[ghi tên, số hiệu gói thầu]*, Chủ đầu tư đã chấp thuận hồ sơ dự thầu và trao hợp đồng cho Nhà thầu để thực hiện gói thầu *[ghi tên, số hiệu gói thầu]* với giá hợp đồng là: ____ *[ghi giá trúng thầu trong quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu]* với thời gian thực hiện hợp đồng là: ____ *[ghi thời gian thực hiện hợp đồng trong quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu]*.

Đề nghị đại diện hợp pháp của Nhà thầu tiến hành hoàn thiện và ký kết hợp đồng với Chủ đầu tư, Bên mời thầu theo kế hoạch như sau:

- Thời gian hoàn thiện hợp đồng: ____ *[ghi thời gian hoàn thiện hợp đồng]*, tại địa điểm *[ghi địa điểm hoàn thiện hợp đồng]*;
- Thời gian ký kết hợp đồng: ____ *[ghi thời gian ký kết hợp đồng]*; tại địa điểm *[ghi địa điểm ký kết hợp đồng]*, gửi kèm theo Dự thảo hợp đồng.

Đề nghị Nhà thầu thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo Mẫu số 21 Chương VIII - Biểu mẫu hợp đồng của hồ sơ mời thầu với số tiền ____ và thời gian hiệu lực ____ *[ghi số tiền tương ứng và thời gian có hiệu lực theo quy định tại Mục 6.1 ĐKCT của HSMT. Trường hợp không áp dụng bảo đảm thực hiện hợp đồng thì bỏ điều khoản này]*.

Văn bản này là một phần không thể tách rời của hồ sơ hợp đồng. Sau khi nhận được văn bản này, Nhà thầu phải có văn bản chấp thuận đến hoàn thiện, ký kết hợp đồng và thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo yêu cầu nêu trên, trong đó Nhà thầu phải cam kết năng lực hiện tại của Nhà thầu vẫn đáp ứng yêu cầu của hồ sơ mời thầu. Chủ đầu tư sẽ từ chối hoàn thiện, ký kết hợp đồng với Nhà thầu trong trường hợp phát hiện năng lực hiện tại của Nhà thầu không đáp ứng yêu cầu thực hiện gói thầu.

Nếu đến ngày ____ tháng ____ năm ____⁽¹⁾ mà Nhà thầu không tiến hành hoàn thiện, ký kết hợp đồng hoặc từ chối hoàn thiện, ký kết hợp đồng hoặc không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo các yêu cầu nêu trên thì Nhà thầu sẽ bị loại và không được nhận lại bảo đảm dự thầu.

Đại diện hợp pháp của Bên mời thầu
[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Tài liệu đính kèm: Dự thảo hợp đồng

Ghi chú:

(1) Ghi thời gian phù hợp với thời gian quy định trong Mẫu thư bảo lãnh dự thầu.

HỢP ĐỒNG⁽¹⁾

____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Hợp đồng số: _____

Gói thầu: Thuê dịch vụ CNTT – Thuê phần mềm và dịch vụ giám sát, quản trị, vận hành hạ tầng công nghệ thông tin hệ thống eGP – Giai đoạn vận hành Hệ thống eGP

- Căn cứ⁽²⁾ ____ (Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015 của Quốc hội);
- Căn cứ Quyết định số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ của ____ về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu “Thuê dịch vụ giám sát, quản trị, vận hành hạ tầng công nghệ thông tin hệ thống eGP – Giai đoạn vận hành Hệ thống eGP” của Bên mời thầu;
- Căn cứ Biên bản thương thảo hợp đồng đã được Bên mời thầu và Nhà thầu trúng thầu ký ngày ____ tháng ____ năm ____ (nếu có);

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký hợp đồng, gồm có:

Chủ đầu tư (sau đây gọi là Bên A)

Tên Chủ đầu tư: Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Hệ thống đấu thầu qua mạng quốc gia

Địa chỉ: Tầng 8, tòa tháp VIT TOWER, Số 519, Phố Kim Mã, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

Điện thoại: 0243.7950.338

E-mail: contact@idnes.onmicrosoft.com

Tài khoản: _____

Mã số thuế: 0108930466

Đại diện là ông/bà: Nguyễn Thế Cường

Chức vụ: Tổng Giám đốc

Giấy ủy quyền ký hợp đồng số 01/21/UQ-IDNES ngày 01/01/2021.

Nhà thầu (sau đây gọi là Bên B)

Tên Nhà thầu: ____ [ghi tên Nhà thầu trúng thầu]:

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Fax: _____

E-mail: _____

Tài khoản: _____

Mã số thuế: _____

Đại diện là ông/bà: _____

¹ Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu, nội dung hợp đồng theo mẫu này có thể sửa đổi, bổ sung cho phù hợp, đặc biệt là đối với các nội dung khi thương thảo có sự khác biệt so với **ĐKCT**.

² Cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật theo quy định hiện hành.

Chức vụ: _____

Giấy ủy quyền ký hợp đồng số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ (trường hợp được ủy quyền).

Hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng cung cấp dịch vụ với các nội dung sau:

Điều 1. Đối tượng hợp đồng

Đối tượng của hợp đồng là các dịch vụ được nêu chi tiết tại Phụ lục kèm theo.

Điều 2. Thành phần hợp đồng

Thành phần hợp đồng và thứ tự ưu tiên pháp lý như sau:

1. Văn bản hợp đồng, kèm theo các phụ lục hợp đồng;
2. Thư chấp thuận hồ sơ dự thầu và trao hợp đồng;
3. Biên bản thương thảo, hoàn thiện hợp đồng (nếu có);
4. Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu;
5. Điều kiện cụ thể của hợp đồng;
6. Điều kiện chung của hợp đồng;
7. Hồ sơ dự thầu và các văn bản làm rõ hồ sơ dự thầu của Nhà thầu trúng thầu (nếu có);
8. Hồ sơ mời thầu và các tài liệu sửa đổi hồ sơ mời thầu (nếu có);
9. Các tài liệu kèm theo khác (nếu có).

Điều 3. Trách nhiệm của Bên A

Bên A cam kết thanh toán cho Bên B theo giá hợp đồng quy định tại Điều 5 của hợp đồng này theo phương thức được quy định trong điều kiện cụ thể của hợp đồng cũng như thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và trách nhiệm khác được quy định trong điều kiện chung và điều kiện cụ thể của hợp đồng.

Điều 4. Trách nhiệm của Bên B

Bên B cam kết cung cấp cho Bên A đầy đủ các loại dịch vụ như quy định tại Điều 1 của hợp đồng này, đồng thời cam kết thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ và trách nhiệm được nêu trong điều kiện chung và điều kiện cụ thể của hợp đồng.

Điều 5. Giá hợp đồng và phương thức thanh toán

1. Giá hợp đồng: ____ [ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền ký hợp đồng].
2. Phương thức thanh toán: ____ [ghi phương thức thanh toán theo quy định tại Mục 16.1 DKCT].

Các điều kiện về thanh toán có thể đàm phán lại trong quá trình thương thảo.

Điều 6. Loại hợp đồng

Loại hợp đồng: trọn gói

Điều 7. Thời gian thực hiện hợp đồng: 60 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

Điều 8. Hiệu lực hợp đồng.

1. Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký.
2. Hợp đồng hết hiệu lực sau khi hai bên tiến hành thanh lý hợp đồng theo luật định.

Hợp đồng được lập thành 04 bộ, Chủ đầu tư giữ 02 bộ, Nhà thầu giữ 02 bộ, các bộ hợp đồng có giá trị pháp lý như nhau.

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NHÀ
THẦU**

*[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng
dấu]*

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA CHỦ
ĐẦU TƯ**

*[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng
dấu]*

PHỤ LỤC BẢNG GIÁ HỢP ĐỒNG

(Kèm theo hợp đồng số ____, ngày __ tháng __ năm __)

Phụ lục này được lập trên cơ sở yêu cầu nêu trong HSMT, HSDT và những thỏa thuận đã đạt được trong quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng, bao gồm giá (thành tiền) cho từng hạng mục, nội dung công việc. Giá (thành tiền) cho từng hạng mục, nội dung công việc đã bao gồm các chi phí về thuế, phí, lệ phí (nếu có) theo thuế suất, mức phí, lệ phí tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định